

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH
VIỆT NAM

Số: 153/2024/TB-VPA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO
THỜI GIAN ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 04/11/2024

Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trân trọng thông báo thời gian tổ chức đấu giá biển số xe ô tô ngày 04/11/2024 như sau:

1. Danh sách biển số xe ô tô, thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước, thời gian tổ chức đấu giá: (Có danh sách chi tiết)

2. Địa điểm đấu giá, cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước

- Địa điểm đấu giá: Trang thông tin đấu giá trực tuyến <https://vpa.com.vn>.

- Cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước:

* Đối với các biển số xe ô tô đấu giá ngày 04/11/2024: Trước 16h30' ngày 01/11/2024 (theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam chậm nhất đến 16h30' ngày 01/11/2024).

+ Tổng số tiền: 40.100.000 đồng/biển số xe ô tô (Bằng chữ: Bốn mươi triệu một trăm nghìn đồng). Trong đó: tiền đặt trước: 40.000.000 đồng; tiền hồ sơ tham gia đấu giá: 100.000 đồng.

+ Tên tài khoản: Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam.

+ Số tài khoản: 1410999999999

+ Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình (Agribank Mỹ Đình).

+ Nội dung chuyển khoản: nhập "mã số thanh toán" trong phần **Nội dung chuyển khoản/Nội dung giao dịch** tại mục "**Thanh toán biển số xe**" trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến biển số xe ô tô.

- Thời lượng đấu giá: Tối thiểu 25 phút/01 biển số xe ô tô.

Lưu ý: Mã xác thực để truy cập đấu giá trực tuyến sẽ được hệ thống gửi đến số điện thoại và email của Quý khách đã đăng ký tối thiểu trước 60 phút khi cuộc đấu giá bắt đầu. Quý khách cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ hotline: 1900.05.5515

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an;
- Cổng thông tin điện tử - Bộ Công an;
- Trang thông tin đấu giá trực tuyến;
- Các điểm niêm yết theo quy định;
- Lưu HS, VT./.



Lâm Thị Mai Anh



DANH SÁCH ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 04/11/2024

Thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước: chậm nhất đến 16h30p ngày 01/11/2024
(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam).

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1	75A-399.99	Thừa Thiên Huế	1601	51M-099.99	Hồ Chí Minh	3201	21A-222.22	Yên Bái
2	29K-338.88	Hà Nội	1602	20A-886.66	Thái Nguyên	3202	12A-269.69	Lạng Sơn
3	30M-262.22	Hà Nội	1603	20C-322.22	Thái Nguyên	3203	30M-266.68	Hà Nội
4	30M-288.86	Hà Nội	1604	22A-275.55	Tuyên Quang	3204	30M-289.99	Hà Nội
5	30M-299.88	Hà Nội	1605	24A-315.55	Lào Cai	3205	36K-238.88	Thanh Hóa
6	30M-409.99	Hà Nội	1606	37K-506.66	Nghệ An	3206	51L-919.91	Hồ Chí Minh
7	35A-466.99	Ninh Bình	1607	37K-516.66	Nghệ An	3207	51M-122.22	Hồ Chí Minh
8	38A-699.39	Hà Tĩnh	1608	47A-829.99	Đắk Lắk	3208	51M-135.79	Hồ Chí Minh
9	43A-958.88	Đà Nẵng	1609	49A-756.66	Lâm Đồng	3209	60K-667.66	Đồng Nai
10	47A-859.99	Đắk Lắk	1610	51M-233.33	Hồ Chí Minh	3210	61B-044.44	Bình Dương
11	51M-068.88	Hồ Chí Minh	1611	51N-099.39	Hồ Chí Minh	3211	61K-538.88	Bình Dương
12	67A-333.34	An Giang	1612	61K-539.39	Bình Dương	3212	61K-566.65	Bình Dương
13	67D-012.34	An Giang	1613	67A-333.35	An Giang	3213	64C-139.39	Vĩnh Long
14	78B-022.22	Phú Yên	1614	72A-866.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	3214	66A-292.99	Đồng Tháp
15	89A-559.99	Hưng Yên	1615	83A-198.98	Sóc Trăng	3215	66A-308.88	Đồng Tháp
16	98A-899.89	Bắc Giang	1616	86A-333.99	Bình Thuận	3216	70D-011.11	Tây Ninh
17	98A-909.99	Bắc Giang	1617	99A-865.55	Bắc Ninh	3217	72A-858.88	Bà Rịa - Vũng Tàu
18	99B-033.33	Bắc Ninh	1618	99A-888.82	Bắc Ninh	3218	79A-588.99	Khánh Hòa
19	24A-297.97	Lào Cai	1619	11C-088.86	Cao Bằng	3219	11A-136.36	Cao Bằng
20	24C-168.66	Lào Cai	1620	14A-813.99	Quảng Ninh	3220	14K-033.39	Quảng Ninh
21	29K-357.99	Hà Nội	1621	15K-368.18	Hải Phòng	3221	15K-499.39	Hải Phòng
22	30L-918.81	Hà Nội	1622	28A-266.65	Hòa Bình	3222	30L-952.22	Hà Nội
23	30M-035.79	Hà Nội	1623	29K-459.99	Hà Nội	3223	30M-168.99	Hà Nội
24	30M-091.99	Hà Nội	1624	30M-111.10	Hà Nội	3224	30M-333.03	Hà Nội
25	30M-161.66	Hà Nội	1625	30M-191.88	Hà Nội	3225	30M-335.36	Hà Nội
26	30M-399.86	Hà Nội	1626	30M-226.88	Hà Nội	3226	30M-382.86	Hà Nội
27	36K-202.22	Thanh Hóa	1627	34A-919.69	Hải Dương	3227	34A-929.79	Hải Dương
28	43A-963.99	Đà Nẵng	1628	36K-266.65	Thanh Hóa	3228	34C-444.45	Hải Dương
29	47A-859.79	Đắk Lắk	1629	38A-681.68	Hà Tĩnh	3229	35A-476.66	Ninh Bình
30	51M-078.88	Hồ Chí Minh	1630	38A-683.86	Hà Tĩnh	3230	36K-246.89	Thanh Hóa
31	51M-179.86	Hồ Chí Minh	1631	38A-688.63	Hà Tĩnh	3231	36K-263.63	Thanh Hóa
32	51M-269.66	Hồ Chí Minh	1632	47A-824.24	Đắk Lắk	3232	36K-268.79	Thanh Hóa
33	60K-687.99	Đồng Nai	1633	49C-389.98	Lâm Đồng	3233	36K-288.98	Thanh Hóa
34	61C-638.88	Bình Dương	1634	49C-399.89	Lâm Đồng	3234	37K-433.79	Nghệ An
35	61K-397.86	Bình Dương	1635	51L-113.69	Hồ Chí Minh	3235	37K-499.94	Nghệ An
36	61K-567.67	Bình Dương	1636	51L-850.88	Hồ Chí Minh	3236	38C-246.88	Hà Tĩnh
37	62A-489.98	Long An	1637	51L-957.57	Hồ Chí Minh	3237	51L-252.68	Hồ Chí Minh
38	65C-266.68	Cần Thơ	1638	51L-979.86	Hồ Chí Minh	3238	51L-628.39	Hồ Chí Minh



Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
39	65C-279.99	Cần Thơ	1639	51M-166.61	Hồ Chí Minh	3239	51L-678.30	Hồ Chí Minh
40	72A-828.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	1640	51M-268.88	Hồ Chí Minh	3240	51M-178.88	Hồ Chí Minh
41	72A-852.52	Bà Rịa - Vũng Tàu	1641	51M-275.55	Hồ Chí Minh	3241	51M-281.18	Hồ Chí Minh
42	77A-366.86	Bình Định	1642	51M-293.99	Hồ Chí Minh	3242	61D-024.66	Bình Dương
43	81C-299.39	Gia Lai	1643	51N-111.23	Hồ Chí Minh	3243	63A-325.55	Tiền Giang
44	89A-555.35	Hưng Yên	1644	67B-029.99	An Giang	3244	69B-012.34	Cà Mau
45	92A-444.48	Quảng Nam	1645	72A-879.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	3245	72C-269.99	Bà Rịa - Vũng Tàu
46	93A-497.86	Bình Phước	1646	90A-288.83	Hà Nam	3246	90A-290.90	Hà Nam
47	98A-899.95	Bắc Giang	1647	90C-159.99	Hà Nam	3247	94A-111.66	Bạc Liêu
48	30M-031.33	Hà Nội	1648	30M-038.44	Hà Nội	3248	30M-038.33	Hà Nội
49	30M-037.79	Hà Nội	1649	30M-039.55	Hà Nội	3249	30M-039.77	Hà Nội
50	30M-040.99	Hà Nội	1650	30M-049.22	Hà Nội	3250	30M-043.68	Hà Nội
51	30M-041.39	Hà Nội	1651	30M-051.69	Hà Nội	3251	30M-057.57	Hà Nội
52	30M-041.99	Hà Nội	1652	30M-053.44	Hà Nội	3252	30M-060.77	Hà Nội
53	30M-053.54	Hà Nội	1653	30M-053.88	Hà Nội	3253	30M-061.77	Hà Nội
54	30M-060.79	Hà Nội	1654	30M-059.33	Hà Nội	3254	30M-074.11	Hà Nội
55	30M-061.44	Hà Nội	1655	30M-060.60	Hà Nội	3255	30M-077.66	Hà Nội
56	30M-067.67	Hà Nội	1656	30M-084.00	Hà Nội	3256	30M-083.99	Hà Nội
57	30M-069.44	Hà Nội	1657	30M-084.44	Hà Nội	3257	30M-084.99	Hà Nội
58	30M-076.69	Hà Nội	1658	30M-086.89	Hà Nội	3258	30M-085.77	Hà Nội
59	30M-077.11	Hà Nội	1659	30M-087.33	Hà Nội	3259	30M-089.66	Hà Nội
60	30M-077.99	Hà Nội	1660	30M-093.66	Hà Nội	3260	30M-094.77	Hà Nội
61	30M-087.08	Hà Nội	1661	30M-103.01	Hà Nội	3261	30M-104.40	Hà Nội
62	30M-095.77	Hà Nội	1662	30M-105.86	Hà Nội	3262	30M-116.33	Hà Nội
63	30M-103.22	Hà Nội	1663	30M-112.89	Hà Nội	3263	30M-127.33	Hà Nội
64	30M-107.68	Hà Nội	1664	30M-128.82	Hà Nội	3264	30M-161.22	Hà Nội
65	30M-111.06	Hà Nội	1665	30M-129.55	Hà Nội	3265	30M-163.36	Hà Nội
66	30M-112.13	Hà Nội	1666	30M-129.86	Hà Nội	3266	30M-165.56	Hà Nội
67	30M-112.66	Hà Nội	1667	30M-132.55	Hà Nội	3267	30M-165.89	Hà Nội
68	30M-117.68	Hà Nội	1668	30M-133.86	Hà Nội	3268	30M-172.11	Hà Nội
69	30M-123.33	Hà Nội	1669	30M-138.38	Hà Nội	3269	30M-184.44	Hà Nội
70	30M-133.00	Hà Nội	1670	30M-140.41	Hà Nội	3270	30M-185.77	Hà Nội
71	30M-139.88	Hà Nội	1671	30M-148.14	Hà Nội	3271	30M-186.33	Hà Nội
72	30M-139.96	Hà Nội	1672	30M-148.48	Hà Nội	3272	30M-188.55	Hà Nội
73	30M-143.34	Hà Nội	1673	30M-150.33	Hà Nội	3273	30M-190.86	Hà Nội
74	30M-143.41	Hà Nội	1674	30M-158.55	Hà Nội	3274	30M-192.68	Hà Nội
75	30M-146.55	Hà Nội	1675	30M-159.96	Hà Nội	3275	30M-200.55	Hà Nội
76	30M-152.77	Hà Nội	1676	30M-162.69	Hà Nội	3276	30M-200.88	Hà Nội
77	30M-154.86	Hà Nội	1677	30M-164.22	Hà Nội	3277	30M-201.01	Hà Nội
78	30M-170.69	Hà Nội	1678	30M-164.44	Hà Nội	3278	30M-206.77	Hà Nội
79	30M-173.39	Hà Nội	1679	30M-173.22	Hà Nội	3279	30M-211.66	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
80	30M-194.33	Hà Nội	1680	30M-177.68	Hà Nội	3280	30M-215.39	Hà Nội
81	30M-200.11	Hà Nội	1681	30M-179.66	Hà Nội	3281	30M-217.71	Hà Nội
82	30M-205.88	Hà Nội	1682	30M-181.86	Hà Nội	3282	30M-223.86	Hà Nội
83	30M-208.00	Hà Nội	1683	30M-181.99	Hà Nội	3283	30M-231.11	Hà Nội
84	30M-215.77	Hà Nội	1684	30M-182.81	Hà Nội	3284	30M-235.22	Hà Nội
85	30M-221.39	Hà Nội	1685	30M-184.81	Hà Nội	3285	30M-235.36	Hà Nội
86	30M-221.89	Hà Nội	1686	30M-186.79	Hà Nội	3286	30M-237.38	Hà Nội
87	30M-226.27	Hà Nội	1687	30M-189.44	Hà Nội	3287	30M-238.86	Hà Nội
88	30M-236.39	Hà Nội	1688	30M-192.11	Hà Nội	3288	30M-240.40	Hà Nội
89	30M-236.77	Hà Nội	1689	30M-193.69	Hà Nội	3289	30M-240.44	Hà Nội
90	30M-238.44	Hà Nội	1690	30M-203.20	Hà Nội	3290	30M-240.99	Hà Nội
91	30M-239.44	Hà Nội	1691	30M-206.20	Hà Nội	3291	30M-245.88	Hà Nội
92	30M-246.44	Hà Nội	1692	30M-208.09	Hà Nội	3292	30M-272.39	Hà Nội
93	30M-249.68	Hà Nội	1693	30M-210.39	Hà Nội	3293	30M-290.66	Hà Nội
94	30M-251.52	Hà Nội	1694	30M-211.55	Hà Nội	3294	30M-298.33	Hà Nội
95	30M-261.00	Hà Nội	1695	30M-214.00	Hà Nội	3295	30M-306.00	Hà Nội
96	30M-263.39	Hà Nội	1696	30M-214.44	Hà Nội	3296	30M-310.33	Hà Nội
97	30M-266.22	Hà Nội	1697	30M-214.55	Hà Nội	3297	30M-317.99	Hà Nội
98	30M-271.00	Hà Nội	1698	30M-225.00	Hà Nội	3298	30M-324.77	Hà Nội
99	30M-279.55	Hà Nội	1699	30M-227.68	Hà Nội	3299	30M-327.11	Hà Nội
100	30M-281.22	Hà Nội	1700	30M-231.00	Hà Nội	3300	30M-329.22	Hà Nội
101	30M-297.97	Hà Nội	1701	30M-237.33	Hà Nội	3301	30M-340.11	Hà Nội
102	30M-298.39	Hà Nội	1702	30M-252.44	Hà Nội	3302	30M-344.79	Hà Nội
103	30M-304.33	Hà Nội	1703	30M-254.99	Hà Nội	3303	30M-347.86	Hà Nội
104	30M-309.88	Hà Nội	1704	30M-255.44	Hà Nội	3304	30M-350.53	Hà Nội
105	30M-314.39	Hà Nội	1705	30M-256.55	Hà Nội	3305	30M-368.39	Hà Nội
106	30M-319.55	Hà Nội	1706	30M-258.44	Hà Nội	3306	30M-370.39	Hà Nội
107	30M-322.88	Hà Nội	1707	30M-267.39	Hà Nội	3307	30M-370.73	Hà Nội
108	30M-327.89	Hà Nội	1708	30M-279.89	Hà Nội	3308	30M-376.00	Hà Nội
109	30M-328.28	Hà Nội	1709	30M-289.22	Hà Nội	3309	30M-376.39	Hà Nội
110	30M-329.11	Hà Nội	1710	30M-294.33	Hà Nội	3310	30M-376.67	Hà Nội
111	30M-337.77	Hà Nội	1711	30M-296.44	Hà Nội	3311	30M-384.00	Hà Nội
112	30M-344.86	Hà Nội	1712	30M-302.02	Hà Nội	3312	30M-387.99	Hà Nội
113	30M-346.79	Hà Nội	1713	30M-304.69	Hà Nội	3313	30M-388.22	Hà Nội
114	30M-356.22	Hà Nội	1714	30M-307.99	Hà Nội	3314	30M-391.69	Hà Nội
115	30M-360.00	Hà Nội	1715	30M-308.30	Hà Nội	3315	30M-402.33	Hà Nội
116	30M-365.77	Hà Nội	1716	30M-320.99	Hà Nội	3316	30M-414.88	Hà Nội
117	30M-373.39	Hà Nội	1717	30M-321.11	Hà Nội	3317	30M-419.77	Hà Nội
118	30M-374.00	Hà Nội	1718	30M-327.00	Hà Nội	3318	51L-901.79	Hồ Chí Minh
119	30M-375.99	Hà Nội	1719	30M-328.77	Hà Nội	3319	51L-903.39	Hồ Chí Minh
120	30M-376.22	Hà Nội	1720	30M-332.88	Hà Nội	3320	51L-905.33	Hồ Chí Minh

Y
 Á
 V
 H
 M
 P H

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
121	30M-378.44	Hà Nội	1721	30M-335.99	Hà Nội	3321	51L-910.01	Hồ Chí Minh
122	30M-389.44	Hà Nội	1722	30M-340.41	Hà Nội	3322	51L-910.22	Hồ Chí Minh
123	30M-391.11	Hà Nội	1723	30M-346.68	Hà Nội	3323	51L-913.13	Hồ Chí Minh
124	30M-405.39	Hà Nội	1724	30M-346.77	Hà Nội	3324	51L-919.39	Hồ Chí Minh
125	30M-416.61	Hà Nội	1725	30M-354.69	Hà Nội	3325	51L-925.88	Hồ Chí Minh
126	30M-419.11	Hà Nội	1726	30M-367.63	Hà Nội	3326	51L-926.77	Hồ Chí Minh
127	51L-913.11	Hồ Chí Minh	1727	30M-367.99	Hà Nội	3327	51L-931.33	Hồ Chí Minh
128	51L-915.79	Hồ Chí Minh	1728	30M-375.39	Hà Nội	3328	51L-934.86	Hồ Chí Minh
129	51L-918.33	Hồ Chí Minh	1729	30M-381.99	Hà Nội	3329	51L-946.39	Hồ Chí Minh
130	51L-924.25	Hồ Chí Minh	1730	30M-382.11	Hà Nội	3330	51L-950.77	Hồ Chí Minh
131	51L-932.55	Hồ Chí Minh	1731	30M-390.69	Hà Nội	3331	51L-951.77	Hồ Chí Minh
132	51L-934.56	Hồ Chí Minh	1732	30M-391.88	Hà Nội	3332	51L-952.66	Hồ Chí Minh
133	51L-937.55	Hồ Chí Minh	1733	30M-395.66	Hà Nội	3333	51L-955.22	Hồ Chí Minh
134	51L-939.69	Hồ Chí Minh	1734	30M-396.00	Hà Nội	3334	51L-956.57	Hồ Chí Minh
135	51L-944.55	Hồ Chí Minh	1735	30M-399.33	Hà Nội	3335	51L-958.11	Hồ Chí Minh
136	51L-944.99	Hồ Chí Minh	1736	30M-410.44	Hà Nội	3336	51L-958.95	Hồ Chí Minh
137	51L-946.64	Hồ Chí Minh	1737	30M-416.77	Hà Nội	3337	51L-962.86	Hồ Chí Minh
138	51L-949.55	Hồ Chí Minh	1738	30M-417.66	Hà Nội	3338	51L-974.97	Hồ Chí Minh
139	51L-953.95	Hồ Chí Minh	1739	30M-420.69	Hà Nội	3339	51L-977.89	Hồ Chí Minh
140	51L-962.55	Hồ Chí Minh	1740	51L-897.00	Hồ Chí Minh	3340	51L-981.00	Hồ Chí Minh
141	51L-964.55	Hồ Chí Minh	1741	51L-897.44	Hồ Chí Minh	3341	51L-985.66	Hồ Chí Minh
142	51L-967.55	Hồ Chí Minh	1742	51L-902.44	Hồ Chí Minh	3342	51L-988.39	Hồ Chí Minh
143	51L-973.68	Hồ Chí Minh	1743	51L-906.07	Hồ Chí Minh	3343	51L-993.86	Hồ Chí Minh
144	51L-978.00	Hồ Chí Minh	1744	51L-908.66	Hồ Chí Minh	3344	51M-052.39	Hồ Chí Minh
145	51L-978.22	Hồ Chí Minh	1745	51L-913.88	Hồ Chí Minh	3345	51M-053.77	Hồ Chí Minh
146	51L-989.00	Hồ Chí Minh	1746	51L-915.22	Hồ Chí Minh	3346	51M-056.00	Hồ Chí Minh
147	51M-063.33	Hồ Chí Minh	1747	51L-917.00	Hồ Chí Minh	3347	51M-059.00	Hồ Chí Minh
148	51M-064.22	Hồ Chí Minh	1748	51L-920.39	Hồ Chí Minh	3348	51M-062.60	Hồ Chí Minh
149	51M-065.60	Hồ Chí Minh	1749	51L-924.44	Hồ Chí Minh	3349	51M-063.68	Hồ Chí Minh
150	51M-083.55	Hồ Chí Minh	1750	51L-929.44	Hồ Chí Minh	3350	51M-066.22	Hồ Chí Minh
151	51M-086.87	Hồ Chí Minh	1751	51L-932.89	Hồ Chí Minh	3351	51M-069.00	Hồ Chí Minh
152	51M-087.88	Hồ Chí Minh	1752	51L-945.77	Hồ Chí Minh	3352	51M-073.22	Hồ Chí Minh
153	51M-102.02	Hồ Chí Minh	1753	51L-945.79	Hồ Chí Minh	3353	51M-079.88	Hồ Chí Minh
154	51M-110.69	Hồ Chí Minh	1754	51L-952.44	Hồ Chí Minh	3354	51M-082.22	Hồ Chí Minh
155	51M-112.12	Hồ Chí Minh	1755	51L-952.52	Hồ Chí Minh	3355	51M-087.22	Hồ Chí Minh
156	51M-112.44	Hồ Chí Minh	1756	51L-956.22	Hồ Chí Minh	3356	51M-088.55	Hồ Chí Minh
157	51M-112.89	Hồ Chí Minh	1757	51L-956.89	Hồ Chí Minh	3357	51M-092.09	Hồ Chí Minh
158	51M-114.88	Hồ Chí Minh	1758	51L-975.75	Hồ Chí Minh	3358	51M-095.68	Hồ Chí Minh
159	51M-122.11	Hồ Chí Minh	1759	51L-981.99	Hồ Chí Minh	3359	51M-098.44	Hồ Chí Minh
160	51M-127.39	Hồ Chí Minh	1760	51L-985.99	Hồ Chí Minh	3360	51M-102.79	Hồ Chí Minh
161	51M-128.79	Hồ Chí Minh	1761	51L-996.39	Hồ Chí Minh	3361	51M-114.79	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
162	51M-139.69	Hồ Chí Minh	1762	51M-053.35	Hồ Chí Minh	3362	51M-130.03	Hồ Chí Minh
163	51M-143.77	Hồ Chí Minh	1763	51M-054.54	Hồ Chí Minh	3363	51M-132.99	Hồ Chí Minh
164	51M-151.22	Hồ Chí Minh	1764	51M-054.68	Hồ Chí Minh	3364	51M-140.69	Hồ Chí Minh
165	51M-154.77	Hồ Chí Minh	1765	51M-058.89	Hồ Chí Minh	3365	51M-141.39	Hồ Chí Minh
166	51M-156.99	Hồ Chí Minh	1766	51M-065.11	Hồ Chí Minh	3366	51M-148.89	Hồ Chí Minh
167	51M-158.00	Hồ Chí Minh	1767	51M-069.44	Hồ Chí Minh	3367	51M-156.51	Hồ Chí Minh
168	51M-162.44	Hồ Chí Minh	1768	51M-072.07	Hồ Chí Minh	3368	51M-159.95	Hồ Chí Minh
169	51M-164.55	Hồ Chí Minh	1769	51M-081.86	Hồ Chí Minh	3369	51M-171.88	Hồ Chí Minh
170	51M-171.77	Hồ Chí Minh	1770	51M-082.68	Hồ Chí Minh	3370	51M-172.99	Hồ Chí Minh
171	51M-173.89	Hồ Chí Minh	1771	51M-084.00	Hồ Chí Minh	3371	51M-173.44	Hồ Chí Minh
172	51M-178.55	Hồ Chí Minh	1772	51M-086.77	Hồ Chí Minh	3372	51M-175.00	Hồ Chí Minh
173	51M-179.88	Hồ Chí Minh	1773	51M-087.89	Hồ Chí Minh	3373	51M-177.17	Hồ Chí Minh
174	51M-185.39	Hồ Chí Minh	1774	51M-092.00	Hồ Chí Minh	3374	51M-179.39	Hồ Chí Minh
175	51M-185.79	Hồ Chí Minh	1775	51M-103.01	Hồ Chí Minh	3375	51M-182.77	Hồ Chí Minh
176	51M-195.91	Hồ Chí Minh	1776	51M-105.06	Hồ Chí Minh	3376	51M-184.69	Hồ Chí Minh
177	51M-198.68	Hồ Chí Minh	1777	51M-111.33	Hồ Chí Minh	3377	51M-190.99	Hồ Chí Minh
178	51M-200.69	Hồ Chí Minh	1778	51M-117.55	Hồ Chí Minh	3378	51M-197.91	Hồ Chí Minh
179	51M-201.33	Hồ Chí Minh	1779	51M-120.88	Hồ Chí Minh	3379	51M-202.79	Hồ Chí Minh
180	51M-201.44	Hồ Chí Minh	1780	51M-121.79	Hồ Chí Minh	3380	51M-216.11	Hồ Chí Minh
181	51M-203.44	Hồ Chí Minh	1781	51M-128.33	Hồ Chí Minh	3381	51M-230.69	Hồ Chí Minh
182	51M-211.66	Hồ Chí Minh	1782	51M-136.89	Hồ Chí Minh	3382	51M-231.39	Hồ Chí Minh
183	51M-222.67	Hồ Chí Minh	1783	51M-142.99	Hồ Chí Minh	3383	51M-231.88	Hồ Chí Minh
184	51M-229.68	Hồ Chí Minh	1784	51M-143.11	Hồ Chí Minh	3384	51M-231.89	Hồ Chí Minh
185	51M-231.44	Hồ Chí Minh	1785	51M-150.44	Hồ Chí Minh	3385	51M-232.55	Hồ Chí Minh
186	51M-232.86	Hồ Chí Minh	1786	51M-156.44	Hồ Chí Minh	3386	51M-236.77	Hồ Chí Minh
187	51M-240.24	Hồ Chí Minh	1787	51M-156.86	Hồ Chí Minh	3387	51M-245.86	Hồ Chí Minh
188	51M-247.00	Hồ Chí Minh	1788	51M-158.77	Hồ Chí Minh	3388	51M-253.22	Hồ Chí Minh
189	51M-252.69	Hồ Chí Minh	1789	51M-169.55	Hồ Chí Minh	3389	51M-267.26	Hồ Chí Minh
190	51M-252.77	Hồ Chí Minh	1790	51M-172.27	Hồ Chí Minh	3390	51M-269.55	Hồ Chí Minh
191	51M-255.77	Hồ Chí Minh	1791	51M-175.33	Hồ Chí Minh	3391	51M-272.69	Hồ Chí Minh
192	51M-259.89	Hồ Chí Minh	1792	51M-184.55	Hồ Chí Minh	3392	51M-272.86	Hồ Chí Minh
193	51M-265.66	Hồ Chí Minh	1793	51M-197.44	Hồ Chí Minh	3393	51M-276.89	Hồ Chí Minh
194	51M-275.57	Hồ Chí Minh	1794	51M-200.79	Hồ Chí Minh	3394	51M-278.00	Hồ Chí Minh
195	51M-281.55	Hồ Chí Minh	1795	51M-201.22	Hồ Chí Minh	3395	51M-279.68	Hồ Chí Minh
196	51M-288.68	Hồ Chí Minh	1796	51M-209.11	Hồ Chí Minh	3396	51M-280.66	Hồ Chí Minh
197	51M-292.77	Hồ Chí Minh	1797	51M-213.66	Hồ Chí Minh	3397	51M-281.28	Hồ Chí Minh
198	51M-295.86	Hồ Chí Minh	1798	51M-218.11	Hồ Chí Minh	3398	51M-283.68	Hồ Chí Minh
199	51M-296.33	Hồ Chí Minh	1799	51M-222.05	Hồ Chí Minh	3399	51M-291.91	Hồ Chí Minh
200	51M-297.00	Hồ Chí Minh	1800	51M-222.33	Hồ Chí Minh	3400	51M-293.00	Hồ Chí Minh
201	51M-299.29	Hồ Chí Minh	1801	51M-235.35	Hồ Chí Minh	3401	51M-294.00	Hồ Chí Minh
202	51M-300.69	Hồ Chí Minh	1802	51M-236.63	Hồ Chí Minh	3402	51M-295.66	Hồ Chí Minh

CÔNG
ĐẤU
HỢP
VIỆT
H XƯA

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
203	51M-306.86	Hồ Chí Minh	1803	51M-238.55	Hồ Chí Minh	3403	51M-297.55	Hồ Chí Minh
204	51N-000.16	Hồ Chí Minh	1804	51M-241.77	Hồ Chí Minh	3404	51M-302.30	Hồ Chí Minh
205	51N-000.35	Hồ Chí Minh	1805	51M-252.44	Hồ Chí Minh	3405	51M-307.69	Hồ Chí Minh
206	51N-002.68	Hồ Chí Minh	1806	51M-258.52	Hồ Chí Minh	3406	51M-309.89	Hồ Chí Minh
207	51N-006.77	Hồ Chí Minh	1807	51M-260.22	Hồ Chí Minh	3407	51N-020.79	Hồ Chí Minh
208	51N-007.88	Hồ Chí Minh	1808	51M-263.79	Hồ Chí Minh	3408	51N-028.86	Hồ Chí Minh
209	51N-010.55	Hồ Chí Minh	1809	51M-270.68	Hồ Chí Minh	3409	51N-029.44	Hồ Chí Minh
210	51N-013.44	Hồ Chí Minh	1810	51M-282.69	Hồ Chí Minh	3410	51N-038.68	Hồ Chí Minh
211	51N-015.01	Hồ Chí Minh	1811	51M-287.99	Hồ Chí Minh	3411	51N-039.22	Hồ Chí Minh
212	51N-017.39	Hồ Chí Minh	1812	51M-289.96	Hồ Chí Minh	3412	51N-052.77	Hồ Chí Minh
213	51N-018.11	Hồ Chí Minh	1813	51M-294.22	Hồ Chí Minh	3413	51N-053.68	Hồ Chí Minh
214	51N-022.55	Hồ Chí Minh	1814	51M-295.00	Hồ Chí Minh	3414	51N-057.50	Hồ Chí Minh
215	51N-024.24	Hồ Chí Minh	1815	51M-295.96	Hồ Chí Minh	3415	51N-058.99	Hồ Chí Minh
216	51N-025.88	Hồ Chí Minh	1816	51M-300.39	Hồ Chí Minh	3416	51N-059.44	Hồ Chí Minh
217	51N-032.88	Hồ Chí Minh	1817	51M-302.69	Hồ Chí Minh	3417	51N-064.39	Hồ Chí Minh
218	51N-039.33	Hồ Chí Minh	1818	51M-307.11	Hồ Chí Minh	3418	51N-064.60	Hồ Chí Minh
219	51N-042.44	Hồ Chí Minh	1819	51M-309.55	Hồ Chí Minh	3419	51N-066.00	Hồ Chí Minh
220	51N-048.04	Hồ Chí Minh	1820	51N-019.11	Hồ Chí Minh	3420	51N-080.88	Hồ Chí Minh
221	51N-065.89	Hồ Chí Minh	1821	51N-027.79	Hồ Chí Minh	3421	51N-085.68	Hồ Chí Minh
222	51N-072.11	Hồ Chí Minh	1822	51N-036.55	Hồ Chí Minh	3422	51N-088.11	Hồ Chí Minh
223	51N-085.22	Hồ Chí Minh	1823	51N-036.79	Hồ Chí Minh	3423	51N-090.66	Hồ Chí Minh
224	51N-087.55	Hồ Chí Minh	1824	51N-038.77	Hồ Chí Minh	3424	51N-096.22	Hồ Chí Minh
225	51N-091.90	Hồ Chí Minh	1825	51N-043.89	Hồ Chí Minh	3425	51N-103.33	Hồ Chí Minh
226	51N-095.86	Hồ Chí Minh	1826	51N-067.06	Hồ Chí Minh	3426	51N-124.77	Hồ Chí Minh
227	51N-099.77	Hồ Chí Minh	1827	51N-068.69	Hồ Chí Minh	3427	51N-145.22	Hồ Chí Minh
228	51N-107.39	Hồ Chí Minh	1828	51N-082.80	Hồ Chí Minh	3428	51N-146.44	Hồ Chí Minh
229	51N-107.89	Hồ Chí Minh	1829	51N-086.44	Hồ Chí Minh	3429	11A-135.99	Cao Bằng
230	51N-111.04	Hồ Chí Minh	1830	51N-104.77	Hồ Chí Minh	3430	11C-089.66	Cao Bằng
231	51N-115.16	Hồ Chí Minh	1831	51N-110.66	Hồ Chí Minh	3431	11D-009.96	Cao Bằng
232	51N-127.33	Hồ Chí Minh	1832	51N-118.00	Hồ Chí Minh	3432	12A-269.39	Lạng Sơn
233	51N-128.82	Hồ Chí Minh	1833	51N-123.00	Hồ Chí Minh	3433	12C-145.45	Lạng Sơn
234	51N-130.79	Hồ Chí Minh	1834	51N-123.22	Hồ Chí Minh	3434	14A-990.90	Quảng Ninh
235	51N-132.69	Hồ Chí Minh	1835	51N-132.86	Hồ Chí Minh	3435	14A-994.79	Quảng Ninh
236	51N-134.35	Hồ Chí Minh	1836	51N-135.11	Hồ Chí Minh	3436	14C-452.53	Quảng Ninh
237	51N-140.00	Hồ Chí Minh	1837	51N-149.39	Hồ Chí Minh	3437	14C-453.22	Quảng Ninh
238	51N-142.99	Hồ Chí Minh	1838	11A-135.77	Cao Bằng	3438	14C-456.45	Quảng Ninh
239	51N-144.66	Hồ Chí Minh	1839	11A-136.37	Cao Bằng	3439	14C-459.88	Quảng Ninh
240	51N-150.77	Hồ Chí Minh	1840	11A-138.38	Cao Bằng	3440	14C-462.77	Quảng Ninh
241	11A-136.44	Cao Bằng	1841	11B-016.79	Cao Bằng	3441	14C-471.66	Quảng Ninh
242	11B-015.39	Cao Bằng	1842	12A-263.69	Lạng Sơn	3442	14D-033.11	Quảng Ninh
243	11C-087.80	Cao Bằng	1843	12A-269.88	Lạng Sơn	3443	14K-000.36	Quảng Ninh

1.5
 TỶ
 GIÁ
 ANH
 NAM
 1.5

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
244	12A-264.62	Lạng Sơn	1844	12A-269.89	Lạng Sơn	3444	14K-001.44	Quảng Ninh
245	12A-266.67	Lạng Sơn	1845	12A-270.70	Lạng Sơn	3445	14K-007.11	Quảng Ninh
246	12A-272.69	Lạng Sơn	1846	12B-017.10	Lạng Sơn	3446	14K-012.13	Quảng Ninh
247	12B-016.11	Lạng Sơn	1847	12D-011.12	Lạng Sơn	3447	14K-017.00	Quảng Ninh
248	12B-016.39	Lạng Sơn	1848	14A-989.44	Quảng Ninh	3448	14K-019.33	Quảng Ninh
249	12C-141.79	Lạng Sơn	1849	14A-996.88	Quảng Ninh	3449	14K-023.11	Quảng Ninh
250	12C-144.45	Lạng Sơn	1850	14A-997.39	Quảng Ninh	3450	14K-023.68	Quảng Ninh
251	14A-998.55	Quảng Ninh	1851	14B-054.79	Quảng Ninh	3451	14K-025.00	Quảng Ninh
252	14C-458.33	Quảng Ninh	1852	14C-449.77	Quảng Ninh	3452	14K-025.52	Quảng Ninh
253	14C-463.77	Quảng Ninh	1853	14D-030.77	Quảng Ninh	3453	14K-026.26	Quảng Ninh
254	14C-469.44	Quảng Ninh	1854	14K-004.66	Quảng Ninh	3454	14K-031.86	Quảng Ninh
255	14C-471.74	Quảng Ninh	1855	14K-005.50	Quảng Ninh	3455	14K-034.11	Quảng Ninh
256	14D-032.77	Quảng Ninh	1856	14K-006.33	Quảng Ninh	3456	14K-036.33	Quảng Ninh
257	14K-010.88	Quảng Ninh	1857	14K-009.00	Quảng Ninh	3457	14K-042.22	Quảng Ninh
258	14K-013.68	Quảng Ninh	1858	14K-010.39	Quảng Ninh	3458	14K-043.99	Quảng Ninh
259	14K-016.00	Quảng Ninh	1859	14K-026.62	Quảng Ninh	3459	14K-045.89	Quảng Ninh
260	14K-016.77	Quảng Ninh	1860	14K-028.28	Quảng Ninh	3460	14K-046.64	Quảng Ninh
261	14K-018.66	Quảng Ninh	1861	14K-033.68	Quảng Ninh	3461	15C-484.22	Hải Phòng
262	14K-020.99	Quảng Ninh	1862	14K-043.88	Quảng Ninh	3462	15C-486.39	Hải Phòng
263	14K-029.33	Quảng Ninh	1863	14K-046.40	Quảng Ninh	3463	15C-487.11	Hải Phòng
264	14K-035.36	Quảng Ninh	1864	15C-483.79	Hải Phòng	3464	15D-052.69	Hải Phòng
265	14K-044.55	Quảng Ninh	1865	15C-488.00	Hải Phòng	3465	15D-054.50	Hải Phòng
266	15B-055.88	Hải Phòng	1866	15C-488.33	Hải Phòng	3466	15K-425.33	Hải Phòng
267	15B-058.58	Hải Phòng	1867	15C-490.88	Hải Phòng	3467	15K-426.42	Hải Phòng
268	15C-483.44	Hải Phòng	1868	15D-053.00	Hải Phòng	3468	15K-460.39	Hải Phòng
269	15C-487.69	Hải Phòng	1869	15K-429.55	Hải Phòng	3469	15K-462.00	Hải Phòng
270	15C-487.84	Hải Phòng	1870	15K-435.53	Hải Phòng	3470	15K-475.76	Hải Phòng
271	15C-494.39	Hải Phòng	1871	15K-440.86	Hải Phòng	3471	15K-484.88	Hải Phòng
272	15C-496.88	Hải Phòng	1872	15K-447.47	Hải Phòng	3472	15K-490.86	Hải Phòng
273	15K-425.22	Hải Phòng	1873	15K-448.39	Hải Phòng	3473	15K-491.19	Hải Phòng
274	15K-428.33	Hải Phòng	1874	15K-455.79	Hải Phòng	3474	15K-492.22	Hải Phòng
275	15K-433.22	Hải Phòng	1875	15K-457.88	Hải Phòng	3475	15K-498.22	Hải Phòng
276	15K-444.08	Hải Phòng	1876	15K-459.95	Hải Phòng	3476	15K-499.11	Hải Phòng
277	15K-447.00	Hải Phòng	1877	15K-462.46	Hải Phòng	3477	15K-500.68	Hải Phòng
278	15K-447.39	Hải Phòng	1878	15K-465.44	Hải Phòng	3478	15K-508.05	Hải Phòng
279	15K-448.44	Hải Phòng	1879	15K-467.88	Hải Phòng	3479	15K-510.00	Hải Phòng
280	15K-450.79	Hải Phòng	1880	15K-478.00	Hải Phòng	3480	15K-510.01	Hải Phòng
281	15K-453.68	Hải Phòng	1881	15K-487.88	Hải Phòng	3481	17A-493.66	Thái Bình
282	15K-457.86	Hải Phòng	1882	15K-489.11	Hải Phòng	3482	17A-493.94	Thái Bình
283	15K-459.66	Hải Phòng	1883	15K-489.44	Hải Phòng	3483	17A-495.00	Thái Bình
284	15K-466.79	Hải Phòng	1884	15K-497.00	Hải Phòng	3484	17A-496.33	Thái Bình

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
285	15K-468.99	Hải Phòng	1885	15K-499.44	Hải Phòng	3485	17A-502.05	Thái Bình
286	15K-472.11	Hải Phòng	1886	15K-507.22	Hải Phòng	3486	17A-511.68	Thái Bình
287	15K-488.11	Hải Phòng	1887	15K-508.09	Hải Phòng	3487	17B-032.66	Thái Bình
288	15K-509.66	Hải Phòng	1888	15K-509.00	Hải Phòng	3488	17B-032.69	Thái Bình
289	15K-509.86	Hải Phòng	1889	15K-509.90	Hải Phòng	3489	17C-216.89	Thái Bình
290	15K-512.68	Hải Phòng	1890	17A-500.33	Thái Bình	3490	17C-221.12	Thái Bình
291	17A-492.99	Thái Bình	1891	17A-503.11	Thái Bình	3491	17C-221.39	Thái Bình
292	17A-495.66	Thái Bình	1892	17A-508.00	Thái Bình	3492	17C-222.14	Thái Bình
293	17A-506.99	Thái Bình	1893	17A-513.22	Thái Bình	3493	17C-222.34	Thái Bình
294	17A-510.77	Thái Bình	1894	17B-032.44	Thái Bình	3494	17D-013.69	Thái Bình
295	17C-221.55	Thái Bình	1895	17C-217.17	Thái Bình	3495	18A-498.11	Nam Định
296	17C-221.68	Thái Bình	1896	17C-217.88	Thái Bình	3496	18A-500.11	Nam Định
297	17D-016.79	Thái Bình	1897	17C-219.39	Thái Bình	3497	18A-501.44	Nam Định
298	18A-492.66	Nam Định	1898	17C-223.23	Thái Bình	3498	18A-506.77	Nam Định
299	18A-501.55	Nam Định	1899	17D-014.33	Thái Bình	3499	18A-513.00	Nam Định
300	18A-504.11	Nam Định	1900	18A-496.77	Nam Định	3500	18C-174.86	Nam Định
301	18A-512.79	Nam Định	1901	18A-505.99	Nam Định	3501	18C-180.00	Nam Định
302	18C-179.89	Nam Định	1902	18B-031.13	Nam Định	3502	18C-180.11	Nam Định
303	18C-180.22	Nam Định	1903	18B-033.00	Nam Định	3503	19A-725.00	Phú Thọ
304	18C-180.89	Nam Định	1904	18B-034.99	Nam Định	3504	19A-738.55	Phú Thọ
305	19A-717.77	Phú Thọ	1905	18C-174.66	Nam Định	3505	19A-739.66	Phú Thọ
306	19A-717.99	Phú Thọ	1906	19A-720.02	Phú Thọ	3506	19A-745.47	Phú Thọ
307	19A-719.96	Phú Thọ	1907	19A-723.22	Phú Thọ	3507	19A-753.88	Phú Thọ
308	19A-730.00	Phú Thọ	1908	19A-724.99	Phú Thọ	3508	19A-757.39	Phú Thọ
309	19A-730.03	Phú Thọ	1909	19A-738.33	Phú Thọ	3509	19C-265.00	Phú Thọ
310	19A-730.44	Phú Thọ	1910	19A-739.00	Phú Thọ	3510	19C-274.00	Phú Thọ
311	19A-735.36	Phú Thọ	1911	19A-745.79	Phú Thọ	3511	19C-280.28	Phú Thọ
312	19A-739.89	Phú Thọ	1912	19A-748.49	Phú Thọ	3512	20A-865.66	Thái Nguyên
313	19A-741.55	Phú Thọ	1913	19A-749.89	Phú Thọ	3513	20A-867.76	Thái Nguyên
314	19A-742.43	Phú Thọ	1914	19B-029.11	Phú Thọ	3514	20A-867.77	Thái Nguyên
315	19A-752.99	Phú Thọ	1915	19C-270.99	Phú Thọ	3515	20A-869.11	Thái Nguyên
316	19A-756.44	Phú Thọ	1916	19D-022.89	Phú Thọ	3516	20A-872.88	Thái Nguyên
317	19B-028.02	Phú Thọ	1917	20A-861.99	Thái Nguyên	3517	20A-874.47	Thái Nguyên
318	19B-030.22	Phú Thọ	1918	20A-871.44	Thái Nguyên	3518	20A-876.66	Thái Nguyên
319	19B-030.68	Phú Thọ	1919	20A-876.22	Thái Nguyên	3519	20A-882.28	Thái Nguyên
320	19C-263.79	Phú Thọ	1920	20A-876.44	Thái Nguyên	3520	20A-883.66	Thái Nguyên
321	19C-271.99	Phú Thọ	1921	20A-880.00	Thái Nguyên	3521	20A-889.39	Thái Nguyên
322	19C-280.88	Phú Thọ	1922	20A-883.79	Thái Nguyên	3522	20A-898.44	Thái Nguyên
323	19D-020.39	Phú Thọ	1923	20A-884.77	Thái Nguyên	3523	20B-037.89	Thái Nguyên
324	20A-868.33	Thái Nguyên	1924	20A-900.68	Thái Nguyên	3524	20C-309.96	Thái Nguyên
325	20A-870.87	Thái Nguyên	1925	20A-906.00	Thái Nguyên	3525	20C-316.39	Thái Nguyên

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
326	20A-881.33	Thái Nguyên	1926	20B-036.11	Thái Nguyên	3526	20C-318.22	Thái Nguyên
327	20A-893.88	Thái Nguyên	1927	20C-314.86	Thái Nguyên	3527	21A-222.56	Yên Bái
328	20A-906.90	Thái Nguyên	1928	20C-315.55	Thái Nguyên	3528	21A-228.29	Yên Bái
329	20C-313.31	Thái Nguyên	1929	20C-315.99	Thái Nguyên	3529	21C-115.66	Yên Bái
330	20C-320.20	Thái Nguyên	1930	20C-317.11	Thái Nguyên	3530	22A-274.77	Tuyên Quang
331	20C-321.12	Thái Nguyên	1931	21A-226.39	Yên Bái	3531	22A-283.77	Tuyên Quang
332	21A-223.23	Yên Bái	1932	21A-227.89	Yên Bái	3532	22B-016.33	Tuyên Quang
333	21C-112.44	Yên Bái	1933	21A-231.11	Yên Bái	3533	22B-019.44	Tuyên Quang
334	21C-114.11	Yên Bái	1934	21B-014.55	Yên Bái	3534	22D-009.90	Tuyên Quang
335	21D-008.86	Yên Bái	1935	21B-016.17	Yên Bái	3535	22D-012.00	Tuyên Quang
336	22A-270.99	Tuyên Quang	1936	21C-111.66	Yên Bái	3536	23A-165.89	Hà Giang
337	22A-277.11	Tuyên Quang	1937	21C-115.00	Yên Bái	3537	23B-011.88	Hà Giang
338	22A-279.68	Tuyên Quang	1938	22A-271.72	Tuyên Quang	3538	23D-008.66	Hà Giang
339	22A-282.33	Tuyên Quang	1939	22A-277.66	Tuyên Quang	3539	24A-325.32	Lào Cai
340	22A-283.22	Tuyên Quang	1940	22D-013.44	Tuyên Quang	3540	24B-019.10	Lào Cai
341	22D-012.55	Tuyên Quang	1941	23A-165.44	Hà Giang	3541	24C-166.16	Lào Cai
342	23C-093.22	Hà Giang	1942	23C-091.19	Hà Giang	3542	24D-009.55	Lào Cai
343	23C-093.77	Hà Giang	1943	23D-008.86	Hà Giang	3543	24D-009.96	Lào Cai
344	24A-321.11	Lào Cai	1944	24A-316.22	Lào Cai	3544	26A-238.69	Sơn La
345	24A-323.89	Lào Cai	1945	24A-319.39	Lào Cai	3545	26A-242.43	Sơn La
346	24B-021.39	Lào Cai	1946	24A-321.66	Lào Cai	3546	26A-245.86	Sơn La
347	25B-008.89	Lai Châu	1947	24A-321.99	Lào Cai	3547	26B-019.68	Sơn La
348	25B-009.11	Lai Châu	1948	24A-323.00	Lào Cai	3548	26B-019.86	Sơn La
349	25C-059.77	Lai Châu	1949	24B-020.68	Lào Cai	3549	26D-014.79	Sơn La
350	25C-061.55	Lai Châu	1950	24C-166.89	Lào Cai	3550	26D-015.55	Sơn La
351	25D-009.11	Lai Châu	1951	25A-085.69	Lai Châu	3551	26D-016.10	Sơn La
352	26A-241.55	Sơn La	1952	25A-087.69	Lai Châu	3552	27A-130.30	Điện Biên
353	26A-243.42	Sơn La	1953	25B-009.33	Lai Châu	3553	27C-074.74	Điện Biên
354	26C-164.88	Sơn La	1954	25C-063.44	Lai Châu	3554	27C-075.75	Điện Biên
355	26C-167.86	Sơn La	1955	26A-236.00	Sơn La	3555	27D-007.22	Điện Biên
356	26D-015.01	Sơn La	1956	26A-237.66	Sơn La	3556	28D-013.69	Hòa Bình
357	26D-015.69	Sơn La	1957	26A-238.83	Sơn La	3557	28D-013.99	Hòa Bình
358	27A-134.55	Điện Biên	1958	26A-242.68	Sơn La	3558	29B-658.66	Hà Nội
359	27A-134.77	Điện Biên	1959	26A-244.33	Sơn La	3559	29B-658.69	Hà Nội
360	27B-014.88	Điện Biên	1960	26A-246.22	Sơn La	3560	29D-628.33	Hà Nội
361	28A-261.77	Hòa Bình	1961	26D-016.66	Sơn La	3561	29D-630.22	Hà Nội
362	28A-263.33	Hòa Bình	1962	27A-131.31	Điện Biên	3562	29D-631.69	Hà Nội
363	28A-264.55	Hòa Bình	1963	27A-131.86	Điện Biên	3563	29D-641.44	Hà Nội
364	28A-265.00	Hòa Bình	1964	27A-132.32	Điện Biên	3564	29K-327.33	Hà Nội
365	28C-123.44	Hòa Bình	1965	27A-134.00	Điện Biên	3565	29K-341.00	Hà Nội
366	29D-628.55	Hà Nội	1966	27A-136.22	Điện Biên	3566	29K-342.33	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
367	29D-631.88	Hà Nội	1967	27B-017.11	Điện Biên	3567	29K-343.22	Hà Nội
368	29D-637.89	Hà Nội	1968	27C-075.57	Điện Biên	3568	29K-345.34	Hà Nội
369	29D-637.99	Hà Nội	1969	28A-268.26	Hòa Bình	3569	29K-351.69	Hà Nội
370	29K-328.23	Hà Nội	1970	28A-271.69	Hòa Bình	3570	29K-355.53	Hà Nội
371	29K-329.86	Hà Nội	1971	28B-019.55	Hòa Bình	3571	29K-361.33	Hà Nội
372	29K-334.00	Hà Nội	1972	28C-124.25	Hòa Bình	3572	29K-362.00	Hà Nội
373	29K-338.38	Hà Nội	1973	28C-126.88	Hòa Bình	3573	29K-371.68	Hà Nội
374	29K-346.64	Hà Nội	1974	28D-013.22	Hòa Bình	3574	29K-372.00	Hà Nội
375	29K-356.66	Hà Nội	1975	28D-013.44	Hòa Bình	3575	29K-373.69	Hà Nội
376	29K-364.63	Hà Nội	1976	29B-662.44	Hà Nội	3576	29K-376.79	Hà Nội
377	29K-366.44	Hà Nội	1977	29D-627.89	Hà Nội	3577	29K-377.39	Hà Nội
378	29K-369.39	Hà Nội	1978	29D-630.69	Hà Nội	3578	29K-377.86	Hà Nội
379	29K-371.66	Hà Nội	1979	29D-634.79	Hà Nội	3579	29K-384.83	Hà Nội
380	29K-381.22	Hà Nội	1980	29D-636.88	Hà Nội	3580	29K-385.77	Hà Nội
381	29K-387.33	Hà Nội	1981	29K-326.00	Hà Nội	3581	29K-396.77	Hà Nội
382	29K-394.11	Hà Nội	1982	29K-333.77	Hà Nội	3582	29K-404.39	Hà Nội
383	29K-395.66	Hà Nội	1983	29K-335.35	Hà Nội	3583	29K-410.22	Hà Nội
384	29K-395.96	Hà Nội	1984	29K-338.79	Hà Nội	3584	29K-411.99	Hà Nội
385	29K-401.11	Hà Nội	1985	29K-344.66	Hà Nội	3585	29K-417.39	Hà Nội
386	29K-405.33	Hà Nội	1986	29K-349.39	Hà Nội	3586	29K-465.46	Hà Nội
387	29K-409.33	Hà Nội	1987	29K-349.88	Hà Nội	3587	29K-466.67	Hà Nội
388	29K-410.33	Hà Nội	1988	29K-351.33	Hà Nội	3588	29K-474.22	Hà Nội
389	29K-411.00	Hà Nội	1989	29K-352.89	Hà Nội	3589	29K-474.77	Hà Nội
390	29K-412.21	Hà Nội	1990	29K-355.35	Hà Nội	3590	29K-474.99	Hà Nội
391	29K-418.14	Hà Nội	1991	29K-361.61	Hà Nội	3591	34A-934.34	Hải Dương
392	29K-418.77	Hà Nội	1992	29K-368.55	Hà Nội	3592	34A-940.69	Hải Dương
393	29K-421.68	Hà Nội	1993	29K-373.37	Hà Nội	3593	34A-943.94	Hải Dương
394	29K-436.86	Hà Nội	1994	29K-374.89	Hà Nội	3594	34A-949.94	Hải Dương
395	29K-439.96	Hà Nội	1995	29K-376.55	Hà Nội	3595	34A-953.44	Hải Dương
396	29K-455.39	Hà Nội	1996	29K-377.44	Hà Nội	3596	34A-953.59	Hải Dương
397	29K-458.11	Hà Nội	1997	29K-379.88	Hà Nội	3597	34A-953.86	Hải Dương
398	29K-468.99	Hà Nội	1998	29K-388.79	Hà Nội	3598	34A-960.22	Hải Dương
399	29K-472.68	Hà Nội	1999	29K-389.69	Hà Nội	3599	34A-973.79	Hải Dương
400	29K-475.89	Hà Nội	2000	29K-397.69	Hà Nội	3600	34B-045.79	Hải Dương
401	29K-477.86	Hà Nội	2001	29K-406.89	Hà Nội	3601	34C-434.69	Hải Dương
402	34A-919.66	Hải Dương	2002	29K-423.99	Hà Nội	3602	34C-451.45	Hải Dương
403	34A-924.44	Hải Dương	2003	29K-428.89	Hà Nội	3603	34C-452.99	Hải Dương
404	34A-926.39	Hải Dương	2004	29K-431.43	Hà Nội	3604	34C-453.11	Hải Dương
405	34A-935.99	Hải Dương	2005	29K-437.86	Hà Nội	3605	35A-464.89	Ninh Bình
406	34A-943.55	Hải Dương	2006	29K-441.42	Hà Nội	3606	35A-465.66	Ninh Bình
407	34A-944.33	Hải Dương	2007	29K-443.44	Hà Nội	3607	35A-466.11	Ninh Bình

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
408	34A-952.00	Hải Dương	2008	29K-446.11	Hà Nội	3608	35A-467.67	Ninh Bình
409	34A-954.11	Hải Dương	2009	29K-459.45	Hà Nội	3609	35A-471.22	Ninh Bình
410	34A-954.39	Hải Dương	2010	29K-465.11	Hà Nội	3610	35A-471.74	Ninh Bình
411	34A-954.54	Hải Dương	2011	29K-467.66	Hà Nội	3611	35A-473.33	Ninh Bình
412	34A-969.89	Hải Dương	2012	34A-920.02	Hải Dương	3612	35A-475.68	Ninh Bình
413	34A-974.66	Hải Dương	2013	34A-923.88	Hải Dương	3613	35A-480.39	Ninh Bình
414	34C-433.89	Hải Dương	2014	34A-941.77	Hải Dương	3614	35C-180.44	Ninh Bình
415	34C-437.43	Hải Dương	2015	34A-942.39	Hải Dương	3615	35C-184.00	Ninh Bình
416	34C-440.44	Hải Dương	2016	34A-944.86	Hải Dương	3616	35C-185.85	Ninh Bình
417	34C-443.77	Hải Dương	2017	34A-945.49	Hải Dương	3617	36B-048.79	Thanh Hóa
418	34C-451.69	Hải Dương	2018	34A-946.00	Hải Dương	3618	36B-050.99	Thanh Hóa
419	34C-452.54	Hải Dương	2019	34A-948.68	Hải Dương	3619	36C-546.77	Thanh Hóa
420	35A-464.88	Ninh Bình	2020	34A-948.89	Hải Dương	3620	36C-548.68	Thanh Hóa
421	35A-476.89	Ninh Bình	2021	34A-952.99	Hải Dương	3621	36C-550.39	Thanh Hóa
422	35A-478.44	Ninh Bình	2022	34A-959.86	Hải Dương	3622	36C-562.66	Thanh Hóa
423	35A-483.99	Ninh Bình	2023	34A-967.00	Hải Dương	3623	36C-562.88	Thanh Hóa
424	35B-022.66	Ninh Bình	2024	34A-967.66	Hải Dương	3624	36C-566.56	Thanh Hóa
425	35B-024.02	Ninh Bình	2025	34A-973.11	Hải Dương	3625	36C-568.44	Thanh Hóa
426	35C-184.33	Ninh Bình	2026	34B-045.88	Hải Dương	3626	36C-570.69	Thanh Hóa
427	36C-551.22	Thanh Hóa	2027	34C-433.88	Hải Dương	3627	36C-578.00	Thanh Hóa
428	36C-555.08	Thanh Hóa	2028	34C-440.22	Hải Dương	3628	36D-032.33	Thanh Hóa
429	36C-555.23	Thanh Hóa	2029	34C-441.22	Hải Dương	3629	36K-234.79	Thanh Hóa
430	36C-555.29	Thanh Hóa	2030	34C-442.33	Hải Dương	3630	36K-240.41	Thanh Hóa
431	36C-558.99	Thanh Hóa	2031	34C-443.55	Hải Dương	3631	36K-242.69	Thanh Hóa
432	36C-560.56	Thanh Hóa	2032	34C-444.03	Hải Dương	3632	36K-244.68	Thanh Hóa
433	36C-562.26	Thanh Hóa	2033	34C-448.86	Hải Dương	3633	36K-251.22	Thanh Hóa
434	36C-563.64	Thanh Hóa	2034	34C-451.44	Hải Dương	3634	36K-257.55	Thanh Hóa
435	36C-569.00	Thanh Hóa	2035	34C-452.52	Hải Dương	3635	36K-258.52	Thanh Hóa
436	36K-230.66	Thanh Hóa	2036	35A-465.68	Ninh Bình	3636	36K-260.68	Thanh Hóa
437	36K-232.88	Thanh Hóa	2037	35A-484.39	Ninh Bình	3637	36K-270.99	Thanh Hóa
438	36K-236.69	Thanh Hóa	2038	35C-179.77	Ninh Bình	3638	36K-272.27	Thanh Hóa
439	36K-237.55	Thanh Hóa	2039	36B-047.88	Thanh Hóa	3639	36K-272.73	Thanh Hóa
440	36K-239.69	Thanh Hóa	2040	36C-548.88	Thanh Hóa	3640	36K-285.99	Thanh Hóa
441	36K-239.96	Thanh Hóa	2041	36C-549.44	Thanh Hóa	3641	36K-290.86	Thanh Hóa
442	36K-242.99	Thanh Hóa	2042	36C-555.11	Thanh Hóa	3642	36K-291.44	Thanh Hóa
443	36K-243.43	Thanh Hóa	2043	36C-556.68	Thanh Hóa	3643	36K-293.44	Thanh Hóa
444	36K-245.45	Thanh Hóa	2044	36C-559.89	Thanh Hóa	3644	36K-299.22	Thanh Hóa
445	36K-249.11	Thanh Hóa	2045	36C-560.88	Thanh Hóa	3645	36K-301.11	Thanh Hóa
446	36K-257.57	Thanh Hóa	2046	36C-561.55	Thanh Hóa	3646	36K-304.55	Thanh Hóa
447	36K-262.86	Thanh Hóa	2047	36C-566.77	Thanh Hóa	3647	37C-572.69	Nghệ An
448	36K-264.26	Thanh Hóa	2048	36C-576.00	Thanh Hóa	3648	37C-572.86	Nghệ An

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
449	36K-269.33	Thanh Hóa	2049	36C-576.89	Thanh Hóa	3649	37C-580.89	Nghệ An
450	36K-270.77	Thanh Hóa	2050	36C-577.99	Thanh Hóa	3650	37D-050.55	Nghệ An
451	36K-277.44	Thanh Hóa	2051	36C-579.96	Thanh Hóa	3651	37K-484.79	Nghệ An
452	36K-282.66	Thanh Hóa	2052	36C-582.00	Thanh Hóa	3652	37K-491.00	Nghệ An
453	36K-289.68	Thanh Hóa	2053	36K-232.11	Thanh Hóa	3653	37K-491.11	Nghệ An
454	36K-292.68	Thanh Hóa	2054	36K-234.32	Thanh Hóa	3654	37K-491.66	Nghệ An
455	36K-296.00	Thanh Hóa	2055	36K-238.77	Thanh Hóa	3655	37K-493.00	Nghệ An
456	36K-301.55	Thanh Hóa	2056	36K-255.25	Thanh Hóa	3656	37K-493.55	Nghệ An
457	36K-301.68	Thanh Hóa	2057	36K-256.33	Thanh Hóa	3657	37K-493.79	Nghệ An
458	36K-303.66	Thanh Hóa	2058	36K-256.44	Thanh Hóa	3658	37K-493.86	Nghệ An
459	37B-046.66	Nghệ An	2059	36K-266.00	Thanh Hóa	3659	37K-496.22	Nghệ An
460	37B-048.69	Nghệ An	2060	36K-269.86	Thanh Hóa	3660	37K-505.39	Nghệ An
461	37B-049.39	Nghệ An	2061	36K-271.79	Thanh Hóa	3661	37K-506.05	Nghệ An
462	37C-567.22	Nghệ An	2062	36K-275.22	Thanh Hóa	3662	37K-512.55	Nghệ An
463	37C-569.55	Nghệ An	2063	36K-276.72	Thanh Hóa	3663	37K-521.21	Nghệ An
464	37C-573.74	Nghệ An	2064	36K-281.44	Thanh Hóa	3664	37K-527.44	Nghệ An
465	37C-588.11	Nghệ An	2065	36K-296.22	Thanh Hóa	3665	37K-530.35	Nghệ An
466	37C-590.89	Nghệ An	2066	37C-572.11	Nghệ An	3666	37K-533.34	Nghệ An
467	37D-048.66	Nghệ An	2067	37C-572.88	Nghệ An	3667	37K-538.77	Nghệ An
468	37K-483.38	Nghệ An	2068	37C-573.86	Nghệ An	3668	37K-545.11	Nghệ An
469	37K-483.88	Nghệ An	2069	37C-587.58	Nghệ An	3669	37K-551.44	Nghệ An
470	37K-487.22	Nghệ An	2070	37C-588.89	Nghệ An	3670	37K-557.00	Nghệ An
471	37K-490.94	Nghệ An	2071	37C-590.66	Nghệ An	3671	37K-558.11	Nghệ An
472	37K-492.89	Nghệ An	2072	37C-596.88	Nghệ An	3672	37K-558.69	Nghệ An
473	37K-503.03	Nghệ An	2073	37D-050.69	Nghệ An	3673	37K-561.33	Nghệ An
474	37K-505.11	Nghệ An	2074	37K-485.39	Nghệ An	3674	37K-571.00	Nghệ An
475	37K-514.86	Nghệ An	2075	37K-489.33	Nghệ An	3675	38A-679.44	Hà Tĩnh
476	37K-515.44	Nghệ An	2076	37K-489.96	Nghệ An	3676	38A-679.77	Hà Tĩnh
477	37K-519.19	Nghệ An	2077	37K-493.44	Nghệ An	3677	38A-697.69	Hà Tĩnh
478	37K-528.25	Nghệ An	2078	37K-494.11	Nghệ An	3678	38A-697.96	Hà Tĩnh
479	37K-540.22	Nghệ An	2079	37K-497.77	Nghệ An	3679	38A-703.00	Hà Tĩnh
480	37K-542.54	Nghệ An	2080	37K-501.05	Nghệ An	3680	38A-703.69	Hà Tĩnh
481	37K-543.00	Nghệ An	2081	37K-507.69	Nghệ An	3681	38A-704.70	Hà Tĩnh
482	37K-546.11	Nghệ An	2082	37K-508.77	Nghệ An	3682	38A-710.44	Hà Tĩnh
483	37K-547.89	Nghệ An	2083	37K-511.99	Nghệ An	3683	38B-023.77	Hà Tĩnh
484	37K-548.22	Nghệ An	2084	37K-520.02	Nghệ An	3684	38B-026.44	Hà Tĩnh
485	37K-554.45	Nghệ An	2085	37K-522.52	Nghệ An	3685	38C-254.00	Hà Tĩnh
486	37K-557.39	Nghệ An	2086	37K-526.69	Nghệ An	3686	38D-020.00	Hà Tĩnh
487	37K-560.06	Nghệ An	2087	37K-530.31	Nghệ An	3687	43A-951.39	Đà Nẵng
488	37K-563.64	Nghệ An	2088	37K-538.69	Nghệ An	3688	43A-951.88	Đà Nẵng
489	37K-564.89	Nghệ An	2089	37K-555.27	Nghệ An	3689	43A-957.86	Đà Nẵng

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
490	37K-567.55	Nghệ An	2090	37K-557.66	Nghệ An	3690	43A-959.89	Đà Nẵng
491	37K-570.70	Nghệ An	2091	37K-573.37	Nghệ An	3691	43A-971.00	Đà Nẵng
492	37K-572.75	Nghệ An	2092	38A-678.66	Hà Tĩnh	3692	43A-973.74	Đà Nẵng
493	37K-573.00	Nghệ An	2093	38A-682.99	Hà Tĩnh	3693	43A-973.99	Đà Nẵng
494	38A-681.77	Hà Tĩnh	2094	38A-693.69	Hà Tĩnh	3694	43A-978.86	Đà Nẵng
495	38A-689.11	Hà Tĩnh	2095	38A-693.94	Hà Tĩnh	3695	43A-980.55	Đà Nẵng
496	38A-692.11	Hà Tĩnh	2096	38A-694.86	Hà Tĩnh	3696	43B-067.22	Đà Nẵng
497	38A-697.55	Hà Tĩnh	2097	38C-244.42	Hà Tĩnh	3697	43C-322.79	Đà Nẵng
498	38A-698.55	Hà Tĩnh	2098	38C-245.69	Hà Tĩnh	3698	47A-817.44	Đắk Lắk
499	38A-706.60	Hà Tĩnh	2099	38C-246.47	Hà Tĩnh	3699	47A-817.89	Đắk Lắk
500	38B-023.68	Hà Tĩnh	2100	38C-248.44	Hà Tĩnh	3700	47A-822.33	Đắk Lắk
501	38C-245.89	Hà Tĩnh	2101	38C-250.44	Hà Tĩnh	3701	47A-827.39	Đắk Lắk
502	38C-250.25	Hà Tĩnh	2102	38C-251.66	Hà Tĩnh	3702	47A-831.77	Đắk Lắk
503	38C-252.22	Hà Tĩnh	2103	38C-252.44	Hà Tĩnh	3703	47A-835.86	Đắk Lắk
504	38C-252.33	Hà Tĩnh	2104	38C-253.52	Hà Tĩnh	3704	47A-842.43	Đắk Lắk
505	43A-945.99	Đà Nẵng	2105	38D-023.86	Hà Tĩnh	3705	47A-846.77	Đắk Lắk
506	43A-948.22	Đà Nẵng	2106	38D-023.99	Hà Tĩnh	3706	47A-857.86	Đắk Lắk
507	43A-951.77	Đà Nẵng	2107	43A-947.69	Đà Nẵng	3707	47A-861.99	Đắk Lắk
508	43A-970.55	Đà Nẵng	2108	43A-948.84	Đà Nẵng	3708	47B-044.55	Đắk Lắk
509	43A-971.66	Đà Nẵng	2109	43A-953.39	Đà Nẵng	3709	47C-397.88	Đắk Lắk
510	43A-971.69	Đà Nẵng	2110	43A-955.11	Đà Nẵng	3710	47C-404.11	Đắk Lắk
511	43A-971.86	Đà Nẵng	2111	43A-961.33	Đà Nẵng	3711	47C-410.69	Đắk Lắk
512	43C-324.23	Đà Nẵng	2112	43A-972.11	Đà Nẵng	3712	47C-411.86	Đắk Lắk
513	47A-814.66	Đắk Lắk	2113	43A-978.79	Đà Nẵng	3713	47C-415.11	Đắk Lắk
514	47A-830.66	Đắk Lắk	2114	43B-064.11	Đà Nẵng	3714	47D-021.12	Đắk Lắk
515	47A-849.33	Đắk Lắk	2115	43D-015.11	Đà Nẵng	3715	48A-249.33	Đắk Nông
516	47A-850.85	Đắk Lắk	2116	47A-819.96	Đắk Lắk	3716	48A-251.55	Đắk Nông
517	47A-855.22	Đắk Lắk	2117	47A-822.39	Đắk Lắk	3717	48A-253.22	Đắk Nông
518	47A-856.58	Đắk Lắk	2118	47A-822.68	Đắk Lắk	3718	48A-253.35	Đắk Nông
519	47A-857.66	Đắk Lắk	2119	47A-830.83	Đắk Lắk	3719	48A-257.75	Đắk Nông
520	47A-859.33	Đắk Lắk	2120	47A-844.39	Đắk Lắk	3720	48B-014.01	Đắk Nông
521	47A-859.39	Đắk Lắk	2121	47A-852.25	Đắk Lắk	3721	48C-120.44	Đắk Nông
522	47B-042.22	Đắk Lắk	2122	47A-854.79	Đắk Lắk	3722	48D-006.11	Đắk Nông
523	47B-043.79	Đắk Lắk	2123	47A-857.55	Đắk Lắk	3723	48D-007.70	Đắk Nông
524	47C-400.39	Đắk Lắk	2124	47A-861.16	Đắk Lắk	3724	48D-008.88	Đắk Nông
525	47C-400.69	Đắk Lắk	2125	47A-861.77	Đắk Lắk	3725	49A-752.89	Lâm Đồng
526	47C-402.03	Đắk Lắk	2126	47A-863.44	Đắk Lắk	3726	49A-758.00	Lâm Đồng
527	47C-405.77	Đắk Lắk	2127	47B-043.66	Đắk Lắk	3727	49A-760.68	Lâm Đồng
528	47C-407.66	Đắk Lắk	2128	47C-406.22	Đắk Lắk	3728	49A-763.67	Lâm Đồng
529	47C-408.79	Đắk Lắk	2129	47C-409.69	Đắk Lắk	3729	49A-775.57	Lâm Đồng
530	47C-412.41	Đắk Lắk	2130	47C-411.41	Đắk Lắk	3730	49B-032.39	Lâm Đồng

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
531	47C-417.68	Đắk Lắk	2131	47C-414.77	Đắk Lắk	3731	49B-035.11	Lâm Đồng
532	47C-422.00	Đắk Lắk	2132	47C-419.00	Đắk Lắk	3732	49C-383.89	Lâm Đồng
533	47D-025.66	Đắk Lắk	2133	47C-423.68	Đắk Lắk	3733	49C-385.86	Lâm Đồng
534	48A-248.79	Đắk Nông	2134	48A-247.89	Đắk Nông	3734	49C-390.86	Lâm Đồng
535	48A-254.77	Đắk Nông	2135	48C-119.79	Đắk Nông	3735	49C-394.11	Lâm Đồng
536	48A-260.69	Đắk Nông	2136	48C-121.77	Đắk Nông	3736	49D-017.79	Lâm Đồng
537	48D-007.44	Đắk Nông	2137	49A-762.79	Lâm Đồng	3737	51B-715.88	Hồ Chí Minh
538	49A-751.51	Lâm Đồng	2138	49A-774.79	Lâm Đồng	3738	51E-341.77	Hồ Chí Minh
539	49A-753.68	Lâm Đồng	2139	49A-777.45	Lâm Đồng	3739	51E-342.99	Hồ Chí Minh
540	49A-754.66	Lâm Đồng	2140	49A-778.44	Lâm Đồng	3740	51E-343.77	Hồ Chí Minh
541	49A-767.44	Lâm Đồng	2141	49A-780.78	Lâm Đồng	3741	51E-350.35	Hồ Chí Minh
542	49A-777.58	Lâm Đồng	2142	49A-780.99	Lâm Đồng	3742	60C-761.44	Đồng Nai
543	49A-781.11	Lâm Đồng	2143	49B-033.11	Lâm Đồng	3743	60C-762.76	Đồng Nai
544	49C-388.68	Lâm Đồng	2144	49B-034.44	Lâm Đồng	3744	60C-764.88	Đồng Nai
545	49C-397.00	Lâm Đồng	2145	49C-383.33	Lâm Đồng	3745	60C-774.44	Đồng Nai
546	49D-016.99	Lâm Đồng	2146	49C-387.11	Lâm Đồng	3746	60C-791.44	Đồng Nai
547	60C-757.77	Đồng Nai	2147	49C-387.79	Lâm Đồng	3747	60D-024.33	Đồng Nai
548	60C-761.39	Đồng Nai	2148	49C-393.93	Lâm Đồng	3748	60D-025.99	Đồng Nai
549	60C-767.00	Đồng Nai	2149	49C-398.39	Lâm Đồng	3749	60K-622.39	Đồng Nai
550	60C-774.88	Đồng Nai	2150	49D-017.33	Lâm Đồng	3750	60K-623.86	Đồng Nai
551	60C-776.22	Đồng Nai	2151	51E-342.88	Hồ Chí Minh	3751	60K-628.26	Đồng Nai
552	60C-784.84	Đồng Nai	2152	51E-344.55	Hồ Chí Minh	3752	60K-628.62	Đồng Nai
553	60D-023.00	Đồng Nai	2153	51E-345.00	Hồ Chí Minh	3753	60K-629.77	Đồng Nai
554	60K-619.33	Đồng Nai	2154	51E-349.22	Hồ Chí Minh	3754	60K-631.66	Đồng Nai
555	60K-623.66	Đồng Nai	2155	51E-351.52	Hồ Chí Minh	3755	60K-638.77	Đồng Nai
556	60K-636.39	Đồng Nai	2156	60C-760.33	Đồng Nai	3756	60K-640.79	Đồng Nai
557	60K-637.00	Đồng Nai	2157	60C-771.44	Đồng Nai	3757	60K-642.69	Đồng Nai
558	60K-637.88	Đồng Nai	2158	60C-777.16	Đồng Nai	3758	60K-648.00	Đồng Nai
559	60K-646.22	Đồng Nai	2159	60C-777.23	Đồng Nai	3759	60K-658.77	Đồng Nai
560	60K-648.64	Đồng Nai	2160	60C-789.78	Đồng Nai	3760	60K-662.00	Đồng Nai
561	60K-651.56	Đồng Nai	2161	60C-790.68	Đồng Nai	3761	60K-666.38	Đồng Nai
562	60K-657.11	Đồng Nai	2162	60D-025.79	Đồng Nai	3762	60K-669.86	Đồng Nai
563	60K-657.39	Đồng Nai	2163	60K-619.61	Đồng Nai	3763	60K-673.88	Đồng Nai
564	60K-659.68	Đồng Nai	2164	60K-622.11	Đồng Nai	3764	60K-675.66	Đồng Nai
565	60K-666.05	Đồng Nai	2165	60K-622.77	Đồng Nai	3765	60K-676.77	Đồng Nai
566	60K-671.68	Đồng Nai	2166	60K-633.22	Đồng Nai	3766	60K-689.11	Đồng Nai
567	60K-683.68	Đồng Nai	2167	60K-662.88	Đồng Nai	3767	60K-694.79	Đồng Nai
568	60K-683.77	Đồng Nai	2168	60K-663.86	Đồng Nai	3768	60K-697.88	Đồng Nai
569	60K-685.00	Đồng Nai	2169	60K-673.44	Đồng Nai	3769	60K-699.00	Đồng Nai
570	60K-685.89	Đồng Nai	2170	60K-675.22	Đồng Nai	3770	60K-700.39	Đồng Nai
571	60K-698.77	Đồng Nai	2171	60K-676.11	Đồng Nai	3771	61C-613.44	Bình Dương

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
572	61B-048.11	Bình Dương	2172	60K-681.18	Đồng Nai	3772	61C-615.79	Bình Dương
573	61C-638.86	Bình Dương	2173	60K-683.39	Đồng Nai	3773	61C-616.33	Bình Dương
574	61C-639.55	Bình Dương	2174	60K-691.69	Đồng Nai	3774	61C-622.23	Bình Dương
575	61C-640.00	Bình Dương	2175	60K-691.88	Đồng Nai	3775	61C-625.62	Bình Dương
576	61C-642.86	Bình Dương	2176	61C-614.88	Bình Dương	3776	61C-627.68	Bình Dương
577	61K-518.99	Bình Dương	2177	61C-626.79	Bình Dương	3777	61C-633.99	Bình Dương
578	61K-526.68	Bình Dương	2178	61C-628.55	Bình Dương	3778	61C-635.66	Bình Dương
579	61K-530.69	Bình Dương	2179	61C-636.37	Bình Dương	3779	61D-024.11	Bình Dương
580	61K-532.89	Bình Dương	2180	61C-643.39	Bình Dương	3780	61D-026.39	Bình Dương
581	61K-542.22	Bình Dương	2181	61D-024.86	Bình Dương	3781	61K-523.00	Bình Dương
582	61K-543.44	Bình Dương	2182	61K-521.55	Bình Dương	3782	61K-523.11	Bình Dương
583	61K-548.69	Bình Dương	2183	61K-534.69	Bình Dương	3783	61K-527.39	Bình Dương
584	61K-550.44	Bình Dương	2184	61K-535.53	Bình Dương	3784	61K-530.11	Bình Dương
585	61K-557.22	Bình Dương	2185	61K-546.86	Bình Dương	3785	61K-535.44	Bình Dương
586	61K-557.39	Bình Dương	2186	61K-554.00	Bình Dương	3786	61K-536.63	Bình Dương
587	61K-559.86	Bình Dương	2187	61K-564.69	Bình Dương	3787	61K-565.88	Bình Dương
588	61K-563.44	Bình Dương	2188	61K-578.22	Bình Dương	3788	61K-574.69	Bình Dương
589	61K-576.57	Bình Dương	2189	61K-584.33	Bình Dương	3789	61K-585.22	Bình Dương
590	61K-581.68	Bình Dương	2190	61K-589.96	Bình Dương	3790	61K-585.88	Bình Dương
591	62A-477.88	Long An	2191	62C-216.86	Long An	3791	62A-471.88	Long An
592	62A-480.55	Long An	2192	62C-219.19	Long An	3792	62A-475.75	Long An
593	62A-486.11	Long An	2193	62C-221.55	Long An	3793	62A-482.88	Long An
594	62A-489.22	Long An	2194	63A-325.66	Tiền Giang	3794	62B-033.39	Long An
595	62B-035.03	Long An	2195	63A-334.43	Tiền Giang	3795	62C-218.33	Long An
596	62C-219.00	Long An	2196	63B-034.00	Tiền Giang	3796	62C-220.66	Long An
597	62C-225.89	Long An	2197	63B-035.44	Tiền Giang	3797	62C-221.39	Long An
598	63A-325.26	Tiền Giang	2198	63B-036.66	Tiền Giang	3798	62C-225.68	Long An
599	63A-326.32	Tiền Giang	2199	63C-238.83	Tiền Giang	3799	62C-225.69	Long An
600	63A-334.56	Tiền Giang	2200	63D-014.89	Tiền Giang	3800	62D-017.99	Long An
601	63A-337.39	Tiền Giang	2201	64A-208.86	Vĩnh Long	3801	63C-235.36	Tiền Giang
602	63A-337.44	Tiền Giang	2202	64D-009.86	Vĩnh Long	3802	64A-208.55	Vĩnh Long
603	63A-339.00	Tiền Giang	2203	65A-524.99	Cần Thơ	3803	64A-211.44	Vĩnh Long
604	63B-035.77	Tiền Giang	2204	65C-248.77	Cần Thơ	3804	64A-212.11	Vĩnh Long
605	63C-231.66	Tiền Giang	2205	65C-262.44	Cần Thơ	3805	64B-016.99	Vĩnh Long
606	63C-231.89	Tiền Giang	2206	65C-270.99	Cần Thơ	3806	64B-017.22	Vĩnh Long
607	63C-235.89	Tiền Giang	2207	66A-302.03	Đồng Tháp	3807	64C-134.34	Vĩnh Long
608	63D-014.15	Tiền Giang	2208	66A-303.22	Đồng Tháp	3808	64C-136.13	Vĩnh Long
609	63D-015.99	Tiền Giang	2209	66A-308.22	Đồng Tháp	3809	64C-137.99	Vĩnh Long
610	64A-205.11	Vĩnh Long	2210	66A-313.77	Đồng Tháp	3810	64C-139.00	Vĩnh Long
611	64B-019.44	Vĩnh Long	2211	66C-187.44	Đồng Tháp	3811	64C-140.39	Vĩnh Long
612	64C-138.89	Vĩnh Long	2212	66D-012.69	Đồng Tháp	3812	64D-007.00	Vĩnh Long

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
613	65A-517.44	Cần Thơ	2213	66D-014.89	Đồng Tháp	3813	64D-010.10	Vĩnh Long
614	65A-519.88	Cần Thơ	2214	67A-333.24	An Giang	3814	65A-517.11	Cần Thơ
615	65A-530.77	Cần Thơ	2215	67A-337.79	An Giang	3815	65A-519.86	Cần Thơ
616	65A-534.55	Cần Thơ	2216	67A-337.86	An Giang	3816	65A-527.77	Cần Thơ
617	65B-028.77	Cần Thơ	2217	67A-337.89	An Giang	3817	65A-531.11	Cần Thơ
618	65C-253.69	Cần Thơ	2218	67C-193.79	An Giang	3818	65C-255.44	Cần Thơ
619	65C-266.79	Cần Thơ	2219	67C-194.22	An Giang	3819	65C-262.33	Cần Thơ
620	65C-271.00	Cần Thơ	2220	67D-011.39	An Giang	3820	65C-270.55	Cần Thơ
621	65C-271.11	Cần Thơ	2221	68A-373.37	Kiên Giang	3821	65D-010.89	Cần Thơ
622	65C-273.68	Cần Thơ	2222	68A-373.55	Kiên Giang	3822	66A-310.01	Đồng Tháp
623	65C-275.00	Cần Thơ	2223	68B-034.44	Kiên Giang	3823	66A-314.89	Đồng Tháp
624	65D-013.22	Cần Thơ	2224	68D-009.33	Kiên Giang	3824	66B-026.88	Đồng Tháp
625	65D-014.33	Cần Thơ	2225	69B-014.41	Cà Mau	3825	66C-185.99	Đồng Tháp
626	66A-305.79	Đồng Tháp	2226	69D-007.33	Cà Mau	3826	66C-190.22	Đồng Tháp
627	66A-309.44	Đồng Tháp	2227	70A-586.58	Tây Ninh	3827	66C-191.89	Đồng Tháp
628	66C-186.88	Đồng Tháp	2228	70A-591.19	Tây Ninh	3828	66D-012.79	Đồng Tháp
629	67A-334.44	An Giang	2229	70A-593.55	Tây Ninh	3829	67A-342.44	An Giang
630	67A-336.68	An Giang	2230	70A-594.44	Tây Ninh	3830	67A-343.44	An Giang
631	67A-336.89	An Giang	2231	70A-597.97	Tây Ninh	3831	67B-033.55	An Giang
632	67A-340.39	An Giang	2232	70A-599.59	Tây Ninh	3832	68A-379.68	Kiên Giang
633	67A-342.88	An Giang	2233	70A-610.00	Tây Ninh	3833	68A-382.00	Kiên Giang
634	67B-030.99	An Giang	2234	70A-611.61	Tây Ninh	3834	68B-034.39	Kiên Giang
635	67C-194.95	An Giang	2235	70A-611.89	Tây Ninh	3835	68B-036.37	Kiên Giang
636	67C-195.00	An Giang	2236	70A-612.79	Tây Ninh	3836	68B-038.00	Kiên Giang
637	68A-375.86	Kiên Giang	2237	70A-615.61	Tây Ninh	3837	68D-008.79	Kiên Giang
638	68A-380.77	Kiên Giang	2238	70D-014.69	Tây Ninh	3838	69A-172.33	Cà Mau
639	68B-037.22	Kiên Giang	2239	71A-218.55	Bến Tre	3839	69C-109.01	Cà Mau
640	68C-178.17	Kiên Giang	2240	71A-222.77	Bến Tre	3840	69C-109.79	Cà Mau
641	68C-182.79	Kiên Giang	2241	71B-023.99	Bến Tre	3841	70A-592.79	Tây Ninh
642	69A-169.11	Cà Mau	2242	71C-136.11	Bến Tre	3842	70A-592.86	Tây Ninh
643	69A-169.22	Cà Mau	2243	71C-136.36	Bến Tre	3843	70A-607.39	Tây Ninh
644	69D-005.99	Cà Mau	2244	71D-006.77	Bến Tre	3844	70B-037.03	Tây Ninh
645	70A-585.39	Tây Ninh	2245	72A-844.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	3845	70C-214.55	Tây Ninh
646	70A-592.68	Tây Ninh	2246	72A-853.53	Bà Rịa - Vũng Tàu	3846	70D-014.39	Tây Ninh
647	70A-595.33	Tây Ninh	2247	72A-853.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	3847	71A-214.44	Bến Tre
648	70A-603.44	Tây Ninh	2248	72A-862.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	3848	71A-219.22	Bến Tre
649	70A-604.55	Tây Ninh	2249	72B-046.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	3849	71D-006.11	Bến Tre
650	70A-613.31	Tây Ninh	2250	72B-048.48	Bà Rịa - Vũng Tàu	3850	71D-008.11	Bến Tre
651	70A-613.33	Tây Ninh	2251	72C-265.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	3851	71D-008.79	Bến Tre
652	71A-221.89	Bến Tre	2252	72C-267.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	3852	72A-843.68	Bà Rịa - Vũng Tàu
653	71C-134.55	Bến Tre	2253	72C-281.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	3853	72A-849.48	Bà Rịa - Vũng Tàu

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
654	71C-137.11	Bến Tre	2254	72D-013.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	3854	72A-854.44	Bà Rịa - Vũng Tàu
655	72A-845.84	Bà Rịa - Vũng Tàu	2255	73A-370.89	Quảng Bình	3855	72A-860.68	Bà Rịa - Vũng Tàu
656	72A-846.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	2256	73A-375.11	Quảng Bình	3856	72A-860.79	Bà Rịa - Vũng Tàu
657	72A-849.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	2257	73A-376.88	Quảng Bình	3857	72A-862.26	Bà Rịa - Vũng Tàu
658	72A-857.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	2258	73A-378.69	Quảng Bình	3858	72A-862.39	Bà Rịa - Vũng Tàu
659	72A-872.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	2259	73A-380.89	Quảng Bình	3859	72A-877.87	Bà Rịa - Vũng Tàu
660	72B-046.46	Bà Rịa - Vũng Tàu	2260	73B-019.11	Quảng Bình	3860	72A-881.00	Bà Rịa - Vũng Tàu
661	72B-047.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	2261	73B-020.11	Quảng Bình	3861	72B-048.11	Bà Rịa - Vũng Tàu
662	72C-270.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	2262	73D-011.86	Quảng Bình	3862	72C-269.33	Bà Rịa - Vũng Tàu
663	72C-275.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	2263	75A-388.22	Thừa Thiên Huế	3863	72C-270.69	Bà Rịa - Vũng Tàu
664	72C-282.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	2264	75A-392.11	Thừa Thiên Huế	3864	72C-273.69	Bà Rịa - Vũng Tàu
665	73A-378.22	Quảng Bình	2265	75A-401.89	Thừa Thiên Huế	3865	72C-277.27	Bà Rịa - Vũng Tàu
666	73A-380.00	Quảng Bình	2266	75B-029.39	Thừa Thiên Huế	3866	72C-279.33	Bà Rịa - Vũng Tàu
667	73A-381.79	Quảng Bình	2267	75C-159.15	Thừa Thiên Huế	3867	72C-280.80	Bà Rịa - Vũng Tàu
668	73B-017.88	Quảng Bình	2268	75C-164.00	Thừa Thiên Huế	3868	72C-281.82	Bà Rịa - Vũng Tàu
669	73B-019.99	Quảng Bình	2269	76A-331.86	Quảng Ngãi	3869	72D-013.39	Bà Rịa - Vũng Tàu
670	73C-194.86	Quảng Bình	2270	76C-178.79	Quảng Ngãi	3870	73A-370.68	Quảng Bình
671	74A-284.28	Quảng Trị	2271	76C-182.00	Quảng Ngãi	3871	73A-372.69	Quảng Bình
672	74C-148.14	Quảng Trị	2272	76D-014.44	Quảng Ngãi	3872	73A-372.73	Quảng Bình
673	74C-150.22	Quảng Trị	2273	77A-368.69	Bình Định	3873	73A-383.39	Quảng Bình
674	74D-014.41	Quảng Trị	2274	77B-040.39	Bình Định	3874	73B-017.18	Quảng Bình
675	74D-014.66	Quảng Trị	2275	77C-261.62	Bình Định	3875	73C-193.89	Quảng Bình
676	75C-157.75	Thừa Thiên Huế	2276	77C-262.66	Bình Định	3876	73C-195.77	Quảng Bình
677	75C-157.77	Thừa Thiên Huế	2277	77C-266.39	Bình Định	3877	74B-018.01	Quảng Trị
678	75C-160.11	Thừa Thiên Huế	2278	78A-223.68	Phú Yên	3878	74C-149.11	Quảng Trị
679	75C-160.68	Thừa Thiên Huế	2279	78B-020.02	Phú Yên	3879	74D-013.01	Quảng Trị
680	75C-164.55	Thừa Thiên Huế	2280	79A-574.75	Khánh Hòa	3880	75B-032.00	Thừa Thiên Huế
681	75D-012.79	Thừa Thiên Huế	2281	79A-575.68	Khánh Hòa	3881	75C-159.86	Thừa Thiên Huế
682	76A-327.00	Quảng Ngãi	2282	79A-580.77	Khánh Hòa	3882	75C-162.79	Thừa Thiên Huế
683	76A-333.05	Quảng Ngãi	2283	79A-580.86	Khánh Hòa	3883	75D-012.01	Thừa Thiên Huế
684	76C-181.66	Quảng Ngãi	2284	79A-589.33	Khánh Hòa	3884	76A-324.25	Quảng Ngãi
685	77A-356.33	Bình Định	2285	79A-594.49	Khánh Hòa	3885	76A-326.33	Quảng Ngãi
686	77A-356.53	Bình Định	2286	79C-234.99	Khánh Hòa	3886	76C-178.55	Quảng Ngãi
687	77A-361.61	Bình Định	2287	79D-013.22	Khánh Hòa	3887	77A-369.22	Bình Định
688	77A-367.86	Bình Định	2288	81A-455.44	Gia Lai	3888	78B-018.55	Phú Yên
689	77A-370.55	Bình Định	2289	81A-456.99	Gia Lai	3889	78C-128.12	Phú Yên
690	77C-263.99	Bình Định	2290	81A-457.75	Gia Lai	3890	78D-008.80	Phú Yên
691	78A-218.69	Phú Yên	2291	81A-459.11	Gia Lai	3891	79A-568.99	Khánh Hòa
692	78A-224.66	Phú Yên	2292	81A-459.39	Gia Lai	3892	79A-573.86	Khánh Hòa
693	78B-021.79	Phú Yên	2293	81A-464.86	Gia Lai	3893	79A-583.00	Khánh Hòa
694	78B-021.86	Phú Yên	2294	81A-471.66	Gia Lai	3894	79A-589.44	Khánh Hòa

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
695	78D-008.22	Phú Yên	2295	81A-475.00	Gia Lai	3895	79A-595.00	Khánh Hòa
696	79A-570.57	Khánh Hòa	2296	81A-479.39	Gia Lai	3896	79A-595.69	Khánh Hòa
697	79A-581.22	Khánh Hòa	2297	81B-029.99	Gia Lai	3897	79B-046.40	Khánh Hòa
698	79A-589.86	Khánh Hòa	2298	81C-286.77	Gia Lai	3898	79C-232.86	Khánh Hòa
699	79B-045.40	Khánh Hòa	2299	81C-286.89	Gia Lai	3899	79C-233.22	Khánh Hòa
700	79D-011.66	Khánh Hòa	2300	81C-290.44	Gia Lai	3900	79C-233.86	Khánh Hòa
701	81A-463.55	Gia Lai	2301	81D-013.86	Gia Lai	3901	79D-013.86	Khánh Hòa
702	81A-464.33	Gia Lai	2302	81D-014.15	Gia Lai	3902	81A-456.65	Gia Lai
703	81A-474.69	Gia Lai	2303	81D-017.10	Gia Lai	3903	81A-456.68	Gia Lai
704	81A-478.39	Gia Lai	2304	82A-160.68	Kon Tum	3904	81A-460.64	Gia Lai
705	81B-030.88	Gia Lai	2305	82B-021.39	Kon Tum	3905	81A-461.69	Gia Lai
706	81B-031.32	Gia Lai	2306	83A-194.99	Sóc Trăng	3906	81A-471.33	Gia Lai
707	81B-031.39	Gia Lai	2307	84A-149.89	Trà Vinh	3907	81B-030.39	Gia Lai
708	81B-031.44	Gia Lai	2308	84B-022.33	Trà Vinh	3908	81B-030.66	Gia Lai
709	81C-288.55	Gia Lai	2309	84B-022.79	Trà Vinh	3909	81C-283.77	Gia Lai
710	81C-291.22	Gia Lai	2310	84C-129.00	Trà Vinh	3910	81C-289.39	Gia Lai
711	81C-291.68	Gia Lai	2311	84D-007.33	Trà Vinh	3911	81C-291.39	Gia Lai
712	81C-295.96	Gia Lai	2312	85B-015.55	Ninh Thuận	3912	81C-292.55	Gia Lai
713	81C-298.79	Gia Lai	2313	85D-008.88	Ninh Thuận	3913	82A-161.22	Kon Tum
714	81C-299.29	Gia Lai	2314	86A-332.22	Bình Thuận	3914	82A-165.00	Kon Tum
715	81D-015.86	Gia Lai	2315	86A-332.99	Bình Thuận	3915	83A-197.66	Sóc Trăng
716	82D-012.44	Kon Tum	2316	86B-027.69	Bình Thuận	3916	83A-200.20	Sóc Trăng
717	82D-013.11	Kon Tum	2317	86C-213.14	Bình Thuận	3917	83C-134.11	Sóc Trăng
718	83A-195.39	Sóc Trăng	2318	86C-213.89	Bình Thuận	3918	83C-136.69	Sóc Trăng
719	83A-197.68	Sóc Trăng	2319	86D-005.99	Bình Thuận	3919	84A-149.33	Trà Vinh
720	83B-023.24	Sóc Trăng	2320	86D-007.55	Bình Thuận	3920	84A-152.53	Trà Vinh
721	83C-136.00	Sóc Trăng	2321	88A-788.22	Vĩnh Phúc	3921	84D-008.11	Trà Vinh
722	83D-009.68	Sóc Trăng	2322	88A-794.97	Vĩnh Phúc	3922	85A-147.68	Ninh Thuận
723	83D-011.69	Sóc Trăng	2323	88A-795.22	Vĩnh Phúc	3923	85C-085.66	Ninh Thuận
724	84A-148.77	Trà Vinh	2324	88A-796.97	Vĩnh Phúc	3924	85C-086.89	Ninh Thuận
725	84B-019.99	Trà Vinh	2325	88A-798.22	Vĩnh Phúc	3925	86A-320.55	Bình Thuận
726	84B-020.55	Trà Vinh	2326	88A-802.79	Vĩnh Phúc	3926	86A-324.89	Bình Thuận
727	84B-020.68	Trà Vinh	2327	88A-805.22	Vĩnh Phúc	3927	86A-328.44	Bình Thuận
728	84B-020.77	Trà Vinh	2328	88A-809.00	Vĩnh Phúc	3928	86A-329.32	Bình Thuận
729	85A-148.79	Ninh Thuận	2329	88A-812.99	Vĩnh Phúc	3929	86C-210.99	Bình Thuận
730	85B-015.68	Ninh Thuận	2330	88A-814.15	Vĩnh Phúc	3930	86C-213.88	Bình Thuận
731	85C-085.77	Ninh Thuận	2331	88A-818.79	Vĩnh Phúc	3931	86C-214.66	Bình Thuận
732	85D-007.44	Ninh Thuận	2332	88A-818.81	Vĩnh Phúc	3932	88A-790.99	Vĩnh Phúc
733	85D-009.89	Ninh Thuận	2333	88A-824.55	Vĩnh Phúc	3933	88A-800.33	Vĩnh Phúc
734	86A-325.22	Bình Thuận	2334	88C-310.00	Vĩnh Phúc	3934	88A-801.39	Vĩnh Phúc
735	86A-328.32	Bình Thuận	2335	88C-318.79	Vĩnh Phúc	3935	88A-805.50	Vĩnh Phúc

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
736	86A-333.06	Bình Thuận	2336	88C-324.69	Vĩnh Phúc	3936	88A-810.77	Vĩnh Phúc
737	86C-211.79	Bình Thuận	2337	88D-022.99	Vĩnh Phúc	3937	88A-814.18	Vĩnh Phúc
738	86D-006.77	Bình Thuận	2338	89A-536.69	Hung Yên	3938	88A-819.44	Vĩnh Phúc
739	88A-799.55	Vĩnh Phúc	2339	89A-536.79	Hung Yên	3939	88A-829.33	Vĩnh Phúc
740	88A-808.69	Vĩnh Phúc	2340	89A-538.99	Hung Yên	3940	88A-829.77	Vĩnh Phúc
741	88A-809.39	Vĩnh Phúc	2341	89A-544.33	Hung Yên	3941	88C-312.00	Vĩnh Phúc
742	88A-816.86	Vĩnh Phúc	2342	89A-550.79	Hung Yên	3942	88C-314.39	Vĩnh Phúc
743	88A-821.44	Vĩnh Phúc	2343	89A-555.09	Hung Yên	3943	88C-317.99	Vĩnh Phúc
744	88A-824.11	Vĩnh Phúc	2344	89A-560.06	Hung Yên	3944	88D-022.33	Vĩnh Phúc
745	88C-316.11	Vĩnh Phúc	2345	89A-560.39	Hung Yên	3945	88D-023.69	Vĩnh Phúc
746	88C-317.68	Vĩnh Phúc	2346	89A-562.88	Hung Yên	3946	89A-533.99	Hung Yên
747	88D-022.23	Vĩnh Phúc	2347	89A-566.79	Hung Yên	3947	89A-534.44	Hung Yên
748	88D-025.11	Vĩnh Phúc	2348	89B-027.88	Hung Yên	3948	89A-535.22	Hung Yên
749	89A-532.86	Hung Yên	2349	89B-027.99	Hung Yên	3949	89A-549.86	Hung Yên
750	89A-539.69	Hung Yên	2350	89B-028.99	Hung Yên	3950	89A-557.22	Hung Yên
751	89A-542.79	Hung Yên	2351	89C-348.99	Hung Yên	3951	89A-562.39	Hung Yên
752	89A-555.47	Hung Yên	2352	89C-353.00	Hung Yên	3952	89B-025.22	Hung Yên
753	89A-558.11	Hung Yên	2353	89C-353.35	Hung Yên	3953	89B-026.44	Hung Yên
754	89A-561.99	Hung Yên	2354	89C-357.89	Hung Yên	3954	89C-346.00	Hung Yên
755	89B-028.88	Hung Yên	2355	89C-358.58	Hung Yên	3955	89C-352.44	Hung Yên
756	89C-345.86	Hung Yên	2356	89C-359.00	Hung Yên	3956	89C-354.69	Hung Yên
757	89D-026.62	Hung Yên	2357	89C-359.11	Hung Yên	3957	89C-357.75	Hung Yên
758	90A-290.22	Hà Nam	2358	90B-016.10	Hà Nam	3958	89C-359.59	Hung Yên
759	90A-293.55	Hà Nam	2359	90C-155.51	Hà Nam	3959	90A-287.99	Hà Nam
760	90A-294.79	Hà Nam	2360	92A-434.11	Quảng Nam	3960	90A-296.11	Hà Nam
761	90A-298.00	Hà Nam	2361	92A-438.99	Quảng Nam	3961	90C-155.11	Hà Nam
762	90A-298.86	Hà Nam	2362	92A-441.11	Quảng Nam	3962	90C-155.89	Hà Nam
763	90C-155.88	Hà Nam	2363	92A-443.11	Quảng Nam	3963	90C-156.79	Hà Nam
764	90C-156.15	Hà Nam	2364	92B-041.79	Quảng Nam	3964	90C-158.55	Hà Nam
765	90D-011.33	Hà Nam	2365	92C-261.77	Quảng Nam	3965	90C-158.85	Hà Nam
766	90D-012.22	Hà Nam	2366	92C-264.44	Quảng Nam	3966	92B-039.33	Quảng Nam
767	92A-434.88	Quảng Nam	2367	93A-510.10	Bình Phước	3967	92B-040.89	Quảng Nam
768	92A-437.37	Quảng Nam	2368	93A-513.69	Bình Phước	3968	92C-261.68	Quảng Nam
769	92A-437.88	Quảng Nam	2369	93A-516.79	Bình Phước	3969	92C-264.00	Quảng Nam
770	92A-442.33	Quảng Nam	2370	93A-525.79	Bình Phước	3970	93A-507.33	Bình Phước
771	92A-444.26	Quảng Nam	2371	93B-021.55	Bình Phước	3971	93A-510.22	Bình Phước
772	92A-449.22	Quảng Nam	2372	93B-022.00	Bình Phước	3972	93B-025.11	Bình Phước
773	92B-042.24	Quảng Nam	2373	93C-201.69	Bình Phước	3973	93C-202.77	Bình Phước
774	92C-257.77	Quảng Nam	2374	93C-202.55	Bình Phước	3974	94A-111.28	Bạc Liêu
775	92C-262.26	Quảng Nam	2375	93C-205.20	Bình Phước	3975	94A-112.89	Bạc Liêu
776	93A-510.88	Bình Phước	2376	94A-111.33	Bạc Liêu	3976	94D-008.88	Bạc Liêu

1-
TỶ
GIÁ
ANH
VAM
1-T.P

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
777	93A-513.22	Bình Phước	2377	94A-111.77	Bạc Liêu	3977	95A-137.00	Hậu Giang
778	93A-514.89	Bình Phước	2378	94A-114.00	Bạc Liêu	3978	95A-138.00	Hậu Giang
779	93A-516.11	Bình Phước	2379	94B-014.89	Bạc Liêu	3979	95B-019.00	Hậu Giang
780	93A-519.51	Bình Phước	2380	94B-015.33	Bạc Liêu	3980	95B-019.77	Hậu Giang
781	93A-519.86	Bình Phước	2381	94C-084.22	Bạc Liêu	3981	95D-027.02	Hậu Giang
782	93B-021.66	Bình Phước	2382	94D-006.11	Bạc Liêu	3982	97A-095.89	Bắc Kạn
783	93B-023.89	Bình Phước	2383	94D-007.08	Bạc Liêu	3983	97A-098.86	Bắc Kạn
784	93B-025.26	Bình Phước	2384	95B-016.16	Hậu Giang	3984	97B-017.69	Bắc Kạn
785	93C-207.99	Bình Phước	2385	95B-016.61	Hậu Giang	3985	97B-018.22	Bắc Kạn
786	94A-111.25	Bạc Liêu	2386	95B-018.69	Hậu Giang	3986	97B-018.55	Bắc Kạn
787	95A-140.41	Hậu Giang	2387	95C-089.80	Hậu Giang	3987	97C-052.55	Bắc Kạn
788	95A-141.86	Hậu Giang	2388	95C-091.79	Hậu Giang	3988	97C-052.69	Bắc Kạn
789	95D-027.11	Hậu Giang	2389	95D-026.62	Hậu Giang	3989	98A-859.11	Bắc Giang
790	97A-096.89	Bắc Kạn	2390	95D-026.86	Hậu Giang	3990	98A-859.59	Bắc Giang
791	97A-097.77	Bắc Kạn	2391	97A-097.98	Bắc Kạn	3991	98A-862.39	Bắc Giang
792	97B-016.66	Bắc Kạn	2392	97A-099.11	Bắc Kạn	3992	98A-870.99	Bắc Giang
793	98A-860.69	Bắc Giang	2393	97B-016.17	Bắc Kạn	3993	98A-871.71	Bắc Giang
794	98A-867.67	Bắc Giang	2394	97C-050.86	Bắc Kạn	3994	98A-875.00	Bắc Giang
795	98A-870.33	Bắc Giang	2395	97D-008.86	Bắc Kạn	3995	98A-879.39	Bắc Giang
796	98A-881.79	Bắc Giang	2396	97D-010.55	Bắc Kạn	3996	98A-879.55	Bắc Giang
797	98A-894.22	Bắc Giang	2397	98A-862.22	Bắc Giang	3997	98A-880.22	Bắc Giang
798	98A-894.88	Bắc Giang	2398	98A-865.68	Bắc Giang	3998	98A-890.22	Bắc Giang
799	98A-895.86	Bắc Giang	2399	98A-886.22	Bắc Giang	3999	98A-894.77	Bắc Giang
800	98A-906.22	Bắc Giang	2400	98A-892.66	Bắc Giang	4000	98A-900.90	Bắc Giang
801	98A-906.33	Bắc Giang	2401	98A-894.11	Bắc Giang	4001	98A-905.06	Bắc Giang
802	98A-910.91	Bắc Giang	2402	98A-912.79	Bắc Giang	4002	98A-905.09	Bắc Giang
803	98A-912.55	Bắc Giang	2403	98B-046.47	Bắc Giang	4003	98A-906.44	Bắc Giang
804	98B-044.69	Bắc Giang	2404	98C-380.81	Bắc Giang	4004	98A-910.77	Bắc Giang
805	98B-046.04	Bắc Giang	2405	98C-386.79	Bắc Giang	4005	98B-047.00	Bắc Giang
806	98C-380.00	Bắc Giang	2406	98C-395.22	Bắc Giang	4006	98C-378.69	Bắc Giang
807	98C-381.39	Bắc Giang	2407	98C-397.00	Bắc Giang	4007	98C-379.68	Bắc Giang
808	98C-383.55	Bắc Giang	2408	98D-023.24	Bắc Giang	4008	98C-389.44	Bắc Giang
809	98C-395.44	Bắc Giang	2409	99A-856.00	Bắc Ninh	4009	98C-393.55	Bắc Giang
810	98D-024.44	Bắc Giang	2410	99A-859.00	Bắc Ninh	4010	98C-397.88	Bắc Giang
811	99A-864.99	Bắc Ninh	2411	99A-859.66	Bắc Ninh	4011	98D-021.11	Bắc Giang
812	99A-865.69	Bắc Ninh	2412	99A-865.88	Bắc Ninh	4012	99A-854.77	Bắc Ninh
813	99A-868.00	Bắc Ninh	2413	99A-869.44	Bắc Ninh	4013	99A-861.86	Bắc Ninh
814	99A-877.89	Bắc Ninh	2414	99A-872.68	Bắc Ninh	4014	99A-862.26	Bắc Ninh
815	99A-879.69	Bắc Ninh	2415	99A-894.68	Bắc Ninh	4015	99A-871.22	Bắc Ninh
816	99A-884.89	Bắc Ninh	2416	99B-032.32	Bắc Ninh	4016	99A-871.71	Bắc Ninh
817	99A-888.44	Bắc Ninh	2417	99C-332.39	Bắc Ninh	4017	99A-876.68	Bắc Ninh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
818	99B-033.00	Bắc Ninh	2418	99C-336.63	Bắc Ninh	4018	99A-878.33	Bắc Ninh
819	99C-333.17	Bắc Ninh	2419	99C-343.11	Bắc Ninh	4019	99A-878.87	Bắc Ninh
820	99C-337.44	Bắc Ninh	2420	99C-344.79	Bắc Ninh	4020	99A-890.00	Bắc Ninh
821	99C-339.96	Bắc Ninh	2421	99C-345.77	Bắc Ninh	4021	99A-890.66	Bắc Ninh
822	99C-341.11	Bắc Ninh	2422	99D-025.11	Bắc Ninh	4022	99B-030.66	Bắc Ninh
823	11A-136.08	Cao Bằng	2423	12B-015.85	Lạng Sơn	4023	11A-140.98	Cao Bằng
824	11A-138.63	Cao Bằng	2424	12C-142.28	Lạng Sơn	4024	11C-088.38	Cao Bằng
825	11B-015.56	Cao Bằng	2425	12C-143.16	Lạng Sơn	4025	11C-090.16	Cao Bằng
826	11C-087.56	Cao Bằng	2426	12C-143.36	Lạng Sơn	4026	11C-090.56	Cao Bằng
827	11C-090.18	Cao Bằng	2427	12C-143.59	Lạng Sơn	4027	12A-266.19	Lạng Sơn
828	11D-011.16	Cao Bằng	2428	14A-994.96	Quảng Ninh	4028	12A-268.28	Lạng Sơn
829	12A-269.58	Lạng Sơn	2429	14A-996.35	Quảng Ninh	4029	12A-270.35	Lạng Sơn
830	14A-993.15	Quảng Ninh	2430	14B-056.09	Quảng Ninh	4030	12B-019.26	Lạng Sơn
831	14A-994.06	Quảng Ninh	2431	14C-454.65	Quảng Ninh	4031	12C-142.08	Lạng Sơn
832	14B-053.98	Quảng Ninh	2432	14C-456.29	Quảng Ninh	4032	12D-010.98	Lạng Sơn
833	14C-454.98	Quảng Ninh	2433	14C-462.09	Quảng Ninh	4033	14A-996.08	Quảng Ninh
834	14C-455.96	Quảng Ninh	2434	14C-462.58	Quảng Ninh	4034	14A-998.65	Quảng Ninh
835	14C-456.38	Quảng Ninh	2435	14C-464.18	Quảng Ninh	4035	14B-056.28	Quảng Ninh
836	14C-461.59	Quảng Ninh	2436	14K-001.15	Quảng Ninh	4036	14C-452.15	Quảng Ninh
837	14D-031.06	Quảng Ninh	2437	14K-014.38	Quảng Ninh	4037	14C-454.16	Quảng Ninh
838	14K-003.09	Quảng Ninh	2438	14K-015.25	Quảng Ninh	4038	14C-463.25	Quảng Ninh
839	14K-003.38	Quảng Ninh	2439	14K-017.06	Quảng Ninh	4039	14C-464.06	Quảng Ninh
840	14K-005.59	Quảng Ninh	2440	14K-021.16	Quảng Ninh	4040	14C-469.83	Quảng Ninh
841	14K-015.06	Quảng Ninh	2441	14K-025.98	Quảng Ninh	4041	14C-470.28	Quảng Ninh
842	14K-024.56	Quảng Ninh	2442	14K-028.25	Quảng Ninh	4042	14K-026.06	Quảng Ninh
843	14K-026.59	Quảng Ninh	2443	14K-028.63	Quảng Ninh	4043	14K-028.09	Quảng Ninh
844	14K-027.09	Quảng Ninh	2444	14K-031.98	Quảng Ninh	4044	14K-036.98	Quảng Ninh
845	14K-034.38	Quảng Ninh	2445	14K-034.29	Quảng Ninh	4045	14K-044.56	Quảng Ninh
846	14K-036.28	Quảng Ninh	2446	14K-035.08	Quảng Ninh	4046	14K-045.08	Quảng Ninh
847	14K-036.56	Quảng Ninh	2447	14K-038.56	Quảng Ninh	4047	15B-054.98	Hải Phòng
848	14K-043.18	Quảng Ninh	2448	14K-046.15	Quảng Ninh	4048	15C-481.09	Hải Phòng
849	15C-485.09	Hải Phòng	2449	15C-481.35	Hải Phòng	4049	15C-488.35	Hải Phòng
850	15C-490.95	Hải Phòng	2450	15C-483.63	Hải Phòng	4050	15C-489.16	Hải Phòng
851	15C-495.83	Hải Phòng	2451	15C-486.35	Hải Phòng	4051	15C-491.35	Hải Phòng
852	15K-430.56	Hải Phòng	2452	15C-487.59	Hải Phòng	4052	15C-495.56	Hải Phòng
853	15K-431.85	Hải Phòng	2453	15K-425.28	Hải Phòng	4053	15K-431.65	Hải Phòng
854	15K-432.59	Hải Phòng	2454	15K-432.95	Hải Phòng	4054	15K-433.58	Hải Phòng
855	15K-437.98	Hải Phòng	2455	15K-435.63	Hải Phòng	4055	15K-435.26	Hải Phòng
856	15K-452.63	Hải Phòng	2456	15K-438.29	Hải Phòng	4056	15K-436.28	Hải Phòng
857	15K-456.06	Hải Phòng	2457	15K-441.08	Hải Phòng	4057	15K-445.95	Hải Phòng
858	15K-458.65	Hải Phòng	2458	15K-446.29	Hải Phòng	4058	15K-446.08	Hải Phòng

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
859	15K-460.25	Hải Phòng	2459	15K-448.98	Hải Phòng	4059	15K-449.38	Hải Phòng
860	15K-475.36	Hải Phòng	2460	15K-460.26	Hải Phòng	4060	15K-450.59	Hải Phòng
861	15K-476.08	Hải Phòng	2461	15K-461.35	Hải Phòng	4061	15K-454.56	Hải Phòng
862	15K-477.38	Hải Phòng	2462	15K-461.58	Hải Phòng	4062	15K-455.59	Hải Phòng
863	15K-478.63	Hải Phòng	2463	15K-477.08	Hải Phòng	4063	15K-468.16	Hải Phòng
864	15K-481.83	Hải Phòng	2464	15K-485.28	Hải Phòng	4064	15K-468.19	Hải Phòng
865	15K-482.58	Hải Phòng	2465	15K-486.85	Hải Phòng	4065	15K-469.35	Hải Phòng
866	15K-483.15	Hải Phòng	2466	15K-489.38	Hải Phòng	4066	15K-477.15	Hải Phòng
867	15K-485.35	Hải Phòng	2467	15K-490.25	Hải Phòng	4067	15K-478.16	Hải Phòng
868	15K-488.16	Hải Phòng	2468	15K-501.58	Hải Phòng	4068	15K-480.26	Hải Phòng
869	15K-498.58	Hải Phòng	2469	15K-503.29	Hải Phòng	4069	15K-494.38	Hải Phòng
870	15K-506.15	Hải Phòng	2470	15K-506.36	Hải Phòng	4070	15K-495.28	Hải Phòng
871	17A-494.18	Thái Bình	2471	17A-498.09	Thái Bình	4071	15K-502.15	Hải Phòng
872	17A-506.56	Thái Bình	2472	17A-500.28	Thái Bình	4072	15K-503.98	Hải Phòng
873	17B-032.16	Thái Bình	2473	17A-511.08	Thái Bình	4073	15K-511.06	Hải Phòng
874	17C-219.15	Thái Bình	2474	17C-216.29	Thái Bình	4074	17A-496.18	Thái Bình
875	18A-490.29	Nam Định	2475	18A-494.19	Nam Định	4075	17A-500.65	Thái Bình
876	18A-512.59	Nam Định	2476	18A-495.25	Nam Định	4076	17A-503.25	Thái Bình
877	18B-033.28	Nam Định	2477	18A-507.09	Nam Định	4077	17C-223.16	Thái Bình
878	18C-177.58	Nam Định	2478	18A-508.85	Nam Định	4078	18A-492.96	Nam Định
879	19A-728.19	Phú Thọ	2479	18A-511.29	Nam Định	4079	18A-500.25	Nam Định
880	19A-731.25	Phú Thọ	2480	18A-511.59	Nam Định	4080	18A-506.58	Nam Định
881	19A-736.06	Phú Thọ	2481	18B-034.06	Nam Định	4081	18A-511.36	Nam Định
882	19A-736.28	Phú Thọ	2482	18C-182.96	Nam Định	4082	18A-512.36	Nam Định
883	19A-746.98	Phú Thọ	2483	19A-738.09	Phú Thọ	4083	18B-031.35	Nam Định
884	19A-752.18	Phú Thọ	2484	19A-738.26	Phú Thọ	4084	18B-032.25	Nam Định
885	19A-752.56	Phú Thọ	2485	19A-738.96	Phú Thọ	4085	18C-175.06	Nam Định
886	19A-755.59	Phú Thọ	2486	19A-743.83	Phú Thọ	4086	18C-180.16	Nam Định
887	19B-029.85	Phú Thọ	2487	19A-751.65	Phú Thọ	4087	18C-180.56	Nam Định
888	19C-266.15	Phú Thọ	2488	19A-753.19	Phú Thọ	4088	18C-180.83	Nam Định
889	19C-275.09	Phú Thọ	2489	19B-028.38	Phú Thọ	4089	18D-018.85	Nam Định
890	20A-861.15	Thái Nguyên	2490	19B-029.83	Phú Thọ	4090	19A-721.09	Phú Thọ
891	20A-864.63	Thái Nguyên	2491	19B-031.26	Phú Thọ	4091	19A-722.15	Phú Thọ
892	20A-868.95	Thái Nguyên	2492	19C-273.16	Phú Thọ	4092	19A-725.16	Phú Thọ
893	20A-871.95	Thái Nguyên	2493	19C-280.19	Phú Thọ	4093	19A-730.15	Phú Thọ
894	20A-879.16	Thái Nguyên	2494	19D-020.63	Phú Thọ	4094	19A-731.58	Phú Thọ
895	20A-883.15	Thái Nguyên	2495	19D-021.08	Phú Thọ	4095	19A-748.09	Phú Thọ
896	20A-885.15	Thái Nguyên	2496	20A-880.65	Thái Nguyên	4096	19A-749.15	Phú Thọ
897	20A-885.19	Thái Nguyên	2497	20A-890.59	Thái Nguyên	4097	19A-750.83	Phú Thọ
898	20A-889.16	Thái Nguyên	2498	20A-891.25	Thái Nguyên	4098	19A-755.06	Phú Thọ
899	20A-889.29	Thái Nguyên	2499	20C-316.96	Thái Nguyên	4099	19A-756.85	Phú Thọ

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
900	20A-892.25	Thái Nguyên	2500	20C-317.09	Thái Nguyên	4100	19B-029.56	Phú Thọ
901	20A-898.56	Thái Nguyên	2501	20C-323.98	Thái Nguyên	4101	19C-266.36	Phú Thọ
902	20A-905.65	Thái Nguyên	2502	21A-225.96	Yên Bái	4102	19C-274.38	Phú Thọ
903	20B-037.56	Thái Nguyên	2503	21A-226.38	Yên Bái	4103	19C-276.06	Phú Thọ
904	20C-323.36	Thái Nguyên	2504	21B-013.59	Yên Bái	4104	19D-020.08	Phú Thọ
905	21A-222.83	Yên Bái	2505	22A-270.83	Tuyên Quang	4105	19D-022.08	Phú Thọ
906	21A-222.96	Yên Bái	2506	22A-278.65	Tuyên Quang	4106	20A-861.83	Thái Nguyên
907	21A-223.85	Yên Bái	2507	22C-113.96	Tuyên Quang	4107	20A-869.38	Thái Nguyên
908	21A-232.28	Yên Bái	2508	22C-114.56	Tuyên Quang	4108	20A-871.26	Thái Nguyên
909	21A-232.56	Yên Bái	2509	23A-168.38	Hà Giang	4109	20A-873.09	Thái Nguyên
910	21B-016.26	Yên Bái	2510	23A-171.18	Hà Giang	4110	20A-873.63	Thái Nguyên
911	22A-270.65	Tuyên Quang	2511	23B-011.18	Hà Giang	4111	20A-877.06	Thái Nguyên
912	22A-276.19	Tuyên Quang	2512	23B-011.96	Hà Giang	4112	20A-894.59	Thái Nguyên
913	22A-276.38	Tuyên Quang	2513	24A-319.83	Lào Cai	4113	20A-904.19	Thái Nguyên
914	22B-016.25	Tuyên Quang	2514	24A-321.83	Lào Cai	4114	20A-905.29	Thái Nguyên
915	22C-113.15	Tuyên Quang	2515	24A-323.38	Lào Cai	4115	20A-906.95	Thái Nguyên
916	22C-116.63	Tuyên Quang	2516	24D-011.15	Lào Cai	4116	20B-035.85	Thái Nguyên
917	22D-012.95	Tuyên Quang	2517	25A-088.58	Lai Châu	4117	20B-036.18	Thái Nguyên
918	23A-169.18	Hà Giang	2518	25C-060.98	Lai Châu	4118	20B-036.19	Thái Nguyên
919	23B-014.35	Hà Giang	2519	25D-010.06	Lai Châu	4119	20D-032.09	Thái Nguyên
920	23D-009.95	Hà Giang	2520	26D-015.06	Sơn La	4120	20D-032.65	Thái Nguyên
921	24A-318.56	Lào Cai	2521	27A-130.28	Điện Biên	4121	21A-230.38	Yên Bái
922	24A-320.09	Lào Cai	2522	27A-131.85	Điện Biên	4122	21A-231.65	Yên Bái
923	24B-022.58	Lào Cai	2523	27A-135.29	Điện Biên	4123	21B-014.06	Yên Bái
924	24C-167.83	Lào Cai	2524	27A-136.06	Điện Biên	4124	21C-113.96	Yên Bái
925	24C-168.29	Lào Cai	2525	27C-075.35	Điện Biên	4125	22C-118.09	Tuyên Quang
926	25A-085.59	Lai Châu	2526	27C-075.98	Điện Biên	4126	23C-090.06	Hà Giang
927	25B-008.16	Lai Châu	2527	28C-122.09	Hòa Bình	4127	23C-093.83	Hà Giang
928	25D-008.26	Lai Châu	2528	28C-122.25	Hòa Bình	4128	24A-316.85	Lào Cai
929	25D-009.19	Lai Châu	2529	28C-125.35	Hòa Bình	4129	24A-318.36	Lào Cai
930	26A-237.35	Sơn La	2530	29B-661.28	Hà Nội	4130	24A-319.58	Lào Cai
931	26A-239.58	Sơn La	2531	29D-639.56	Hà Nội	4131	24A-322.35	Lào Cai
932	26C-168.15	Sơn La	2532	29K-331.15	Hà Nội	4132	24B-022.29	Lào Cai
933	27A-130.65	Điện Biên	2533	29K-340.15	Hà Nội	4133	24B-022.96	Lào Cai
934	27A-132.38	Điện Biên	2534	29K-347.06	Hà Nội	4134	24C-166.56	Lào Cai
935	27A-132.56	Điện Biên	2535	29K-349.58	Hà Nội	4135	25B-011.35	Lai Châu
936	27A-132.63	Điện Biên	2536	29K-353.09	Hà Nội	4136	25D-010.35	Lai Châu
937	28A-260.18	Hòa Bình	2537	29K-354.28	Hà Nội	4137	26A-236.15	Sơn La
938	28A-266.18	Hòa Bình	2538	29K-357.98	Hà Nội	4138	27C-075.36	Điện Biên
939	28A-266.19	Hòa Bình	2539	29K-358.29	Hà Nội	4139	28A-263.95	Hòa Bình
940	28A-270.85	Hòa Bình	2540	29K-361.59	Hà Nội	4140	28A-264.96	Hòa Bình

TỶ
IẢ
NH
AM
-T.P.H

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
941	28B-019.09	Hòa Bình	2541	29K-367.06	Hà Nội	4141	28A-265.09	Hòa Bình
942	28B-020.06	Hòa Bình	2542	29K-367.16	Hà Nội	4142	28A-268.36	Hòa Bình
943	28C-126.09	Hòa Bình	2543	29K-383.36	Hà Nội	4143	28B-021.29	Hòa Bình
944	28D-012.26	Hòa Bình	2544	29K-390.08	Hà Nội	4144	28C-123.38	Hòa Bình
945	28D-013.08	Hòa Bình	2545	29K-393.36	Hà Nội	4145	29D-629.83	Hà Nội
946	28D-013.19	Hòa Bình	2546	29K-395.15	Hà Nội	4146	29D-633.58	Hà Nội
947	29D-634.95	Hà Nội	2547	29K-396.06	Hà Nội	4147	29D-636.85	Hà Nội
948	29D-636.06	Hà Nội	2548	29K-414.09	Hà Nội	4148	29D-638.29	Hà Nội
949	29D-640.25	Hà Nội	2549	29K-417.65	Hà Nội	4149	29K-327.16	Hà Nội
950	29K-329.56	Hà Nội	2550	29K-422.18	Hà Nội	4150	29K-330.85	Hà Nội
951	29K-333.85	Hà Nội	2551	29K-428.09	Hà Nội	4151	29K-334.06	Hà Nội
952	29K-344.16	Hà Nội	2552	29K-428.59	Hà Nội	4152	29K-336.08	Hà Nội
953	29K-346.08	Hà Nội	2553	29K-430.08	Hà Nội	4153	29K-340.65	Hà Nội
954	29K-355.59	Hà Nội	2554	29K-430.83	Hà Nội	4154	29K-344.06	Hà Nội
955	29K-359.08	Hà Nội	2555	29K-441.96	Hà Nội	4155	29K-352.36	Hà Nội
956	29K-372.85	Hà Nội	2556	29K-442.25	Hà Nội	4156	29K-352.38	Hà Nội
957	29K-373.16	Hà Nội	2557	29K-443.25	Hà Nội	4157	29K-355.06	Hà Nội
958	29K-375.59	Hà Nội	2558	29K-444.96	Hà Nội	4158	29K-359.29	Hà Nội
959	29K-379.08	Hà Nội	2559	29K-453.96	Hà Nội	4159	29K-364.59	Hà Nội
960	29K-379.26	Hà Nội	2560	29K-461.15	Hà Nội	4160	29K-370.96	Hà Nội
961	29K-379.38	Hà Nội	2561	29K-472.96	Hà Nội	4161	29K-377.29	Hà Nội
962	29K-379.56	Hà Nội	2562	30M-034.28	Hà Nội	4162	29K-378.26	Hà Nội
963	29K-380.28	Hà Nội	2563	30M-036.19	Hà Nội	4163	29K-380.98	Hà Nội
964	29K-384.95	Hà Nội	2564	30M-039.26	Hà Nội	4164	29K-381.98	Hà Nội
965	29K-385.18	Hà Nội	2565	30M-041.96	Hà Nội	4165	29K-383.96	Hà Nội
966	29K-390.56	Hà Nội	2566	30M-042.19	Hà Nội	4166	29K-384.09	Hà Nội
967	29K-393.38	Hà Nội	2567	30M-046.15	Hà Nội	4167	29K-387.58	Hà Nội
968	29K-402.59	Hà Nội	2568	30M-057.26	Hà Nội	4168	29K-390.65	Hà Nội
969	29K-403.19	Hà Nội	2569	30M-066.28	Hà Nội	4169	29K-403.98	Hà Nội
970	29K-407.09	Hà Nội	2570	30M-072.06	Hà Nội	4170	29K-411.26	Hà Nội
971	29K-411.65	Hà Nội	2571	30M-074.83	Hà Nội	4171	29K-423.63	Hà Nội
972	29K-412.95	Hà Nội	2572	30M-076.56	Hà Nội	4172	29K-424.56	Hà Nội
973	29K-419.15	Hà Nội	2573	30M-078.38	Hà Nội	4173	29K-426.56	Hà Nội
974	29K-424.65	Hà Nội	2574	30M-079.08	Hà Nội	4174	29K-436.08	Hà Nội
975	29K-435.08	Hà Nội	2575	30M-082.56	Hà Nội	4175	29K-446.58	Hà Nội
976	29K-439.15	Hà Nội	2576	30M-085.19	Hà Nội	4176	29K-457.08	Hà Nội
977	29K-439.85	Hà Nội	2577	30M-086.36	Hà Nội	4177	29K-457.38	Hà Nội
978	29K-440.19	Hà Nội	2578	30M-092.36	Hà Nội	4178	29K-473.15	Hà Nội
979	29K-441.09	Hà Nội	2579	30M-107.19	Hà Nội	4179	29K-474.83	Hà Nội
980	29K-449.18	Hà Nội	2580	30M-114.09	Hà Nội	4180	30M-030.96	Hà Nội
981	29K-464.26	Hà Nội	2581	30M-117.19	Hà Nội	4181	30M-032.96	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
982	29K-477.16	Hà Nội	2582	30M-118.06	Hà Nội	4182	30M-034.16	Hà Nội
983	30M-033.28	Hà Nội	2583	30M-122.85	Hà Nội	4183	30M-043.19	Hà Nội
984	30M-036.16	Hà Nội	2584	30M-123.28	Hà Nội	4184	30M-044.28	Hà Nội
985	30M-057.16	Hà Nội	2585	30M-126.25	Hà Nội	4185	30M-054.83	Hà Nội
986	30M-061.85	Hà Nội	2586	30M-127.58	Hà Nội	4186	30M-057.35	Hà Nội
987	30M-063.28	Hà Nội	2587	30M-127.95	Hà Nội	4187	30M-057.85	Hà Nội
988	30M-064.96	Hà Nội	2588	30M-130.58	Hà Nội	4188	30M-061.35	Hà Nội
989	30M-067.56	Hà Nội	2589	30M-146.15	Hà Nội	4189	30M-066.15	Hà Nội
990	30M-068.25	Hà Nội	2590	30M-146.96	Hà Nội	4190	30M-067.96	Hà Nội
991	30M-069.58	Hà Nội	2591	30M-156.06	Hà Nội	4191	30M-075.19	Hà Nội
992	30M-072.36	Hà Nội	2592	30M-158.16	Hà Nội	4192	30M-078.08	Hà Nội
993	30M-084.09	Hà Nội	2593	30M-159.08	Hà Nội	4193	30M-078.96	Hà Nội
994	30M-114.95	Hà Nội	2594	30M-161.35	Hà Nội	4194	30M-094.36	Hà Nội
995	30M-121.26	Hà Nội	2595	30M-173.35	Hà Nội	4195	30M-095.29	Hà Nội
996	30M-121.56	Hà Nội	2596	30M-178.08	Hà Nội	4196	30M-098.95	Hà Nội
997	30M-122.96	Hà Nội	2597	30M-178.38	Hà Nội	4197	30M-099.18	Hà Nội
998	30M-126.06	Hà Nội	2598	30M-182.95	Hà Nội	4198	30M-099.26	Hà Nội
999	30M-128.08	Hà Nội	2599	30M-199.29	Hà Nội	4199	30M-099.58	Hà Nội
1000	30M-134.63	Hà Nội	2600	30M-202.95	Hà Nội	4200	30M-108.18	Hà Nội
1001	30M-140.25	Hà Nội	2601	30M-205.28	Hà Nội	4201	30M-110.98	Hà Nội
1002	30M-142.28	Hà Nội	2602	30M-205.38	Hà Nội	4202	30M-116.29	Hà Nội
1003	30M-144.28	Hà Nội	2603	30M-210.16	Hà Nội	4203	30M-117.83	Hà Nội
1004	30M-147.09	Hà Nội	2604	30M-211.18	Hà Nội	4204	30M-120.36	Hà Nội
1005	30M-149.58	Hà Nội	2605	30M-212.38	Hà Nội	4205	30M-125.06	Hà Nội
1006	30M-157.25	Hà Nội	2606	30M-214.35	Hà Nội	4206	30M-127.85	Hà Nội
1007	30M-157.28	Hà Nội	2607	30M-233.65	Hà Nội	4207	30M-138.56	Hà Nội
1008	30M-160.36	Hà Nội	2608	30M-240.28	Hà Nội	4208	30M-139.59	Hà Nội
1009	30M-170.08	Hà Nội	2609	30M-248.85	Hà Nội	4209	30M-141.06	Hà Nội
1010	30M-172.56	Hà Nội	2610	30M-257.98	Hà Nội	4210	30M-148.36	Hà Nội
1011	30M-176.26	Hà Nội	2611	30M-264.18	Hà Nội	4211	30M-154.58	Hà Nội
1012	30M-178.36	Hà Nội	2612	30M-265.15	Hà Nội	4212	30M-159.38	Hà Nội
1013	30M-182.16	Hà Nội	2613	30M-266.18	Hà Nội	4213	30M-162.59	Hà Nội
1014	30M-190.18	Hà Nội	2614	30M-270.63	Hà Nội	4214	30M-163.15	Hà Nội
1015	30M-191.56	Hà Nội	2615	30M-275.98	Hà Nội	4215	30M-169.38	Hà Nội
1016	30M-200.19	Hà Nội	2616	30M-276.08	Hà Nội	4216	30M-171.08	Hà Nội
1017	30M-207.19	Hà Nội	2617	30M-287.16	Hà Nội	4217	30M-173.98	Hà Nội
1018	30M-213.56	Hà Nội	2618	30M-305.28	Hà Nội	4218	30M-174.28	Hà Nội
1019	30M-220.56	Hà Nội	2619	30M-308.19	Hà Nội	4219	30M-176.15	Hà Nội
1020	30M-225.85	Hà Nội	2620	30M-329.58	Hà Nội	4220	30M-177.85	Hà Nội
1021	30M-227.16	Hà Nội	2621	30M-338.19	Hà Nội	4221	30M-187.26	Hà Nội
1022	30M-229.85	Hà Nội	2622	30M-339.06	Hà Nội	4222	30M-190.28	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1023	30M-232.35	Hà Nội	2623	30M-344.25	Hà Nội	4223	30M-193.96	Hà Nội
1024	30M-235.56	Hà Nội	2624	30M-356.18	Hà Nội	4224	30M-194.85	Hà Nội
1025	30M-243.96	Hà Nội	2625	30M-358.95	Hà Nội	4225	30M-195.98	Hà Nội
1026	30M-246.19	Hà Nội	2626	30M-371.15	Hà Nội	4226	30M-199.15	Hà Nội
1027	30M-249.16	Hà Nội	2627	30M-374.25	Hà Nội	4227	30M-212.09	Hà Nội
1028	30M-252.28	Hà Nội	2628	30M-376.85	Hà Nội	4228	30M-215.19	Hà Nội
1029	30M-252.95	Hà Nội	2629	30M-382.65	Hà Nội	4229	30M-223.59	Hà Nội
1030	30M-255.36	Hà Nội	2630	30M-384.18	Hà Nội	4230	30M-229.38	Hà Nội
1031	30M-257.06	Hà Nội	2631	30M-390.65	Hà Nội	4231	30M-230.35	Hà Nội
1032	30M-263.06	Hà Nội	2632	30M-396.09	Hà Nội	4232	30M-234.85	Hà Nội
1033	30M-266.98	Hà Nội	2633	30M-396.95	Hà Nội	4233	30M-238.95	Hà Nội
1034	30M-277.96	Hà Nội	2634	30M-398.85	Hà Nội	4234	30M-241.96	Hà Nội
1035	30M-280.09	Hà Nội	2635	30M-403.26	Hà Nội	4235	30M-256.08	Hà Nội
1036	30M-280.29	Hà Nội	2636	30M-405.16	Hà Nội	4236	30M-272.36	Hà Nội
1037	30M-292.18	Hà Nội	2637	30M-405.19	Hà Nội	4237	30M-280.56	Hà Nội
1038	30M-292.98	Hà Nội	2638	30M-410.56	Hà Nội	4238	30M-283.59	Hà Nội
1039	30M-295.58	Hà Nội	2639	30M-410.63	Hà Nội	4239	30M-286.56	Hà Nội
1040	30M-301.85	Hà Nội	2640	30M-412.29	Hà Nội	4240	30M-294.25	Hà Nội
1041	30M-308.58	Hà Nội	2641	30M-413.25	Hà Nội	4241	30M-297.58	Hà Nội
1042	30M-318.35	Hà Nội	2642	30M-414.16	Hà Nội	4242	30M-298.83	Hà Nội
1043	30M-320.59	Hà Nội	2643	34A-923.56	Hải Dương	4243	30M-305.96	Hà Nội
1044	30M-328.25	Hà Nội	2644	34A-938.16	Hải Dương	4244	30M-317.58	Hà Nội
1045	30M-330.63	Hà Nội	2645	34A-947.83	Hải Dương	4245	30M-318.09	Hà Nội
1046	30M-331.16	Hà Nội	2646	34A-950.58	Hải Dương	4246	30M-321.85	Hà Nội
1047	30M-332.15	Hà Nội	2647	34A-951.56	Hải Dương	4247	30M-331.85	Hà Nội
1048	30M-333.96	Hà Nội	2648	34A-953.18	Hải Dương	4248	30M-332.16	Hà Nội
1049	30M-334.15	Hà Nội	2649	34A-955.18	Hải Dương	4249	30M-334.38	Hà Nội
1050	30M-337.09	Hà Nội	2650	34A-960.65	Hải Dương	4250	30M-347.83	Hà Nội
1051	30M-341.65	Hà Nội	2651	34A-962.29	Hải Dương	4251	30M-355.96	Hà Nội
1052	30M-351.08	Hà Nội	2652	34A-966.28	Hải Dương	4252	30M-365.26	Hà Nội
1053	30M-354.06	Hà Nội	2653	34A-968.35	Hải Dương	4253	30M-369.59	Hà Nội
1054	30M-356.25	Hà Nội	2654	34C-438.26	Hải Dương	4254	30M-370.98	Hà Nội
1055	30M-381.25	Hà Nội	2655	34C-442.18	Hải Dương	4255	30M-373.65	Hà Nội
1056	30M-386.98	Hà Nội	2656	34C-442.65	Hải Dương	4256	30M-380.16	Hà Nội
1057	30M-388.35	Hà Nội	2657	34C-445.96	Hải Dương	4257	30M-385.65	Hà Nội
1058	30M-396.85	Hà Nội	2658	34C-447.25	Hải Dương	4258	30M-390.28	Hà Nội
1059	30M-403.83	Hà Nội	2659	34C-447.83	Hải Dương	4259	30M-397.56	Hà Nội
1060	30M-409.36	Hà Nội	2660	34C-448.85	Hải Dương	4260	30M-397.59	Hà Nội
1061	30M-413.16	Hà Nội	2661	35A-469.36	Ninh Bình	4261	30M-405.59	Hà Nội
1062	30M-420.38	Hà Nội	2662	35A-476.28	Ninh Bình	4262	30M-407.59	Hà Nội
1063	30M-421.83	Hà Nội	2663	35A-478.29	Ninh Bình	4263	30M-420.25	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1064	34A-924.65	Hải Dương	2664	35A-478.36	Ninh Bình	4264	34A-919.36	Hải Dương
1065	34A-926.59	Hải Dương	2665	35A-480.85	Ninh Bình	4265	34A-920.18	Hải Dương
1066	34A-927.63	Hải Dương	2666	35C-180.38	Ninh Bình	4266	34A-930.16	Hải Dương
1067	34A-928.63	Hải Dương	2667	35C-182.56	Ninh Bình	4267	34A-932.59	Hải Dương
1068	34A-931.63	Hải Dương	2668	36C-554.26	Thanh Hóa	4268	34A-936.65	Hải Dương
1069	34A-937.65	Hải Dương	2669	36C-556.36	Thanh Hóa	4269	34A-948.09	Hải Dương
1070	34A-938.29	Hải Dương	2670	36C-565.09	Thanh Hóa	4270	34A-958.65	Hải Dương
1071	34A-941.65	Hải Dương	2671	36C-568.19	Thanh Hóa	4271	34A-961.35	Hải Dương
1072	34A-942.63	Hải Dương	2672	36C-568.59	Thanh Hóa	4272	34A-971.06	Hải Dương
1073	34A-944.58	Hải Dương	2673	36C-569.26	Thanh Hóa	4273	34A-974.83	Hải Dương
1074	34A-950.63	Hải Dương	2674	36C-570.09	Thanh Hóa	4274	34A-975.08	Hải Dương
1075	34A-957.28	Hải Dương	2675	36C-574.36	Thanh Hóa	4275	34B-045.83	Hải Dương
1076	34A-960.18	Hải Dương	2676	36C-574.65	Thanh Hóa	4276	34B-046.96	Hải Dương
1077	34A-960.98	Hải Dương	2677	36C-577.28	Thanh Hóa	4277	34C-434.25	Hải Dương
1078	34A-961.85	Hải Dương	2678	36C-581.26	Thanh Hóa	4278	34C-437.35	Hải Dương
1079	34A-963.38	Hải Dương	2679	36D-030.15	Thanh Hóa	4279	34C-443.06	Hải Dương
1080	34A-966.26	Hải Dương	2680	36K-230.25	Thanh Hóa	4280	34C-443.26	Hải Dương
1081	34A-967.83	Hải Dương	2681	36K-243.25	Thanh Hóa	4281	34C-443.63	Hải Dương
1082	34A-967.98	Hải Dương	2682	36K-275.98	Thanh Hóa	4282	34C-444.96	Hải Dương
1083	34A-975.25	Hải Dương	2683	36K-280.63	Thanh Hóa	4283	34C-448.98	Hải Dương
1084	34B-046.59	Hải Dương	2684	36K-282.19	Thanh Hóa	4284	34D-041.19	Hải Dương
1085	34C-436.35	Hải Dương	2685	36K-296.56	Thanh Hóa	4285	34D-042.25	Hải Dương
1086	34C-442.95	Hải Dương	2686	36K-299.09	Thanh Hóa	4286	34D-042.36	Hải Dương
1087	34D-039.85	Hải Dương	2687	37B-048.58	Nghệ An	4287	35A-468.59	Ninh Bình
1088	35A-475.28	Ninh Bình	2688	37C-571.85	Nghệ An	4288	35A-480.98	Ninh Bình
1089	35A-481.96	Ninh Bình	2689	37C-572.63	Nghệ An	4289	35A-481.15	Ninh Bình
1090	35A-484.59	Ninh Bình	2690	37C-578.83	Nghệ An	4290	35A-484.56	Ninh Bình
1091	35B-025.06	Ninh Bình	2691	37C-580.16	Nghệ An	4291	35B-025.19	Ninh Bình
1092	35C-181.09	Ninh Bình	2692	37C-584.28	Nghệ An	4292	35C-184.58	Ninh Bình
1093	35C-181.29	Ninh Bình	2693	37C-588.29	Nghệ An	4293	36B-047.35	Thanh Hóa
1094	35C-181.83	Ninh Bình	2694	37K-490.35	Nghệ An	4294	36B-048.29	Thanh Hóa
1095	35C-185.28	Ninh Bình	2695	37K-497.18	Nghệ An	4295	36B-049.65	Thanh Hóa
1096	35D-017.25	Ninh Bình	2696	37K-500.26	Nghệ An	4296	36C-570.15	Thanh Hóa
1097	35D-019.58	Ninh Bình	2697	37K-505.19	Nghệ An	4297	36C-573.19	Thanh Hóa
1098	36B-049.19	Thanh Hóa	2698	37K-508.35	Nghệ An	4298	36C-575.63	Thanh Hóa
1099	36C-552.29	Thanh Hóa	2699	37K-521.58	Nghệ An	4299	36D-030.19	Thanh Hóa
1100	36C-558.29	Thanh Hóa	2700	37K-544.09	Nghệ An	4300	36D-031.26	Thanh Hóa
1101	36C-565.06	Thanh Hóa	2701	37K-544.25	Nghệ An	4301	36D-031.95	Thanh Hóa
1102	36C-566.28	Thanh Hóa	2702	37K-545.15	Nghệ An	4302	36K-233.59	Thanh Hóa
1103	36C-572.06	Thanh Hóa	2703	37K-549.58	Nghệ An	4303	36K-241.58	Thanh Hóa
1104	36C-572.38	Thanh Hóa	2704	37K-568.83	Nghệ An	4304	36K-243.98	Thanh Hóa

1
 2
 3
 4
 5
 6
 7
 8
 9
 10
 11
 12
 13
 14
 15
 16
 17
 18
 19
 20
 21
 22
 23
 24
 25
 26
 27
 28
 29
 30
 31
 32
 33
 34
 35
 36
 37
 38
 39
 40
 41
 42
 43
 44
 45
 46
 47
 48
 49
 50
 51
 52
 53
 54
 55
 56
 57
 58
 59
 60
 61
 62
 63
 64
 65
 66
 67
 68
 69
 70
 71
 72
 73
 74
 75
 76
 77
 78
 79
 80
 81
 82
 83
 84
 85
 86
 87
 88
 89
 90
 91
 92
 93
 94
 95
 96
 97
 98
 99
 100
 101
 102
 103
 104
 105
 106
 107
 108
 109
 110
 111
 112
 113
 114
 115
 116
 117
 118
 119
 120
 121
 122
 123
 124
 125
 126
 127
 128
 129
 130
 131
 132
 133
 134
 135
 136
 137
 138
 139
 140
 141
 142
 143
 144
 145
 146
 147
 148
 149
 150
 151
 152
 153
 154
 155
 156
 157
 158
 159
 160
 161
 162
 163
 164
 165
 166
 167
 168
 169
 170
 171
 172
 173
 174
 175
 176
 177
 178
 179
 180
 181
 182
 183
 184
 185
 186
 187
 188
 189
 190
 191
 192
 193
 194
 195
 196
 197
 198
 199
 200
 201
 202
 203
 204
 205
 206
 207
 208
 209
 210
 211
 212
 213
 214
 215
 216
 217
 218
 219
 220
 221
 222
 223
 224
 225
 226
 227
 228
 229
 230
 231
 232
 233
 234
 235
 236
 237
 238
 239
 240
 241
 242
 243
 244
 245
 246
 247
 248
 249
 250
 251
 252
 253
 254
 255
 256
 257
 258
 259
 260
 261
 262
 263
 264
 265
 266
 267
 268
 269
 270
 271
 272
 273
 274
 275
 276
 277
 278
 279
 280
 281
 282
 283
 284
 285
 286
 287
 288
 289
 290
 291
 292
 293
 294
 295
 296
 297
 298
 299
 300
 301
 302
 303
 304
 305
 306
 307
 308
 309
 310
 311
 312
 313
 314
 315
 316
 317
 318
 319
 320
 321
 322
 323
 324
 325
 326
 327
 328
 329
 330
 331
 332
 333
 334
 335
 336
 337
 338
 339
 340
 341
 342
 343
 344
 345
 346
 347
 348
 349
 350
 351
 352
 353
 354
 355
 356
 357
 358
 359
 360
 361
 362
 363
 364
 365
 366
 367
 368
 369
 370
 371
 372
 373
 374
 375
 376
 377
 378
 379
 380
 381
 382
 383
 384
 385
 386
 387
 388
 389
 390
 391
 392
 393
 394
 395
 396
 397
 398
 399
 400
 401
 402
 403
 404
 405
 406
 407
 408
 409
 410
 411
 412
 413
 414
 415
 416
 417
 418
 419
 420
 421
 422
 423
 424
 425
 426
 427
 428
 429
 430
 431
 432
 433
 434
 435
 436
 437
 438
 439
 440
 441
 442
 443
 444
 445
 446
 447
 448
 449
 450
 451
 452
 453
 454
 455
 456
 457
 458
 459
 460
 461
 462
 463
 464
 465
 466
 467
 468
 469
 470
 471
 472
 473
 474
 475
 476
 477
 478
 479
 480
 481
 482
 483
 484
 485
 486
 487
 488
 489
 490
 491
 492
 493
 494
 495
 496
 497
 498
 499
 500
 501
 502
 503
 504
 505
 506
 507
 508
 509
 510
 511
 512
 513
 514
 515
 516
 517
 518
 519
 520
 521
 522
 523
 524
 525
 526
 527
 528
 529
 530
 531
 532
 533
 534
 535
 536
 537
 538
 539
 540
 541
 542
 543
 544
 545
 546
 547
 548
 549
 550
 551
 552
 553
 554
 555
 556
 557
 558
 559
 560
 561
 562
 563
 564
 565
 566
 567
 568
 569
 570
 571
 572
 573
 574
 575
 576
 577
 578
 579
 580
 581
 582
 583
 584
 585
 586
 587
 588
 589
 590
 591
 592
 593
 594
 595
 596
 597
 598
 599
 600
 601
 602
 603
 604
 605
 606
 607
 608
 609
 610
 611
 612
 613
 614
 615
 616
 617
 618
 619
 620
 621
 622
 623
 624
 625
 626
 627
 628
 629
 630
 631
 632
 633
 634
 635
 636
 637
 638
 639
 640
 641
 642
 643
 644
 645
 646
 647
 648
 649
 650
 651
 652
 653
 654
 655
 656
 657
 658
 659
 660
 661
 662
 663
 664
 665
 666
 667
 668
 669
 670
 671
 672
 673
 674
 675
 676
 677
 678
 679
 680
 681
 682
 683
 684
 685
 686
 687
 688
 689
 690
 691
 692
 693
 694
 695
 696
 697
 698
 699
 700
 701
 702
 703
 704
 705
 706
 707
 708
 709
 710
 711
 712
 713
 714
 715
 716
 717
 718
 719
 720
 721
 722
 723
 724
 725
 726
 727
 728
 729
 730
 731
 732
 733
 734
 735
 736
 737
 738
 739
 740
 741
 742
 743
 744
 745
 746
 747
 748
 749
 750
 751
 752
 753
 754
 755
 756
 757
 758
 759
 760
 761
 762
 763
 764
 765
 766
 767
 768
 769
 770
 771
 772
 773
 774
 775
 776
 777
 778
 779
 780
 781
 782
 783
 784
 785
 786
 787
 788
 789
 790
 791
 792
 793
 794
 795
 796
 797
 798
 799
 800
 801
 802
 803
 804
 805
 806
 807
 808
 809
 810
 811
 812
 813
 814
 815
 816
 817
 818
 819
 820
 821
 822
 823
 824
 825
 826
 827
 828
 829
 830
 831
 832
 833
 834
 835
 836
 837
 838
 839
 840
 841
 842
 843
 844
 845
 846
 847
 848
 849
 850
 851
 852
 853
 854
 855
 856
 857
 858
 859
 860
 861
 862
 863
 864
 865
 866
 867
 868
 869
 870
 871
 872
 873
 874
 875
 876
 877
 878
 879
 880
 881
 882
 883
 884
 885
 886
 887
 888
 889
 890
 891
 892
 893
 894
 895
 896
 897
 898
 899
 900
 901
 902
 903
 904
 905
 906
 907
 908
 909
 910
 911
 912
 913
 914
 915
 916
 917
 918
 919
 920
 921
 922
 923
 924
 925
 926
 927
 928
 929
 930
 931
 932
 933
 934
 935
 936
 937
 938
 939
 940
 941
 942
 943
 944
 945
 946
 947
 948
 949
 950
 951
 952
 953
 954
 955
 956
 957
 958
 959
 960
 961
 962
 963
 964
 965
 966
 967
 968
 969
 970
 971
 972
 973
 974
 975
 976
 977
 978
 979
 980
 981
 982
 983
 984
 985
 986
 987
 988
 989
 990
 991
 992
 993
 994
 995
 996
 997
 998
 999
 1000
 1001
 1002
 1003
 1004
 1005
 1006
 1007
 1008
 1009
 1010
 1011

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1105	36C-574.29	Thanh Hóa	2705	37K-570.83	Nghệ An	4305	36K-248.59	Thanh Hóa
1106	36C-575.85	Thanh Hóa	2706	37K-570.85	Nghệ An	4306	36K-254.18	Thanh Hóa
1107	36K-232.65	Thanh Hóa	2707	38A-696.28	Hà Tĩnh	4307	36K-254.38	Thanh Hóa
1108	36K-239.98	Thanh Hóa	2708	38A-699.25	Hà Tĩnh	4308	36K-265.36	Thanh Hóa
1109	36K-240.26	Thanh Hóa	2709	38A-703.65	Hà Tĩnh	4309	36K-266.25	Thanh Hóa
1110	36K-241.95	Thanh Hóa	2710	38A-708.19	Hà Tĩnh	4310	36K-269.36	Thanh Hóa
1111	36K-244.29	Thanh Hóa	2711	38A-709.15	Hà Tĩnh	4311	36K-270.63	Thanh Hóa
1112	36K-246.35	Thanh Hóa	2712	43A-945.29	Đà Nẵng	4312	36K-274.06	Thanh Hóa
1113	36K-249.16	Thanh Hóa	2713	43A-946.63	Đà Nẵng	4313	36K-281.65	Thanh Hóa
1114	36K-261.09	Thanh Hóa	2714	43A-953.25	Đà Nẵng	4314	36K-287.36	Thanh Hóa
1115	36K-264.98	Thanh Hóa	2715	43A-953.85	Đà Nẵng	4315	36K-289.95	Thanh Hóa
1116	36K-272.58	Thanh Hóa	2716	43A-955.36	Đà Nẵng	4316	36K-293.36	Thanh Hóa
1117	36K-273.65	Thanh Hóa	2717	43A-963.08	Đà Nẵng	4317	36K-297.36	Thanh Hóa
1118	36K-276.56	Thanh Hóa	2718	43A-979.15	Đà Nẵng	4318	36K-299.06	Thanh Hóa
1119	36K-277.08	Thanh Hóa	2719	43B-065.15	Đà Nẵng	4319	36K-303.29	Thanh Hóa
1120	36K-278.06	Thanh Hóa	2720	43C-315.56	Đà Nẵng	4320	36K-304.95	Thanh Hóa
1121	36K-282.96	Thanh Hóa	2721	43C-315.58	Đà Nẵng	4321	37C-585.95	Nghệ An
1122	36K-287.16	Thanh Hóa	2722	43C-321.15	Đà Nẵng	4322	37C-586.16	Nghệ An
1123	36K-297.59	Thanh Hóa	2723	43D-014.38	Đà Nẵng	4323	37C-592.83	Nghệ An
1124	36K-301.85	Thanh Hóa	2724	43D-015.95	Đà Nẵng	4324	37K-489.25	Nghệ An
1125	36K-303.06	Thanh Hóa	2725	47A-840.85	Đắk Lắk	4325	37K-489.29	Nghệ An
1126	36K-305.95	Thanh Hóa	2726	47A-841.25	Đắk Lắk	4326	37K-493.16	Nghệ An
1127	37B-050.15	Nghệ An	2727	47A-842.35	Đắk Lắk	4327	37K-494.35	Nghệ An
1128	37B-050.29	Nghệ An	2728	47A-848.58	Đắk Lắk	4328	37K-494.59	Nghệ An
1129	37C-580.36	Nghệ An	2729	47A-851.65	Đắk Lắk	4329	37K-496.65	Nghệ An
1130	37C-586.59	Nghệ An	2730	47A-855.19	Đắk Lắk	4330	37K-499.28	Nghệ An
1131	37C-591.85	Nghệ An	2731	47A-856.18	Đắk Lắk	4331	37K-500.63	Nghệ An
1132	37C-591.98	Nghệ An	2732	47A-865.06	Đắk Lắk	4332	37K-508.06	Nghệ An
1133	37C-593.06	Nghệ An	2733	47A-865.25	Đắk Lắk	4333	37K-523.09	Nghệ An
1134	37C-595.15	Nghệ An	2734	47B-045.35	Đắk Lắk	4334	37K-529.58	Nghệ An
1135	37D-047.16	Nghệ An	2735	47C-405.65	Đắk Lắk	4335	37K-531.56	Nghệ An
1136	37D-047.29	Nghệ An	2736	47C-405.96	Đắk Lắk	4336	37K-546.98	Nghệ An
1137	37D-049.85	Nghệ An	2737	47C-408.16	Đắk Lắk	4337	37K-550.65	Nghệ An
1138	37K-498.09	Nghệ An	2738	47C-415.96	Đắk Lắk	4338	37K-565.85	Nghệ An
1139	37K-502.58	Nghệ An	2739	48A-248.15	Đắk Nông	4339	37K-566.83	Nghệ An
1140	37K-503.35	Nghệ An	2740	48A-248.56	Đắk Nông	4340	38A-681.25	Hà Tĩnh
1141	37K-504.16	Nghệ An	2741	48A-249.16	Đắk Nông	4341	38A-685.95	Hà Tĩnh
1142	37K-505.95	Nghệ An	2742	48A-249.95	Đắk Nông	4342	38A-691.98	Hà Tĩnh
1143	37K-518.58	Nghệ An	2743	48A-251.36	Đắk Nông	4343	38A-692.56	Hà Tĩnh
1144	37K-519.65	Nghệ An	2744	48A-256.09	Đắk Nông	4344	38A-693.36	Hà Tĩnh
1145	37K-521.95	Nghệ An	2745	48C-118.65	Đắk Nông	4345	38A-704.59	Hà Tĩnh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1146	37K-522.06	Nghệ An	2746	48D-006.98	Đắk Nông	4346	38A-708.83	Hà Tĩnh
1147	37K-524.96	Nghệ An	2747	49A-749.18	Lâm Đồng	4347	38A-709.98	Hà Tĩnh
1148	37K-539.09	Nghệ An	2748	49A-753.63	Lâm Đồng	4348	38C-251.19	Hà Tĩnh
1149	37K-545.95	Nghệ An	2749	49A-758.83	Lâm Đồng	4349	43A-952.15	Đà Nẵng
1150	37K-547.19	Nghệ An	2750	49A-766.26	Lâm Đồng	4350	43A-954.36	Đà Nẵng
1151	37K-549.08	Nghệ An	2751	49A-767.35	Lâm Đồng	4351	43A-964.83	Đà Nẵng
1152	37K-558.19	Nghệ An	2752	49A-768.59	Lâm Đồng	4352	43A-976.85	Đà Nẵng
1153	37K-575.29	Nghệ An	2753	49A-772.59	Lâm Đồng	4353	43D-012.15	Đà Nẵng
1154	38A-682.09	Hà Tĩnh	2754	49A-776.58	Lâm Đồng	4354	47A-818.08	Đắk Lắk
1155	38A-683.09	Hà Tĩnh	2755	49C-386.29	Lâm Đồng	4355	47A-826.29	Đắk Lắk
1156	38A-686.15	Hà Tĩnh	2756	49C-393.08	Lâm Đồng	4356	47A-827.35	Đắk Lắk
1157	38A-700.26	Hà Tĩnh	2757	49C-394.26	Lâm Đồng	4357	47A-827.59	Đắk Lắk
1158	38A-706.29	Hà Tĩnh	2758	49C-399.29	Lâm Đồng	4358	47A-828.85	Đắk Lắk
1159	38B-025.63	Hà Tĩnh	2759	49D-015.28	Lâm Đồng	4359	47A-848.06	Đắk Lắk
1160	38C-244.63	Hà Tĩnh	2760	49D-016.19	Lâm Đồng	4360	47A-855.18	Đắk Lắk
1161	38C-248.98	Hà Tĩnh	2761	51B-714.59	Hồ Chí Minh	4361	47A-861.83	Đắk Lắk
1162	38D-020.19	Hà Tĩnh	2762	51B-714.85	Hồ Chí Minh	4362	47B-043.16	Đắk Lắk
1163	38D-021.85	Hà Tĩnh	2763	51B-715.96	Hồ Chí Minh	4363	47B-043.63	Đắk Lắk
1164	38D-023.63	Hà Tĩnh	2764	51E-354.85	Hồ Chí Minh	4364	47C-399.29	Đắk Lắk
1165	43A-942.98	Đà Nẵng	2765	51L-897.95	Hồ Chí Minh	4365	47C-405.58	Đắk Lắk
1166	43A-944.25	Đà Nẵng	2766	51L-900.35	Hồ Chí Minh	4366	47C-405.98	Đắk Lắk
1167	43A-945.28	Đà Nẵng	2767	51L-905.56	Hồ Chí Minh	4367	47C-408.19	Đắk Lắk
1168	43A-947.63	Đà Nẵng	2768	51L-909.85	Hồ Chí Minh	4368	47C-413.09	Đắk Lắk
1169	43A-954.85	Đà Nẵng	2769	51L-910.95	Hồ Chí Minh	4369	47C-415.09	Đắk Lắk
1170	43A-956.18	Đà Nẵng	2770	51L-913.36	Hồ Chí Minh	4370	47C-417.65	Đắk Lắk
1171	43A-963.35	Đà Nẵng	2771	51L-926.08	Hồ Chí Minh	4371	48B-013.15	Đắk Nông
1172	43A-965.28	Đà Nẵng	2772	51L-931.35	Hồ Chí Minh	4372	48B-013.59	Đắk Nông
1173	43A-967.06	Đà Nẵng	2773	51L-943.29	Hồ Chí Minh	4373	49A-750.85	Lâm Đồng
1174	43A-970.59	Đà Nẵng	2774	51L-948.65	Hồ Chí Minh	4374	49A-754.25	Lâm Đồng
1175	43A-974.58	Đà Nẵng	2775	51L-956.58	Hồ Chí Minh	4375	49A-756.09	Lâm Đồng
1176	43A-976.96	Đà Nẵng	2776	51L-967.36	Hồ Chí Minh	4376	49A-758.09	Lâm Đồng
1177	43A-977.36	Đà Nẵng	2777	51L-967.56	Hồ Chí Minh	4377	49A-765.26	Lâm Đồng
1178	43B-065.95	Đà Nẵng	2778	51L-979.58	Hồ Chí Minh	4378	49A-765.36	Lâm Đồng
1179	43B-067.16	Đà Nẵng	2779	51L-982.08	Hồ Chí Minh	4379	49A-768.35	Lâm Đồng
1180	43C-317.98	Đà Nẵng	2780	51L-987.25	Hồ Chí Minh	4380	49B-032.18	Lâm Đồng
1181	43C-322.29	Đà Nẵng	2781	51L-988.59	Hồ Chí Minh	4381	49B-034.59	Lâm Đồng
1182	43D-013.16	Đà Nẵng	2782	51L-995.28	Hồ Chí Minh	4382	49B-034.85	Lâm Đồng
1183	43D-014.25	Đà Nẵng	2783	51M-060.15	Hồ Chí Minh	4383	49C-385.29	Lâm Đồng
1184	47A-817.98	Đắk Lắk	2784	51M-061.58	Hồ Chí Minh	4384	49C-392.25	Lâm Đồng
1185	47A-821.96	Đắk Lắk	2785	51M-069.56	Hồ Chí Minh	4385	49C-395.29	Lâm Đồng
1186	47A-822.56	Đắk Lắk	2786	51M-071.56	Hồ Chí Minh	4386	49D-015.65	Lâm Đồng

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1187	47A-830.36	Đắk Lắk	2787	51M-084.15	Hồ Chí Minh	4387	49D-018.15	Lâm Đồng
1188	47A-835.08	Đắk Lắk	2788	51M-085.38	Hồ Chí Minh	4388	51E-353.06	Hồ Chí Minh
1189	47A-839.18	Đắk Lắk	2789	51M-090.59	Hồ Chí Minh	4389	51L-897.06	Hồ Chí Minh
1190	47A-839.59	Đắk Lắk	2790	51M-100.35	Hồ Chí Minh	4390	51L-897.26	Hồ Chí Minh
1191	47A-841.35	Đắk Lắk	2791	51M-100.95	Hồ Chí Minh	4391	51L-906.59	Hồ Chí Minh
1192	47A-848.59	Đắk Lắk	2792	51M-101.36	Hồ Chí Minh	4392	51L-912.98	Hồ Chí Minh
1193	47A-853.65	Đắk Lắk	2793	51M-105.26	Hồ Chí Minh	4393	51L-918.06	Hồ Chí Minh
1194	47A-855.35	Đắk Lắk	2794	51M-109.83	Hồ Chí Minh	4394	51L-924.09	Hồ Chí Minh
1195	47C-402.85	Đắk Lắk	2795	51M-134.85	Hồ Chí Minh	4395	51L-925.59	Hồ Chí Minh
1196	47C-406.29	Đắk Lắk	2796	51M-142.98	Hồ Chí Minh	4396	51L-926.15	Hồ Chí Minh
1197	47C-421.63	Đắk Lắk	2797	51M-149.65	Hồ Chí Minh	4397	51L-927.56	Hồ Chí Minh
1198	47C-423.36	Đắk Lắk	2798	51M-151.19	Hồ Chí Minh	4398	51L-938.18	Hồ Chí Minh
1199	47D-020.98	Đắk Lắk	2799	51M-156.25	Hồ Chí Minh	4399	51L-938.58	Hồ Chí Minh
1200	47D-022.26	Đắk Lắk	2800	51M-160.35	Hồ Chí Minh	4400	51L-947.95	Hồ Chí Minh
1201	48A-252.16	Đắk Nông	2801	51M-171.38	Hồ Chí Minh	4401	51L-963.26	Hồ Chí Minh
1202	48A-256.19	Đắk Nông	2802	51M-177.98	Hồ Chí Minh	4402	51L-967.25	Hồ Chí Minh
1203	48B-015.59	Đắk Nông	2803	51M-179.08	Hồ Chí Minh	4403	51L-971.19	Hồ Chí Minh
1204	48C-120.65	Đắk Nông	2804	51M-179.65	Hồ Chí Minh	4404	51L-973.08	Hồ Chí Minh
1205	49A-748.09	Lâm Đồng	2805	51M-180.58	Hồ Chí Minh	4405	51L-973.29	Hồ Chí Minh
1206	49A-756.08	Lâm Đồng	2806	51M-190.63	Hồ Chí Minh	4406	51L-976.96	Hồ Chí Minh
1207	49C-388.36	Lâm Đồng	2807	51M-191.15	Hồ Chí Minh	4407	51L-992.08	Hồ Chí Minh
1208	49C-390.18	Lâm Đồng	2808	51M-191.59	Hồ Chí Minh	4408	51L-995.25	Hồ Chí Minh
1209	49C-391.08	Lâm Đồng	2809	51M-193.98	Hồ Chí Minh	4409	51M-052.56	Hồ Chí Minh
1210	49C-391.16	Lâm Đồng	2810	51M-197.96	Hồ Chí Minh	4410	51M-056.58	Hồ Chí Minh
1211	49C-391.25	Lâm Đồng	2811	51M-198.18	Hồ Chí Minh	4411	51M-058.38	Hồ Chí Minh
1212	49C-393.65	Lâm Đồng	2812	51M-199.29	Hồ Chí Minh	4412	51M-064.19	Hồ Chí Minh
1213	49C-394.16	Lâm Đồng	2813	51M-200.06	Hồ Chí Minh	4413	51M-065.09	Hồ Chí Minh
1214	49C-394.59	Lâm Đồng	2814	51M-203.08	Hồ Chí Minh	4414	51M-067.38	Hồ Chí Minh
1215	49C-395.25	Lâm Đồng	2815	51M-207.16	Hồ Chí Minh	4415	51M-076.58	Hồ Chí Minh
1216	49D-015.96	Lâm Đồng	2816	51M-214.06	Hồ Chí Minh	4416	51M-079.36	Hồ Chí Minh
1217	49D-015.98	Lâm Đồng	2817	51M-216.58	Hồ Chí Minh	4417	51M-091.65	Hồ Chí Minh
1218	51B-713.15	Hồ Chí Minh	2818	51M-227.83	Hồ Chí Minh	4418	51M-095.16	Hồ Chí Minh
1219	51E-350.29	Hồ Chí Minh	2819	51M-231.06	Hồ Chí Minh	4419	51M-102.06	Hồ Chí Minh
1220	51L-905.16	Hồ Chí Minh	2820	51M-244.09	Hồ Chí Minh	4420	51M-105.98	Hồ Chí Minh
1221	51L-909.15	Hồ Chí Minh	2821	51M-248.18	Hồ Chí Minh	4421	51M-112.98	Hồ Chí Minh
1222	51L-911.06	Hồ Chí Minh	2822	51M-252.36	Hồ Chí Minh	4422	51M-122.95	Hồ Chí Minh
1223	51L-918.35	Hồ Chí Minh	2823	51M-256.26	Hồ Chí Minh	4423	51M-140.56	Hồ Chí Minh
1224	51L-921.06	Hồ Chí Minh	2824	51M-258.65	Hồ Chí Minh	4424	51M-140.59	Hồ Chí Minh
1225	51L-930.28	Hồ Chí Minh	2825	51M-260.36	Hồ Chí Minh	4425	51M-143.19	Hồ Chí Minh
1226	51L-941.98	Hồ Chí Minh	2826	51M-263.18	Hồ Chí Minh	4426	51M-144.65	Hồ Chí Minh
1227	51L-948.29	Hồ Chí Minh	2827	51M-264.95	Hồ Chí Minh	4427	51M-150.35	Hồ Chí Minh

41
 0NG
 00 G
 P DA
 00 T N
 00 UAN

Ca đấu buổi sáng

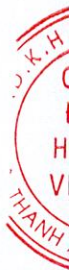
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1228	51L-948.36	Hồ Chí Minh	2828	51M-268.09	Hồ Chí Minh	4428	51M-150.85	Hồ Chí Minh
1229	51L-964.29	Hồ Chí Minh	2829	51M-272.28	Hồ Chí Minh	4429	51M-153.36	Hồ Chí Minh
1230	51L-971.65	Hồ Chí Minh	2830	51M-272.36	Hồ Chí Minh	4430	51M-159.63	Hồ Chí Minh
1231	51L-974.15	Hồ Chí Minh	2831	51M-278.85	Hồ Chí Minh	4431	51M-161.59	Hồ Chí Minh
1232	51L-976.18	Hồ Chí Minh	2832	51M-278.98	Hồ Chí Minh	4432	51M-162.29	Hồ Chí Minh
1233	51L-977.59	Hồ Chí Minh	2833	51M-282.95	Hồ Chí Minh	4433	51M-165.08	Hồ Chí Minh
1234	51L-982.63	Hồ Chí Minh	2834	51M-287.29	Hồ Chí Minh	4434	51M-168.36	Hồ Chí Minh
1235	51L-985.16	Hồ Chí Minh	2835	51M-288.18	Hồ Chí Minh	4435	51M-170.96	Hồ Chí Minh
1236	51L-992.09	Hồ Chí Minh	2836	51M-288.38	Hồ Chí Minh	4436	51M-174.25	Hồ Chí Minh
1237	51L-994.85	Hồ Chí Minh	2837	51M-289.95	Hồ Chí Minh	4437	51M-177.95	Hồ Chí Minh
1238	51L-995.36	Hồ Chí Minh	2838	51N-004.08	Hồ Chí Minh	4438	51M-179.58	Hồ Chí Minh
1239	51M-052.09	Hồ Chí Minh	2839	51N-004.56	Hồ Chí Minh	4439	51M-183.28	Hồ Chí Minh
1240	51M-056.63	Hồ Chí Minh	2840	51N-005.26	Hồ Chí Minh	4440	51M-184.06	Hồ Chí Minh
1241	51M-063.98	Hồ Chí Minh	2841	51N-007.26	Hồ Chí Minh	4441	51M-185.36	Hồ Chí Minh
1242	51M-066.98	Hồ Chí Minh	2842	51N-013.63	Hồ Chí Minh	4442	51M-196.25	Hồ Chí Minh
1243	51M-070.08	Hồ Chí Minh	2843	51N-015.56	Hồ Chí Minh	4443	51M-203.06	Hồ Chí Minh
1244	51M-071.35	Hồ Chí Minh	2844	51N-022.38	Hồ Chí Minh	4444	51M-203.35	Hồ Chí Minh
1245	51M-091.36	Hồ Chí Minh	2845	51N-029.59	Hồ Chí Minh	4445	51M-203.98	Hồ Chí Minh
1246	51M-112.96	Hồ Chí Minh	2846	51N-031.08	Hồ Chí Minh	4446	51M-209.38	Hồ Chí Minh
1247	51M-113.19	Hồ Chí Minh	2847	51N-036.26	Hồ Chí Minh	4447	51M-212.29	Hồ Chí Minh
1248	51M-117.38	Hồ Chí Minh	2848	51N-039.59	Hồ Chí Minh	4448	51M-214.29	Hồ Chí Minh
1249	51M-120.16	Hồ Chí Minh	2849	51N-047.36	Hồ Chí Minh	4449	51M-216.85	Hồ Chí Minh
1250	51M-125.58	Hồ Chí Minh	2850	51N-053.65	Hồ Chí Minh	4450	51M-217.65	Hồ Chí Minh
1251	51M-132.36	Hồ Chí Minh	2851	51N-063.65	Hồ Chí Minh	4451	51M-221.19	Hồ Chí Minh
1252	51M-149.28	Hồ Chí Minh	2852	51N-064.19	Hồ Chí Minh	4452	51M-223.19	Hồ Chí Minh
1253	51M-153.08	Hồ Chí Minh	2853	51N-065.18	Hồ Chí Minh	4453	51M-233.63	Hồ Chí Minh
1254	51M-156.35	Hồ Chí Minh	2854	51N-070.26	Hồ Chí Minh	4454	51M-269.18	Hồ Chí Minh
1255	51M-159.19	Hồ Chí Minh	2855	51N-070.59	Hồ Chí Minh	4455	51M-271.28	Hồ Chí Minh
1256	51M-172.95	Hồ Chí Minh	2856	51N-071.95	Hồ Chí Minh	4456	51M-274.58	Hồ Chí Minh
1257	51M-173.29	Hồ Chí Minh	2857	51N-072.56	Hồ Chí Minh	4457	51M-286.29	Hồ Chí Minh
1258	51M-180.09	Hồ Chí Minh	2858	51N-078.35	Hồ Chí Minh	4458	51M-298.36	Hồ Chí Minh
1259	51M-184.59	Hồ Chí Minh	2859	51N-079.16	Hồ Chí Minh	4459	51M-300.63	Hồ Chí Minh
1260	51M-189.29	Hồ Chí Minh	2860	51N-079.26	Hồ Chí Minh	4460	51M-306.36	Hồ Chí Minh
1261	51M-207.35	Hồ Chí Minh	2861	51N-084.29	Hồ Chí Minh	4461	51N-000.98	Hồ Chí Minh
1262	51M-214.28	Hồ Chí Minh	2862	51N-088.19	Hồ Chí Minh	4462	51N-007.16	Hồ Chí Minh
1263	51M-231.63	Hồ Chí Minh	2863	51N-089.29	Hồ Chí Minh	4463	51N-007.95	Hồ Chí Minh
1264	51M-243.06	Hồ Chí Minh	2864	51N-094.29	Hồ Chí Minh	4464	51N-008.36	Hồ Chí Minh
1265	51M-244.15	Hồ Chí Minh	2865	51N-103.15	Hồ Chí Minh	4465	51N-009.58	Hồ Chí Minh
1266	51M-246.63	Hồ Chí Minh	2866	51N-106.96	Hồ Chí Minh	4466	51N-013.36	Hồ Chí Minh
1267	51M-250.98	Hồ Chí Minh	2867	51N-108.16	Hồ Chí Minh	4467	51N-015.26	Hồ Chí Minh
1268	51M-251.35	Hồ Chí Minh	2868	51N-109.08	Hồ Chí Minh	4468	51N-019.26	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1269	51M-274.38	Hồ Chí Minh	2869	51N-109.16	Hồ Chí Minh	4469	51N-038.18	Hồ Chí Minh
1270	51M-279.15	Hồ Chí Minh	2870	51N-109.38	Hồ Chí Minh	4470	51N-040.85	Hồ Chí Minh
1271	51M-291.26	Hồ Chí Minh	2871	51N-110.38	Hồ Chí Minh	4471	51N-044.19	Hồ Chí Minh
1272	51M-291.95	Hồ Chí Minh	2872	51N-113.25	Hồ Chí Minh	4472	51N-046.08	Hồ Chí Minh
1273	51M-292.09	Hồ Chí Minh	2873	51N-114.59	Hồ Chí Minh	4473	51N-061.85	Hồ Chí Minh
1274	51M-297.28	Hồ Chí Minh	2874	51N-147.85	Hồ Chí Minh	4474	51N-065.25	Hồ Chí Minh
1275	51M-299.36	Hồ Chí Minh	2875	51N-147.96	Hồ Chí Minh	4475	51N-071.18	Hồ Chí Minh
1276	51M-308.36	Hồ Chí Minh	2876	51N-148.58	Hồ Chí Minh	4476	51N-074.96	Hồ Chí Minh
1277	51M-309.98	Hồ Chí Minh	2877	51N-153.59	Hồ Chí Minh	4477	51N-084.06	Hồ Chí Minh
1278	51M-310.83	Hồ Chí Minh	2878	51N-155.83	Hồ Chí Minh	4478	51N-084.18	Hồ Chí Minh
1279	51M-310.95	Hồ Chí Minh	2879	60B-080.18	Đồng Nai	4479	51N-091.65	Hồ Chí Minh
1280	51N-003.83	Hồ Chí Minh	2880	60C-761.26	Đồng Nai	4480	51N-097.36	Hồ Chí Minh
1281	51N-005.15	Hồ Chí Minh	2881	60C-764.85	Đồng Nai	4481	51N-100.98	Hồ Chí Minh
1282	51N-007.29	Hồ Chí Minh	2882	60C-765.18	Đồng Nai	4482	51N-103.95	Hồ Chí Minh
1283	51N-030.95	Hồ Chí Minh	2883	60C-766.29	Đồng Nai	4483	51N-104.35	Hồ Chí Minh
1284	51N-032.29	Hồ Chí Minh	2884	60C-766.58	Đồng Nai	4484	51N-108.96	Hồ Chí Minh
1285	51N-035.58	Hồ Chí Minh	2885	60C-767.98	Đồng Nai	4485	51N-110.59	Hồ Chí Minh
1286	51N-037.56	Hồ Chí Minh	2886	60C-768.25	Đồng Nai	4486	51N-116.18	Hồ Chí Minh
1287	51N-039.98	Hồ Chí Minh	2887	60C-778.83	Đồng Nai	4487	51N-119.15	Hồ Chí Minh
1288	51N-051.95	Hồ Chí Minh	2888	60C-781.25	Đồng Nai	4488	51N-121.85	Hồ Chí Minh
1289	51N-053.98	Hồ Chí Minh	2889	60C-789.08	Đồng Nai	4489	51N-123.15	Hồ Chí Minh
1290	51N-063.08	Hồ Chí Minh	2890	60C-789.16	Đồng Nai	4490	51N-124.59	Hồ Chí Minh
1291	51N-063.28	Hồ Chí Minh	2891	60C-793.58	Đồng Nai	4491	51N-136.38	Hồ Chí Minh
1292	51N-064.96	Hồ Chí Minh	2892	60K-619.18	Đồng Nai	4492	51N-141.29	Hồ Chí Minh
1293	51N-075.35	Hồ Chí Minh	2893	60K-623.19	Đồng Nai	4493	51N-144.18	Hồ Chí Minh
1294	51N-076.63	Hồ Chí Minh	2894	60K-643.28	Đồng Nai	4494	51N-147.16	Hồ Chí Minh
1295	51N-087.06	Hồ Chí Minh	2895	60K-657.18	Đồng Nai	4495	51N-154.56	Hồ Chí Minh
1296	51N-089.65	Hồ Chí Minh	2896	60K-661.38	Đồng Nai	4496	60B-079.65	Đồng Nai
1297	51N-093.28	Hồ Chí Minh	2897	60K-662.19	Đồng Nai	4497	60B-081.25	Đồng Nai
1298	51N-102.06	Hồ Chí Minh	2898	60K-663.19	Đồng Nai	4498	60C-757.63	Đồng Nai
1299	51N-103.58	Hồ Chí Minh	2899	60K-664.36	Đồng Nai	4499	60C-760.16	Đồng Nai
1300	51N-107.06	Hồ Chí Minh	2900	60K-665.59	Đồng Nai	4500	60C-763.15	Đồng Nai
1301	51N-107.56	Hồ Chí Minh	2901	60K-671.19	Đồng Nai	4501	60C-767.25	Đồng Nai
1302	51N-113.08	Hồ Chí Minh	2902	60K-673.38	Đồng Nai	4502	60C-772.26	Đồng Nai
1303	51N-113.15	Hồ Chí Minh	2903	60K-688.36	Đồng Nai	4503	60C-780.65	Đồng Nai
1304	51N-115.63	Hồ Chí Minh	2904	60K-690.28	Đồng Nai	4504	60C-781.56	Đồng Nai
1305	51N-119.16	Hồ Chí Minh	2905	60K-700.29	Đồng Nai	4505	60C-784.18	Đồng Nai
1306	51N-125.98	Hồ Chí Minh	2906	61B-045.58	Bình Dương	4506	60C-786.36	Đồng Nai
1307	51N-127.16	Hồ Chí Minh	2907	61C-611.15	Bình Dương	4507	60C-787.65	Đồng Nai
1308	51N-143.36	Hồ Chí Minh	2908	61C-620.56	Bình Dương	4508	60C-792.83	Đồng Nai
1309	51N-148.96	Hồ Chí Minh	2909	61C-622.18	Bình Dương	4509	60C-793.25	Đồng Nai

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1310	51N-149.25	Hồ Chí Minh	2910	61C-626.15	Bình Dương	4510	60D-025.18	Đồng Nai
1311	51N-150.98	Hồ Chí Minh	2911	61C-628.25	Bình Dương	4511	60K-625.18	Đồng Nai
1312	60C-778.36	Đồng Nai	2912	61C-632.16	Bình Dương	4512	60K-634.38	Đồng Nai
1313	60C-778.58	Đồng Nai	2913	61C-638.16	Bình Dương	4513	60K-638.15	Đồng Nai
1314	60C-785.18	Đồng Nai	2914	61C-639.28	Bình Dương	4514	60K-639.18	Đồng Nai
1315	60C-787.29	Đồng Nai	2915	61K-523.28	Bình Dương	4515	60K-644.18	Đồng Nai
1316	60C-787.83	Đồng Nai	2916	61K-540.25	Bình Dương	4516	60K-644.29	Đồng Nai
1317	60C-791.56	Đồng Nai	2917	61K-540.95	Bình Dương	4517	60K-648.58	Đồng Nai
1318	60C-792.63	Đồng Nai	2918	61K-540.96	Bình Dương	4518	60K-649.56	Đồng Nai
1319	60K-621.25	Đồng Nai	2919	61K-547.28	Bình Dương	4519	60K-649.83	Đồng Nai
1320	60K-629.35	Đồng Nai	2920	61K-550.09	Bình Dương	4520	60K-651.19	Đồng Nai
1321	60K-634.25	Đồng Nai	2921	61K-560.18	Bình Dương	4521	60K-664.58	Đồng Nai
1322	60K-637.06	Đồng Nai	2922	61K-560.85	Bình Dương	4522	60K-667.06	Đồng Nai
1323	60K-638.56	Đồng Nai	2923	61K-565.15	Bình Dương	4523	60K-668.08	Đồng Nai
1324	60K-638.95	Đồng Nai	2924	61K-570.28	Bình Dương	4524	60K-669.35	Đồng Nai
1325	60K-641.95	Đồng Nai	2925	61K-574.98	Bình Dương	4525	60K-669.83	Đồng Nai
1326	60K-646.35	Đồng Nai	2926	61K-578.15	Bình Dương	4526	60K-677.25	Đồng Nai
1327	60K-658.06	Đồng Nai	2927	61K-579.18	Bình Dương	4527	60K-681.15	Đồng Nai
1328	60K-661.36	Đồng Nai	2928	61K-581.25	Bình Dương	4528	60K-687.15	Đồng Nai
1329	60K-672.95	Đồng Nai	2929	61K-595.83	Bình Dương	4529	60K-697.28	Đồng Nai
1330	60K-674.19	Đồng Nai	2930	62A-470.83	Long An	4530	60K-701.59	Đồng Nai
1331	60K-674.26	Đồng Nai	2931	62A-482.29	Long An	4531	61B-045.19	Bình Dương
1332	60K-679.09	Đồng Nai	2932	62A-482.35	Long An	4532	61B-046.16	Bình Dương
1333	60K-685.28	Đồng Nai	2933	62A-491.15	Long An	4533	61C-614.98	Bình Dương
1334	60K-685.38	Đồng Nai	2934	62A-492.06	Long An	4534	61C-620.85	Bình Dương
1335	60K-688.56	Đồng Nai	2935	62B-032.38	Long An	4535	61C-621.09	Bình Dương
1336	60K-689.38	Đồng Nai	2936	62B-032.83	Long An	4536	61C-629.08	Bình Dương
1337	60K-698.18	Đồng Nai	2937	62B-033.18	Long An	4537	61C-629.25	Bình Dương
1338	61C-611.63	Bình Dương	2938	62C-217.08	Long An	4538	61C-629.28	Bình Dương
1339	61C-612.98	Bình Dương	2939	62C-218.96	Long An	4539	61C-635.19	Bình Dương
1340	61C-619.15	Bình Dương	2940	62C-221.16	Long An	4540	61C-636.35	Bình Dương
1341	61C-623.63	Bình Dương	2941	62C-224.58	Long An	4541	61K-529.19	Bình Dương
1342	61C-624.58	Bình Dương	2942	62D-015.18	Long An	4542	61K-530.65	Bình Dương
1343	61C-641.16	Bình Dương	2943	62D-015.28	Long An	4543	61K-532.09	Bình Dương
1344	61C-642.09	Bình Dương	2944	63A-327.16	Tiền Giang	4544	61K-537.08	Bình Dương
1345	61D-023.35	Bình Dương	2945	63A-336.95	Tiền Giang	4545	61K-552.58	Bình Dương
1346	61D-026.16	Bình Dương	2946	63A-337.29	Tiền Giang	4546	61K-553.19	Bình Dương
1347	61K-519.83	Bình Dương	2947	63A-340.56	Tiền Giang	4547	61K-569.95	Bình Dương
1348	61K-525.15	Bình Dương	2948	63A-341.08	Tiền Giang	4548	61K-570.09	Bình Dương
1349	61K-525.28	Bình Dương	2949	63B-035.98	Tiền Giang	4549	61K-570.65	Bình Dương
1350	61K-537.25	Bình Dương	2950	63C-230.59	Tiền Giang	4550	61K-582.65	Bình Dương



Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1351	61K-543.96	Bình Dương	2951	63C-231.38	Tiền Giang	4551	61K-582.96	Bình Dương
1352	61K-565.58	Bình Dương	2952	63C-234.83	Tiền Giang	4552	61K-585.56	Bình Dương
1353	61K-570.15	Bình Dương	2953	64A-203.96	Vĩnh Long	4553	62A-472.19	Long An
1354	61K-570.29	Bình Dương	2954	64A-209.65	Vĩnh Long	4554	62A-478.29	Long An
1355	61K-570.98	Bình Dương	2955	64A-213.36	Vĩnh Long	4555	62A-483.59	Long An
1356	61K-574.16	Bình Dương	2956	64A-214.16	Vĩnh Long	4556	62A-490.63	Long An
1357	61K-578.28	Bình Dương	2957	64C-136.09	Vĩnh Long	4557	62B-033.28	Long An
1358	61K-590.98	Bình Dương	2958	64C-139.09	Vĩnh Long	4558	62B-033.56	Long An
1359	61K-599.63	Bình Dương	2959	64D-006.95	Vĩnh Long	4559	62C-220.96	Long An
1360	62A-470.35	Long An	2960	65A-516.35	Cần Thơ	4560	62C-220.98	Long An
1361	62A-473.63	Long An	2961	65A-521.36	Cần Thơ	4561	62D-017.28	Long An
1362	62A-475.25	Long An	2962	65A-521.63	Cần Thơ	4562	62D-017.65	Long An
1363	62A-481.96	Long An	2963	65A-524.15	Cần Thơ	4563	62D-017.85	Long An
1364	62A-485.06	Long An	2964	65A-530.85	Cần Thơ	4564	63A-337.96	Tiền Giang
1365	62A-489.38	Long An	2965	65B-025.85	Cần Thơ	4565	63B-033.65	Tiền Giang
1366	62A-490.06	Long An	2966	65B-027.18	Cần Thơ	4566	63B-036.15	Tiền Giang
1367	62B-034.28	Long An	2967	65C-265.18	Cần Thơ	4567	63C-237.06	Tiền Giang
1368	62C-223.16	Long An	2968	65C-280.06	Cần Thơ	4568	63C-238.96	Tiền Giang
1369	62C-225.19	Long An	2969	65D-014.29	Cần Thơ	4569	63D-015.63	Tiền Giang
1370	62D-018.28	Long An	2970	66A-301.85	Đồng Tháp	4570	64A-211.98	Vĩnh Long
1371	63A-335.38	Tiền Giang	2971	66A-303.29	Đồng Tháp	4571	64B-017.06	Vĩnh Long
1372	63A-339.58	Tiền Giang	2972	66A-303.36	Đồng Tháp	4572	64B-020.25	Vĩnh Long
1373	63A-340.35	Tiền Giang	2973	66A-304.35	Đồng Tháp	4573	64C-137.29	Vĩnh Long
1374	63C-231.15	Tiền Giang	2974	66A-314.59	Đồng Tháp	4574	64C-137.96	Vĩnh Long
1375	63C-233.18	Tiền Giang	2975	66B-025.36	Đồng Tháp	4575	64D-007.16	Vĩnh Long
1376	63C-235.25	Tiền Giang	2976	66C-188.15	Đồng Tháp	4576	65A-519.58	Cần Thơ
1377	63D-013.09	Tiền Giang	2977	67A-336.06	An Giang	4577	65A-519.65	Cần Thơ
1378	63D-014.96	Tiền Giang	2978	67A-339.19	An Giang	4578	65A-524.83	Cần Thơ
1379	64B-020.19	Vĩnh Long	2979	67A-346.06	An Giang	4579	65A-534.98	Cần Thơ
1380	64C-135.25	Vĩnh Long	2980	67C-192.85	An Giang	4580	65A-535.09	Cần Thơ
1381	64C-140.29	Vĩnh Long	2981	67C-194.08	An Giang	4581	65B-027.25	Cần Thơ
1382	64D-009.26	Vĩnh Long	2982	67C-194.35	An Giang	4582	65C-252.58	Cần Thơ
1383	65A-520.96	Cần Thơ	2983	67D-010.26	An Giang	4583	65C-266.06	Cần Thơ
1384	65A-522.18	Cần Thơ	2984	67D-011.85	An Giang	4584	65C-266.16	Cần Thơ
1385	65A-526.28	Cần Thơ	2985	68A-380.06	Kiên Giang	4585	65C-268.08	Cần Thơ
1386	65A-530.25	Cần Thơ	2986	68B-035.28	Kiên Giang	4586	65C-270.36	Cần Thơ
1387	65A-532.06	Cần Thơ	2987	68C-179.19	Kiên Giang	4587	65D-014.16	Cần Thơ
1388	65A-532.15	Cần Thơ	2988	68C-183.36	Kiên Giang	4588	66A-301.96	Đồng Tháp
1389	65A-532.29	Cần Thơ	2989	68C-183.56	Kiên Giang	4589	66A-305.59	Đồng Tháp
1390	65A-534.29	Cần Thơ	2990	68D-009.59	Kiên Giang	4590	66A-309.06	Đồng Tháp
1391	65B-025.58	Cần Thơ	2991	69A-171.15	Cà Mau	4591	66A-315.83	Đồng Tháp

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1392	65B-026.06	Cần Thơ	2992	69A-172.26	Cà Mau	4592	66A-316.36	Đồng Tháp
1393	65C-261.08	Cần Thơ	2993	69A-173.26	Cà Mau	4593	66B-023.58	Đồng Tháp
1394	65C-261.09	Cần Thơ	2994	69A-175.36	Cà Mau	4594	66C-184.65	Đồng Tháp
1395	65C-269.58	Cần Thơ	2995	69C-107.19	Cà Mau	4595	66C-187.95	Đồng Tháp
1396	65C-276.19	Cần Thơ	2996	69C-107.98	Cà Mau	4596	66C-191.63	Đồng Tháp
1397	65C-279.06	Cần Thơ	2997	69D-009.29	Cà Mau	4597	66D-015.63	Đồng Tháp
1398	65D-011.59	Cần Thơ	2998	70A-586.98	Tây Ninh	4598	67A-336.56	An Giang
1399	66A-302.98	Đồng Tháp	2999	70A-587.96	Tây Ninh	4599	67A-338.36	An Giang
1400	66A-308.26	Đồng Tháp	3000	70A-590.36	Tây Ninh	4600	67B-032.19	An Giang
1401	66A-311.16	Đồng Tháp	3001	70A-597.56	Tây Ninh	4601	67C-189.29	An Giang
1402	66A-312.15	Đồng Tháp	3002	70A-600.59	Tây Ninh	4602	67C-189.59	An Giang
1403	66C-185.65	Đồng Tháp	3003	70A-610.58	Tây Ninh	4603	67C-190.58	An Giang
1404	66C-192.25	Đồng Tháp	3004	70C-219.06	Tây Ninh	4604	67D-009.29	An Giang
1405	67A-345.98	An Giang	3005	70D-013.19	Tây Ninh	4605	68A-365.16	Kiên Giang
1406	67B-032.15	An Giang	3006	71A-215.65	Bến Tre	4606	68A-370.36	Kiên Giang
1407	67C-192.58	An Giang	3007	71A-221.85	Bến Tre	4607	68A-372.25	Kiên Giang
1408	67C-193.83	An Giang	3008	71C-136.06	Bến Tre	4608	68A-372.26	Kiên Giang
1409	67C-195.25	An Giang	3009	71D-006.29	Bến Tre	4609	68A-373.95	Kiên Giang
1410	67C-197.38	An Giang	3010	72A-844.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	4610	68A-377.08	Kiên Giang
1411	68A-368.16	Kiên Giang	3011	72A-845.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	4611	68A-377.58	Kiên Giang
1412	68A-373.83	Kiên Giang	3012	72A-852.63	Bà Rịa - Vũng Tàu	4612	68A-382.06	Kiên Giang
1413	68A-375.35	Kiên Giang	3013	72A-872.83	Bà Rịa - Vũng Tàu	4613	68B-036.18	Kiên Giang
1414	68B-035.98	Kiên Giang	3014	72A-880.29	Bà Rịa - Vũng Tàu	4614	68B-036.59	Kiên Giang
1415	68D-007.28	Kiên Giang	3015	72B-047.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	4615	68C-181.09	Kiên Giang
1416	69A-170.35	Cà Mau	3016	72B-048.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	4616	68C-185.19	Kiên Giang
1417	69A-171.59	Cà Mau	3017	72C-268.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	4617	68D-007.63	Kiên Giang
1418	69A-174.28	Cà Mau	3018	72C-268.29	Bà Rịa - Vũng Tàu	4618	68D-009.19	Kiên Giang
1419	69C-105.59	Cà Mau	3019	72C-274.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	4619	68D-010.15	Kiên Giang
1420	69D-008.56	Cà Mau	3020	72C-276.59	Bà Rịa - Vũng Tàu	4620	69D-006.19	Cà Mau
1421	70A-585.16	Tây Ninh	3021	72C-279.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	4621	70A-585.59	Tây Ninh
1422	70A-585.96	Tây Ninh	3022	72D-015.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	4622	70A-585.83	Tây Ninh
1423	70A-590.85	Tây Ninh	3023	73A-369.58	Quảng Bình	4623	70A-591.16	Tây Ninh
1424	70A-591.96	Tây Ninh	3024	73A-380.16	Quảng Bình	4624	70A-595.06	Tây Ninh
1425	70A-601.96	Tây Ninh	3025	73B-019.08	Quảng Bình	4625	70A-603.63	Tây Ninh
1426	70A-605.25	Tây Ninh	3026	73B-020.15	Quảng Bình	4626	70A-608.19	Tây Ninh
1427	70A-607.59	Tây Ninh	3027	73B-020.35	Quảng Bình	4627	70A-608.83	Tây Ninh
1428	70B-034.95	Tây Ninh	3028	74A-277.98	Quảng Trị	4628	70C-214.56	Tây Ninh
1429	70B-035.25	Tây Ninh	3029	74A-279.19	Quảng Trị	4629	70D-012.16	Tây Ninh
1430	70B-037.08	Tây Ninh	3030	74A-280.83	Quảng Trị	4630	71B-023.83	Bến Tre
1431	70B-037.09	Tây Ninh	3031	74A-287.25	Quảng Trị	4631	72A-847.38	Bà Rịa - Vũng Tàu
1432	70C-214.95	Tây Ninh	3032	74A-287.65	Quảng Trị	4632	72A-847.63	Bà Rịa - Vũng Tàu

I. C
 TỶ
 IÁ
 NH
 AM
 T.P.H

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1433	70D-013.59	Tây Ninh	3033	74B-020.85	Quảng Trị	4633	72A-848.58	Bà Rịa - Vũng Tàu
1434	71A-219.83	Bến Tre	3034	75A-391.85	Thừa Thiên Huế	4634	72A-849.09	Bà Rịa - Vũng Tàu
1435	71D-008.59	Bến Tre	3035	75A-394.08	Thừa Thiên Huế	4635	72A-861.63	Bà Rịa - Vũng Tàu
1436	72A-844.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	3036	75A-394.25	Thừa Thiên Huế	4636	72A-866.18	Bà Rịa - Vũng Tàu
1437	72A-847.15	Bà Rịa - Vũng Tàu	3037	75A-395.85	Thừa Thiên Huế	4637	72A-869.08	Bà Rịa - Vũng Tàu
1438	72A-848.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	3038	75A-396.38	Thừa Thiên Huế	4638	72A-879.09	Bà Rịa - Vũng Tàu
1439	72A-861.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	3039	75A-398.25	Thừa Thiên Huế	4639	72A-879.83	Bà Rịa - Vũng Tàu
1440	72A-869.56	Bà Rịa - Vũng Tàu	3040	75D-013.28	Thừa Thiên Huế	4640	72A-880.98	Bà Rịa - Vũng Tàu
1441	72A-877.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	3041	76A-326.65	Quảng Ngãi	4641	72C-270.08	Bà Rịa - Vũng Tàu
1442	72A-880.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	3042	76A-336.58	Quảng Ngãi	4642	72C-272.19	Bà Rịa - Vũng Tàu
1443	72A-880.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	3043	76D-013.96	Quảng Ngãi	4643	72C-276.06	Bà Rịa - Vũng Tàu
1444	72A-883.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	3044	76D-014.09	Quảng Ngãi	4644	72C-278.59	Bà Rịa - Vũng Tàu
1445	72B-045.83	Bà Rịa - Vũng Tàu	3045	76D-015.56	Quảng Ngãi	4645	72C-279.59	Bà Rịa - Vũng Tàu
1446	72B-048.29	Bà Rịa - Vũng Tàu	3046	76D-016.08	Quảng Ngãi	4646	73A-374.59	Quảng Bình
1447	72C-267.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	3047	77A-364.18	Bình Định	4647	73A-377.36	Quảng Bình
1448	72C-268.59	Bà Rịa - Vũng Tàu	3048	77A-371.56	Bình Định	4648	73C-194.65	Quảng Bình
1449	73A-372.63	Quảng Bình	3049	77C-261.38	Bình Định	4649	73D-012.26	Quảng Bình
1450	73A-376.96	Quảng Bình	3050	77C-266.65	Bình Định	4650	74A-282.96	Quảng Trị
1451	73A-383.16	Quảng Bình	3051	77D-006.96	Bình Định	4651	74A-282.98	Quảng Trị
1452	73A-383.58	Quảng Bình	3052	77D-008.06	Bình Định	4652	74C-146.09	Quảng Trị
1453	73B-017.96	Quảng Bình	3053	78A-217.29	Phú Yên	4653	74C-149.18	Quảng Trị
1454	73B-018.29	Quảng Bình	3054	78B-022.36	Phú Yên	4654	75A-393.38	Thừa Thiên Huế
1455	73B-019.35	Quảng Bình	3055	78C-126.25	Phú Yên	4655	75B-029.36	Thừa Thiên Huế
1456	73C-196.59	Quảng Bình	3056	79A-573.96	Khánh Hòa	4656	75B-032.63	Thừa Thiên Huế
1457	73D-010.18	Quảng Bình	3057	79A-584.25	Khánh Hòa	4657	75C-160.56	Thừa Thiên Huế
1458	74A-279.26	Quảng Trị	3058	79A-584.29	Khánh Hòa	4658	75C-164.18	Thừa Thiên Huế
1459	74A-281.56	Quảng Trị	3059	79A-587.29	Khánh Hòa	4659	75D-010.65	Thừa Thiên Huế
1460	74A-281.98	Quảng Trị	3060	79A-594.98	Khánh Hòa	4660	75D-011.16	Thừa Thiên Huế
1461	74A-287.63	Quảng Trị	3061	79B-046.15	Khánh Hòa	4661	76A-324.98	Quảng Ngãi
1462	74B-017.09	Quảng Trị	3062	79C-230.95	Khánh Hòa	4662	76A-325.65	Quảng Ngãi
1463	74D-012.25	Quảng Trị	3063	81A-455.18	Gia Lai	4663	76A-334.95	Quảng Ngãi
1464	75A-396.98	Thừa Thiên Huế	3064	81A-459.58	Gia Lai	4664	76D-013.38	Quảng Ngãi
1465	75C-161.29	Thừa Thiên Huế	3065	81A-460.95	Gia Lai	4665	76D-013.58	Quảng Ngãi
1466	76A-324.18	Quảng Ngãi	3066	81A-462.08	Gia Lai	4666	77A-367.56	Bình Định
1467	76A-329.58	Quảng Ngãi	3067	81A-467.19	Gia Lai	4667	77A-371.85	Bình Định
1468	76A-337.09	Quảng Ngãi	3068	81A-468.95	Gia Lai	4668	77B-038.28	Bình Định
1469	76B-030.65	Quảng Ngãi	3069	81A-477.18	Gia Lai	4669	77B-038.65	Bình Định
1470	76C-178.38	Quảng Ngãi	3070	81A-477.56	Gia Lai	4670	77B-039.06	Bình Định
1471	76C-181.35	Quảng Ngãi	3071	81B-028.25	Gia Lai	4671	77C-262.85	Bình Định
1472	76D-012.16	Quảng Ngãi	3072	81B-031.98	Gia Lai	4672	77C-264.36	Bình Định
1473	77A-357.16	Bình Định	3073	81C-289.26	Gia Lai	4673	78A-224.63	Phú Yên

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1474	77A-360.18	Bình Định	3074	81C-297.56	Gia Lai	4674	78A-226.28	Phú Yên
1475	77A-367.29	Bình Định	3075	81C-298.26	Gia Lai	4675	78C-127.85	Phú Yên
1476	77B-039.58	Bình Định	3076	81D-016.09	Gia Lai	4676	78C-128.58	Phú Yên
1477	77D-007.25	Bình Định	3077	82A-160.35	Kon Tum	4677	78D-009.29	Phú Yên
1478	78A-219.28	Phú Yên	3078	82B-022.09	Kon Tum	4678	78D-009.58	Phú Yên
1479	78A-221.26	Phú Yên	3079	82C-098.19	Kon Tum	4679	79A-570.63	Khánh Hòa
1480	78C-127.09	Phú Yên	3080	83A-194.59	Sóc Trăng	4680	79A-572.59	Khánh Hòa
1481	78C-129.28	Phú Yên	3081	83A-199.35	Sóc Trăng	4681	79A-580.19	Khánh Hòa
1482	78D-007.36	Phú Yên	3082	83B-025.15	Sóc Trăng	4682	79A-580.29	Khánh Hòa
1483	79A-572.16	Khánh Hòa	3083	83C-135.09	Sóc Trăng	4683	79A-583.28	Khánh Hòa
1484	79A-572.63	Khánh Hòa	3084	83D-009.38	Sóc Trăng	4684	79A-586.56	Khánh Hòa
1485	79A-573.38	Khánh Hòa	3085	83D-011.28	Sóc Trăng	4685	79A-589.16	Khánh Hòa
1486	79A-574.96	Khánh Hòa	3086	84B-022.59	Trà Vinh	4686	81A-457.28	Gia Lai
1487	79A-583.36	Khánh Hòa	3087	84C-126.59	Trà Vinh	4687	81A-459.06	Gia Lai
1488	79A-585.06	Khánh Hòa	3088	85A-148.95	Ninh Thuận	4688	81A-460.15	Gia Lai
1489	79A-587.09	Khánh Hòa	3089	85B-016.56	Ninh Thuận	4689	81A-461.38	Gia Lai
1490	79A-587.83	Khánh Hòa	3090	85C-085.35	Ninh Thuận	4690	81A-464.08	Gia Lai
1491	79C-233.09	Khánh Hòa	3091	85C-087.36	Ninh Thuận	4691	81A-466.83	Gia Lai
1492	81A-454.38	Gia Lai	3092	85D-007.35	Ninh Thuận	4692	81A-475.35	Gia Lai
1493	81A-460.08	Gia Lai	3093	85D-008.96	Ninh Thuận	4693	81B-028.15	Gia Lai
1494	81A-462.38	Gia Lai	3094	86A-326.36	Bình Thuận	4694	81B-030.65	Gia Lai
1495	81A-467.18	Gia Lai	3095	86A-326.98	Bình Thuận	4695	81C-284.26	Gia Lai
1496	81A-470.65	Gia Lai	3096	86A-331.56	Bình Thuận	4696	81C-292.16	Gia Lai
1497	81B-031.15	Gia Lai	3097	86B-025.65	Bình Thuận	4697	82A-162.06	Kon Tum
1498	81D-014.38	Gia Lai	3098	86B-026.96	Bình Thuận	4698	82B-022.96	Kon Tum
1499	81D-017.38	Gia Lai	3099	86C-210.63	Bình Thuận	4699	82C-096.28	Kon Tum
1500	82A-160.38	Kon Tum	3100	86C-213.38	Bình Thuận	4700	83A-193.35	Sóc Trăng
1501	82B-021.58	Kon Tum	3101	88A-788.06	Vĩnh Phúc	4701	83A-194.58	Sóc Trăng
1502	83A-194.25	Sóc Trăng	3102	88A-793.65	Vĩnh Phúc	4702	83A-199.38	Sóc Trăng
1503	83A-196.08	Sóc Trăng	3103	88A-796.08	Vĩnh Phúc	4703	83B-023.58	Sóc Trăng
1504	83B-025.38	Sóc Trăng	3104	88A-798.95	Vĩnh Phúc	4704	83C-132.16	Sóc Trăng
1505	83C-136.19	Sóc Trăng	3105	88A-800.09	Vĩnh Phúc	4705	83C-138.36	Sóc Trăng
1506	84A-151.08	Trà Vinh	3106	88A-807.58	Vĩnh Phúc	4706	83C-139.29	Sóc Trăng
1507	84B-022.28	Trà Vinh	3107	88A-808.65	Vĩnh Phúc	4707	84A-150.35	Trà Vinh
1508	84C-125.58	Trà Vinh	3108	88A-813.95	Vĩnh Phúc	4708	84C-127.96	Trà Vinh
1509	85A-148.29	Ninh Thuận	3109	88A-828.26	Vĩnh Phúc	4709	84D-006.18	Trà Vinh
1510	85A-148.38	Ninh Thuận	3110	88B-021.58	Vĩnh Phúc	4710	85C-088.16	Ninh Thuận
1511	85A-152.36	Ninh Thuận	3111	88C-312.65	Vĩnh Phúc	4711	85D-008.59	Ninh Thuận
1512	85B-017.59	Ninh Thuận	3112	88C-318.28	Vĩnh Phúc	4712	86A-320.83	Bình Thuận
1513	85C-090.59	Ninh Thuận	3113	88C-319.26	Vĩnh Phúc	4713	86A-321.38	Bình Thuận
1514	85D-007.06	Ninh Thuận	3114	88C-321.16	Vĩnh Phúc	4714	86C-209.06	Bình Thuận

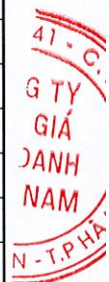
Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1515	85D-008.98	Ninh Thuận	3115	88C-322.08	Vĩnh Phúc	4715	86C-215.18	Bình Thuận
1516	86A-321.59	Bình Thuận	3116	89A-536.16	Hưng Yên	4716	86D-006.36	Bình Thuận
1517	86A-330.38	Bình Thuận	3117	89A-538.59	Hưng Yên	4717	86D-007.58	Bình Thuận
1518	86C-209.59	Bình Thuận	3118	89A-542.26	Hưng Yên	4718	86D-008.63	Bình Thuận
1519	86C-214.19	Bình Thuận	3119	89A-546.56	Hưng Yên	4719	86D-009.65	Bình Thuận
1520	86C-217.15	Bình Thuận	3120	89A-547.56	Hưng Yên	4720	88A-799.08	Vĩnh Phúc
1521	86D-006.98	Bình Thuận	3121	89A-551.65	Hưng Yên	4721	88A-802.56	Vĩnh Phúc
1522	88A-794.63	Vĩnh Phúc	3122	89A-558.16	Hưng Yên	4722	88A-804.29	Vĩnh Phúc
1523	88A-796.63	Vĩnh Phúc	3123	89A-561.28	Hưng Yên	4723	88A-804.36	Vĩnh Phúc
1524	88A-799.15	Vĩnh Phúc	3124	89A-566.59	Hưng Yên	4724	88A-805.29	Vĩnh Phúc
1525	88A-802.18	Vĩnh Phúc	3125	89B-025.63	Hưng Yên	4725	88A-810.15	Vĩnh Phúc
1526	88A-807.28	Vĩnh Phúc	3126	89C-351.06	Hưng Yên	4726	88A-812.09	Vĩnh Phúc
1527	88A-811.83	Vĩnh Phúc	3127	89C-352.28	Hưng Yên	4727	88A-813.08	Vĩnh Phúc
1528	88B-024.26	Vĩnh Phúc	3128	89C-356.38	Hưng Yên	4728	88A-819.65	Vĩnh Phúc
1529	88C-311.63	Vĩnh Phúc	3129	89D-025.06	Hưng Yên	4729	88A-822.06	Vĩnh Phúc
1530	88C-317.65	Vĩnh Phúc	3130	90A-297.95	Hà Nam	4730	88A-823.09	Vĩnh Phúc
1531	88C-321.83	Vĩnh Phúc	3131	90A-299.35	Hà Nam	4731	88A-823.38	Vĩnh Phúc
1532	88C-325.19	Vĩnh Phúc	3132	90A-299.83	Hà Nam	4732	88A-828.85	Vĩnh Phúc
1533	89A-539.25	Hưng Yên	3133	90A-301.15	Hà Nam	4733	88A-830.26	Vĩnh Phúc
1534	89A-543.15	Hưng Yên	3134	90A-301.95	Hà Nam	4734	88B-023.16	Vĩnh Phúc
1535	89A-551.59	Hưng Yên	3135	90B-012.58	Hà Nam	4735	88C-318.35	Vĩnh Phúc
1536	89A-552.09	Hưng Yên	3136	90D-013.28	Hà Nam	4736	89A-550.35	Hưng Yên
1537	89A-565.85	Hưng Yên	3137	92A-435.15	Quảng Nam	4737	89A-554.65	Hưng Yên
1538	89B-026.35	Hưng Yên	3138	92A-436.96	Quảng Nam	4738	89A-556.19	Hưng Yên
1539	89D-026.58	Hưng Yên	3139	92D-014.58	Quảng Nam	4739	89A-565.18	Hưng Yên
1540	89D-026.83	Hưng Yên	3140	92D-014.96	Quảng Nam	4740	89C-345.36	Hưng Yên
1541	90A-290.08	Hà Nam	3141	93A-507.83	Bình Phước	4741	89C-346.56	Hưng Yên
1542	90B-013.38	Hà Nam	3142	93A-523.26	Bình Phước	4742	89C-360.59	Hưng Yên
1543	90C-154.65	Hà Nam	3143	93A-523.58	Bình Phước	4743	89D-023.35	Hưng Yên
1544	90C-155.29	Hà Nam	3144	93A-523.63	Bình Phước	4744	89D-024.98	Hưng Yên
1545	90C-155.65	Hà Nam	3145	93B-023.83	Bình Phước	4745	90A-289.08	Hà Nam
1546	90C-158.26	Hà Nam	3146	93B-023.95	Bình Phước	4746	90A-293.85	Hà Nam
1547	90C-159.16	Hà Nam	3147	93C-204.09	Bình Phước	4747	90A-298.25	Hà Nam
1548	90D-012.28	Hà Nam	3148	93C-205.16	Bình Phước	4748	90A-301.35	Hà Nam
1549	92A-434.08	Quảng Nam	3149	93C-207.28	Bình Phước	4749	90C-155.85	Hà Nam
1550	92A-442.08	Quảng Nam	3150	93C-207.35	Bình Phước	4750	90D-012.36	Hà Nam
1551	92A-448.63	Quảng Nam	3151	94B-017.16	Bạc Liêu	4751	92A-434.83	Quảng Nam
1552	92C-265.35	Quảng Nam	3152	94D-005.96	Bạc Liêu	4752	92A-449.83	Quảng Nam
1553	92D-012.18	Quảng Nam	3153	94D-007.56	Bạc Liêu	4753	92C-258.95	Quảng Nam
1554	93A-513.06	Bình Phước	3154	95A-136.29	Hậu Giang	4754	92C-260.36	Quảng Nam
1555	93A-514.35	Bình Phước	3155	95C-093.85	Hậu Giang	4755	92C-262.08	Quảng Nam

Đ
 CỘ
 Đ
 HỘ
 IỆ
 X

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1556	93A-517.38	Bình Phước	3156	97A-095.38	Bắc Kạn	4756	92C-265.63	Quảng Nam
1557	93C-200.58	Bình Phước	3157	97B-016.28	Bắc Kạn	4757	92D-013.38	Quảng Nam
1558	93C-202.98	Bình Phước	3158	97B-017.83	Bắc Kạn	4758	93A-510.06	Bình Phước
1559	93C-205.29	Bình Phước	3159	97D-010.98	Bắc Kạn	4759	93A-510.35	Bình Phước
1560	93C-206.15	Bình Phước	3160	98A-862.85	Bắc Giang	4760	93C-201.65	Bình Phước
1561	93C-206.96	Bình Phước	3161	98A-863.58	Bắc Giang	4761	93C-203.29	Bình Phước
1562	93C-207.29	Bình Phước	3162	98A-865.38	Bắc Giang	4762	93C-208.16	Bình Phước
1563	93C-208.65	Bình Phước	3163	98A-871.08	Bắc Giang	4763	94A-109.59	Bạc Liêu
1564	93D-010.16	Bình Phước	3164	98A-871.36	Bắc Giang	4764	94A-110.38	Bạc Liêu
1565	94B-017.26	Bạc Liêu	3165	98A-872.85	Bắc Giang	4765	94B-016.65	Bạc Liêu
1566	94D-005.16	Bạc Liêu	3166	98A-874.26	Bắc Giang	4766	94C-085.18	Bạc Liêu
1567	94D-008.38	Bạc Liêu	3167	98A-876.15	Bắc Giang	4767	94C-085.95	Bạc Liêu
1568	95B-017.65	Hậu Giang	3168	98A-877.16	Bắc Giang	4768	95A-139.63	Hậu Giang
1569	95C-089.65	Hậu Giang	3169	98A-878.58	Bắc Giang	4769	95A-141.06	Hậu Giang
1570	95D-025.16	Hậu Giang	3170	98A-882.59	Bắc Giang	4770	95D-024.59	Hậu Giang
1571	95D-025.58	Hậu Giang	3171	98A-903.36	Bắc Giang	4771	97A-098.28	Bắc Kạn
1572	97A-096.59	Bắc Kạn	3172	98B-047.28	Bắc Giang	4772	97B-017.29	Bắc Kạn
1573	97A-097.08	Bắc Kạn	3173	98C-377.35	Bắc Giang	4773	97B-017.65	Bắc Kạn
1574	97A-098.18	Bắc Kạn	3174	98C-386.58	Bắc Giang	4774	97C-051.18	Bắc Kạn
1575	97B-017.56	Bắc Kạn	3175	98C-386.98	Bắc Giang	4775	97C-051.25	Bắc Kạn
1576	97C-053.06	Bắc Kạn	3176	98C-388.29	Bắc Giang	4776	98A-863.65	Bắc Giang
1577	97C-053.19	Bắc Kạn	3177	98C-392.18	Bắc Giang	4777	98A-881.85	Bắc Giang
1578	98A-860.35	Bắc Giang	3178	98C-395.85	Bắc Giang	4778	98A-884.98	Bắc Giang
1579	98A-866.98	Bắc Giang	3179	99A-855.65	Bắc Ninh	4779	98A-901.65	Bắc Giang
1580	98A-896.09	Bắc Giang	3180	99A-857.16	Bắc Ninh	4780	98B-047.06	Bắc Giang
1581	98A-898.56	Bắc Giang	3181	99A-858.29	Bắc Ninh	4781	98B-048.06	Bắc Giang
1582	98A-902.58	Bắc Giang	3182	99A-862.36	Bắc Ninh	4782	98C-389.09	Bắc Giang
1583	98A-904.38	Bắc Giang	3183	99A-869.09	Bắc Ninh	4783	98C-392.15	Bắc Giang
1584	98A-904.63	Bắc Giang	3184	99A-869.83	Bắc Ninh	4784	98C-397.58	Bắc Giang
1585	98A-905.26	Bắc Giang	3185	99A-871.09	Bắc Ninh	4785	98C-398.09	Bắc Giang
1586	98C-378.83	Bắc Giang	3186	99A-874.59	Bắc Ninh	4786	98D-022.06	Bắc Giang
1587	98D-020.56	Bắc Giang	3187	99A-876.96	Bắc Ninh	4787	99A-851.59	Bắc Ninh
1588	98D-023.29	Bắc Giang	3188	99A-878.35	Bắc Ninh	4788	99A-854.28	Bắc Ninh
1589	99A-859.09	Bắc Ninh	3189	99A-884.58	Bắc Ninh	4789	99A-859.08	Bắc Ninh
1590	99A-862.25	Bắc Ninh	3190	99A-885.59	Bắc Ninh	4790	99A-874.08	Bắc Ninh
1591	99A-862.56	Bắc Ninh	3191	99A-889.25	Bắc Ninh	4791	99A-876.18	Bắc Ninh
1592	99A-869.59	Bắc Ninh	3192	99A-892.96	Bắc Ninh	4792	99A-876.25	Bắc Ninh
1593	99A-876.98	Bắc Ninh	3193	99A-894.08	Bắc Ninh	4793	99A-877.29	Bắc Ninh
1594	99A-883.59	Bắc Ninh	3194	99B-033.18	Bắc Ninh	4794	99A-880.18	Bắc Ninh
1595	99A-887.38	Bắc Ninh	3195	99B-033.25	Bắc Ninh	4795	99A-880.19	Bắc Ninh
1596	99A-896.58	Bắc Ninh	3196	99C-341.16	Bắc Ninh	4796	99A-887.96	Bắc Ninh



Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1597	99B-033.16	Bắc Ninh	3197	99C-344.08	Bắc Ninh	4797	99C-332.59	Bắc Ninh
1598	99C-334.06	Bắc Ninh	3198	99C-344.19	Bắc Ninh	4798	99C-334.16	Bắc Ninh
1599	99C-342.96	Bắc Ninh	3199	99C-347.19	Bắc Ninh	4799	99C-342.36	Bắc Ninh
1600	99D-024.35	Bắc Ninh	3200	99D-025.83	Bắc Ninh	4800	99D-026.38	Bắc Ninh

H.Đ
★
/02

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4801	18A-499.88	Nam Định	6401	15K-439.99	Hải Phòng			
4802	20C-311.11	Thái Nguyên	6402	17A-511.11	Thái Bình			
4803	22D-011.11	Tuyên Quang	6403	19A-736.66	Phú Thọ			
4804	30M-288.99	Hà Nội	6404	30M-346.66	Hà Nội			
4805	30M-399.39	Hà Nội	6405	30M-418.88	Hà Nội			
4806	37K-508.88	Nghệ An	6406	37K-559.55	Nghệ An			
4807	38A-698.99	Hà Tĩnh	6407	37K-566.88	Nghệ An			
4808	43A-969.98	Đà Nẵng	6408	37K-569.69	Nghệ An			
4809	47A-826.66	Đắk Lắk	6409	43B-066.66	Đà Nẵng			
4810	51M-246.88	Hồ Chí Minh	6410	49A-768.66	Lâm Đồng			
4811	51N-065.55	Hồ Chí Minh	6411	51L-999.66	Hồ Chí Minh			
4812	60K-624.68	Đồng Nai	6412	60K-696.66	Đồng Nai			
4813	60K-666.36	Đồng Nai	6413	67B-033.33	An Giang			
4814	61K-488.66	Bình Dương	6414	83D-011.11	Sóc Trăng			
4815	61K-545.55	Bình Dương	6415	88A-811.11	Vĩnh Phúc			
4816	70A-598.88	Tây Ninh	6416	89A-567.88	Hung Yên			
4817	74A-277.77	Quảng Trị	6417	93A-515.55	Bình Phước			
4818	99A-895.55	Bắc Ninh	6418	99A-889.95	Bắc Ninh			
4819	15K-412.79	Hải Phòng	6419	12A-222.36	Lạng Sơn			
4820	24A-299.39	Lào Cai	6420	12A-235.55	Lạng Sơn			
4821	29K-388.86	Hà Nội	6421	14A-999.18	Quảng Ninh			
4822	29K-469.66	Hà Nội	6422	19A-691.99	Phú Thọ			
4823	30L-846.48	Hà Nội	6423	23A-136.63	Hà Giang			
4824	30M-083.83	Hà Nội	6424	29K-335.79	Hà Nội			
4825	30M-111.18	Hà Nội	6425	29K-435.79	Hà Nội			
4826	30M-113.13	Hà Nội	6426	30M-166.61	Hà Nội			
4827	30M-123.86	Hà Nội	6427	30M-166.69	Hà Nội			
4828	36A-960.66	Thanh Hóa	6428	30M-368.38	Hà Nội			
4829	36C-549.99	Thanh Hóa	6429	34A-879.86	Hải Dương			
4830	36K-288.83	Thanh Hóa	6430	34A-968.79	Hải Dương			
4831	37K-556.79	Nghệ An	6431	35A-405.68	Ninh Bình			
4832	37K-565.66	Nghệ An	6432	37C-567.88	Nghệ An			
4833	37K-567.85	Nghệ An	6433	47A-777.17	Đắk Lắk			
4834	51L-979.68	Hồ Chí Minh	6434	49A-757.78	Lâm Đồng			
4835	51M-309.99	Hồ Chí Minh	6435	51L-388.98	Hồ Chí Minh			
4836	51N-136.36	Hồ Chí Minh	6436	51L-989.83	Hồ Chí Minh			
4837	60K-666.89	Đồng Nai	6437	51M-169.66	Hồ Chí Minh			
4838	60K-669.95	Đồng Nai	6438	61C-639.99	Bình Dương			
4839	60K-696.98	Đồng Nai	6439	61K-566.69	Bình Dương			
4840	81C-289.88	Gia Lai	6440	62A-488.86	Long An			
4841	82A-155.79	Kon Tum	6441	75A-388.83	Thừa Thiên Huế			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4842	83A-181.79	Sóc Trăng	6442	82A-123.88	Kon Tum			
4843	93A-507.89	Bình Phước	6443	88C-319.99	Vĩnh Phúc			
4844	97A-090.99	Bắc Kạn	6444	90A-299.39	Hà Nam			
4845	98A-888.00	Bắc Giang	6445	98A-868.39	Bắc Giang			
4846	99A-879.97	Bắc Ninh	6446	98A-868.69	Bắc Giang			
4847	99C-333.31	Bắc Ninh	6447	99A-866.85	Bắc Ninh			
4848	30M-038.79	Hà Nội	6448	99C-339.99	Bắc Ninh			
4849	30M-042.88	Hà Nội	6449	99D-024.68	Bắc Ninh			
4850	30M-044.86	Hà Nội	6450	30M-042.55	Hà Nội			
4851	30M-045.22	Hà Nội	6451	30M-050.00	Hà Nội			
4852	30M-047.55	Hà Nội	6452	30M-055.33	Hà Nội			
4853	30M-050.68	Hà Nội	6453	30M-059.79	Hà Nội			
4854	30M-058.50	Hà Nội	6454	30M-077.07	Hà Nội			
4855	30M-058.85	Hà Nội	6455	30M-078.78	Hà Nội			
4856	30M-069.60	Hà Nội	6456	30M-081.08	Hà Nội			
4857	30M-081.79	Hà Nội	6457	30M-081.69	Hà Nội			
4858	30M-082.89	Hà Nội	6458	30M-084.08	Hà Nội			
4859	30M-084.48	Hà Nội	6459	30M-088.11	Hà Nội			
4860	30M-092.79	Hà Nội	6460	30M-092.99	Hà Nội			
4861	30M-092.93	Hà Nội	6461	30M-093.90	Hà Nội			
4862	30M-107.79	Hà Nội	6462	30M-098.22	Hà Nội			
4863	30M-122.79	Hà Nội	6463	30M-100.44	Hà Nội			
4864	30M-123.44	Hà Nội	6464	30M-108.09	Hà Nội			
4865	30M-125.33	Hà Nội	6465	30M-109.68	Hà Nội			
4866	30M-135.22	Hà Nội	6466	30M-111.66	Hà Nội			
4867	30M-143.39	Hà Nội	6467	30M-114.22	Hà Nội			
4868	30M-155.79	Hà Nội	6468	30M-114.89	Hà Nội			
4869	30M-160.11	Hà Nội	6469	30M-115.99	Hà Nội			
4870	30M-165.66	Hà Nội	6470	30M-124.21	Hà Nội			
4871	30M-166.33	Hà Nội	6471	30M-131.66	Hà Nội			
4872	30M-167.88	Hà Nội	6472	30M-132.88	Hà Nội			
4873	30M-169.16	Hà Nội	6473	30M-138.89	Hà Nội			
4874	30M-169.68	Hà Nội	6474	30M-147.68	Hà Nội			
4875	30M-169.86	Hà Nội	6475	30M-150.69	Hà Nội			
4876	30M-170.89	Hà Nội	6476	30M-153.77	Hà Nội			
4877	30M-173.74	Hà Nội	6477	30M-155.69	Hà Nội			
4878	30M-178.44	Hà Nội	6478	30M-162.77	Hà Nội			
4879	30M-187.55	Hà Nội	6479	30M-176.55	Hà Nội			
4880	30M-189.55	Hà Nội	6480	30M-182.79	Hà Nội			
4881	30M-199.11	Hà Nội	6481	30M-189.18	Hà Nội			
4882	30M-199.68	Hà Nội	6482	30M-194.11	Hà Nội			

14
 0NG
 AU C
 P D
 ET M
 XUÂN

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4883	30M-199.77	Hà Nội	6483	30M-195.44	Hà Nội			
4884	30M-209.02	Hà Nội	6484	30M-195.89	Hà Nội			
4885	30M-218.55	Hà Nội	6485	30M-207.66	Hà Nội			
4886	30M-220.88	Hà Nội	6486	30M-216.55	Hà Nội			
4887	30M-235.23	Hà Nội	6487	30M-217.18	Hà Nội			
4888	30M-240.11	Hà Nội	6488	30M-217.66	Hà Nội			
4889	30M-242.33	Hà Nội	6489	30M-218.00	Hà Nội			
4890	30M-259.89	Hà Nội	6490	30M-218.21	Hà Nội			
4891	30M-260.22	Hà Nội	6491	30M-218.33	Hà Nội			
4892	30M-275.99	Hà Nội	6492	30M-222.07	Hà Nội			
4893	30M-308.00	Hà Nội	6493	30M-241.89	Hà Nội			
4894	30M-309.86	Hà Nội	6494	30M-246.39	Hà Nội			
4895	30M-312.31	Hà Nội	6495	30M-252.86	Hà Nội			
4896	30M-318.77	Hà Nội	6496	30M-253.54	Hà Nội			
4897	30M-320.69	Hà Nội	6497	30M-254.22	Hà Nội			
4898	30M-329.77	Hà Nội	6498	30M-257.25	Hà Nội			
4899	30M-335.44	Hà Nội	6499	30M-264.86	Hà Nội			
4900	30M-339.00	Hà Nội	6500	30M-273.77	Hà Nội			
4901	30M-341.42	Hà Nội	6501	30M-281.00	Hà Nội			
4902	30M-343.86	Hà Nội	6502	30M-285.28	Hà Nội			
4903	30M-352.55	Hà Nội	6503	30M-287.00	Hà Nội			
4904	30M-355.44	Hà Nội	6504	30M-291.29	Hà Nội			
4905	30M-359.68	Hà Nội	6505	30M-292.88	Hà Nội			
4906	30M-369.79	Hà Nội	6506	30M-297.44	Hà Nội			
4907	30M-371.33	Hà Nội	6507	30M-302.20	Hà Nội			
4908	30M-371.99	Hà Nội	6508	30M-307.69	Hà Nội			
4909	30M-373.22	Hà Nội	6509	30M-315.22	Hà Nội			
4910	30M-381.39	Hà Nội	6510	30M-316.22	Hà Nội			
4911	30M-381.69	Hà Nội	6511	30M-323.44	Hà Nội			
4912	30M-388.38	Hà Nội	6512	30M-323.69	Hà Nội			
4913	30M-390.22	Hà Nội	6513	30M-325.44	Hà Nội			
4914	30M-390.68	Hà Nội	6514	30M-334.22	Hà Nội			
4915	30M-396.88	Hà Nội	6515	30M-344.43	Hà Nội			
4916	30M-401.99	Hà Nội	6516	30M-348.11	Hà Nội			
4917	30M-407.86	Hà Nội	6517	30M-352.33	Hà Nội			
4918	51L-913.31	Hồ Chí Minh	6518	30M-361.11	Hà Nội			
4919	51L-916.79	Hồ Chí Minh	6519	30M-362.11	Hà Nội			
4920	51L-922.23	Hồ Chí Minh	6520	30M-364.39	Hà Nội			
4921	51L-923.00	Hồ Chí Minh	6521	30M-376.11	Hà Nội			
4922	51L-929.92	Hồ Chí Minh	6522	30M-384.88	Hà Nội			
4923	51L-934.68	Hồ Chí Minh	6523	30M-389.86	Hà Nội			

Y
Á
NH
AM
-T.P.H.

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4924	51L-935.00	Hồ Chí Minh	6524	30M-393.66	Hà Nội			
4925	51L-936.22	Hồ Chí Minh	6525	30M-399.77	Hà Nội			
4926	51L-938.66	Hồ Chí Minh	6526	30M-401.44	Hà Nội			
4927	51L-941.68	Hồ Chí Minh	6527	30M-401.89	Hà Nội			
4928	51L-943.43	Hồ Chí Minh	6528	30M-402.40	Hà Nội			
4929	51L-947.69	Hồ Chí Minh	6529	30M-411.00	Hà Nội			
4930	51L-947.99	Hồ Chí Minh	6530	30M-411.68	Hà Nội			
4931	51L-950.11	Hồ Chí Minh	6531	30M-419.33	Hà Nội			
4932	51L-950.68	Hồ Chí Minh	6532	30M-420.42	Hà Nội			
4933	51L-950.95	Hồ Chí Minh	6533	51L-901.86	Hồ Chí Minh			
4934	51L-958.66	Hồ Chí Minh	6534	51L-902.79	Hồ Chí Minh			
4935	51L-966.44	Hồ Chí Minh	6535	51L-912.77	Hồ Chí Minh			
4936	51L-975.89	Hồ Chí Minh	6536	51L-913.44	Hồ Chí Minh			
4937	51L-977.44	Hồ Chí Minh	6537	51L-914.89	Hồ Chí Minh			
4938	51L-982.88	Hồ Chí Minh	6538	51L-919.55	Hồ Chí Minh			
4939	51L-988.44	Hồ Chí Minh	6539	51L-920.99	Hồ Chí Minh			
4940	51L-991.19	Hồ Chí Minh	6540	51L-928.22	Hồ Chí Minh			
4941	51L-993.66	Hồ Chí Minh	6541	51L-933.22	Hồ Chí Minh			
4942	51M-056.50	Hồ Chí Minh	6542	51L-947.00	Hồ Chí Minh			
4943	51M-063.79	Hồ Chí Minh	6543	51L-947.44	Hồ Chí Minh			
4944	51M-065.33	Hồ Chí Minh	6544	51L-957.22	Hồ Chí Minh			
4945	51M-067.55	Hồ Chí Minh	6545	51L-964.89	Hồ Chí Minh			
4946	51M-080.33	Hồ Chí Minh	6546	51L-974.86	Hồ Chí Minh			
4947	51M-082.39	Hồ Chí Minh	6547	51L-976.99	Hồ Chí Minh			
4948	51M-085.08	Hồ Chí Minh	6548	51L-977.11	Hồ Chí Minh			
4949	51M-100.11	Hồ Chí Minh	6549	51L-982.55	Hồ Chí Minh			
4950	51M-107.44	Hồ Chí Minh	6550	51L-983.39	Hồ Chí Minh			
4951	51M-108.77	Hồ Chí Minh	6551	51M-052.53	Hồ Chí Minh			
4952	51M-110.55	Hồ Chí Minh	6552	51M-065.88	Hồ Chí Minh			
4953	51M-123.33	Hồ Chí Minh	6553	51M-070.22	Hồ Chí Minh			
4954	51M-124.33	Hồ Chí Minh	6554	51M-071.55	Hồ Chí Minh			
4955	51M-143.86	Hồ Chí Minh	6555	51M-073.55	Hồ Chí Minh			
4956	51M-149.41	Hồ Chí Minh	6556	51M-082.00	Hồ Chí Minh			
4957	51M-150.05	Hồ Chí Minh	6557	51M-084.84	Hồ Chí Minh			
4958	51M-160.99	Hồ Chí Minh	6558	51M-095.00	Hồ Chí Minh			
4959	51M-165.11	Hồ Chí Minh	6559	51M-098.55	Hồ Chí Minh			
4960	51M-168.22	Hồ Chí Minh	6560	51M-104.10	Hồ Chí Minh			
4961	51M-178.44	Hồ Chí Minh	6561	51M-118.66	Hồ Chí Minh			
4962	51M-179.68	Hồ Chí Minh	6562	51M-119.44	Hồ Chí Minh			
4963	51M-192.39	Hồ Chí Minh	6563	51M-123.32	Hồ Chí Minh			
4964	51M-193.93	Hồ Chí Minh	6564	51M-125.11	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4965	51M-194.00	Hồ Chí Minh	6565	51M-126.27	Hồ Chí Minh			
4966	51M-203.79	Hồ Chí Minh	6566	51M-127.86	Hồ Chí Minh			
4967	51M-205.02	Hồ Chí Minh	6567	51M-134.22	Hồ Chí Minh			
4968	51M-205.50	Hồ Chí Minh	6568	51M-135.36	Hồ Chí Minh			
4969	51M-206.68	Hồ Chí Minh	6569	51M-142.14	Hồ Chí Minh			
4970	51M-209.79	Hồ Chí Minh	6570	51M-143.44	Hồ Chí Minh			
4971	51M-214.33	Hồ Chí Minh	6571	51M-143.55	Hồ Chí Minh			
4972	51M-222.78	Hồ Chí Minh	6572	51M-147.66	Hồ Chí Minh			
4973	51M-226.26	Hồ Chí Minh	6573	51M-159.00	Hồ Chí Minh			
4974	51M-227.00	Hồ Chí Minh	6574	51M-159.11	Hồ Chí Minh			
4975	51M-228.22	Hồ Chí Minh	6575	51M-159.59	Hồ Chí Minh			
4976	51M-233.66	Hồ Chí Minh	6576	51M-164.00	Hồ Chí Minh			
4977	51M-234.69	Hồ Chí Minh	6577	51M-174.99	Hồ Chí Minh			
4978	51M-246.99	Hồ Chí Minh	6578	51M-182.89	Hồ Chí Minh			
4979	51M-250.11	Hồ Chí Minh	6579	51M-189.81	Hồ Chí Minh			
4980	51M-263.26	Hồ Chí Minh	6580	51M-189.86	Hồ Chí Minh			
4981	51M-266.44	Hồ Chí Minh	6581	51M-205.33	Hồ Chí Minh			
4982	51M-267.44	Hồ Chí Minh	6582	51M-211.69	Hồ Chí Minh			
4983	51M-270.55	Hồ Chí Minh	6583	51M-217.69	Hồ Chí Minh			
4984	51M-287.44	Hồ Chí Minh	6584	51M-217.99	Hồ Chí Minh			
4985	51M-287.77	Hồ Chí Minh	6585	51M-221.86	Hồ Chí Minh			
4986	51M-306.77	Hồ Chí Minh	6586	51M-224.86	Hồ Chí Minh			
4987	51N-000.99	Hồ Chí Minh	6587	51M-225.88	Hồ Chí Minh			
4988	51N-005.22	Hồ Chí Minh	6588	51M-227.68	Hồ Chí Minh			
4989	51N-008.11	Hồ Chí Minh	6589	51M-231.79	Hồ Chí Minh			
4990	51N-013.10	Hồ Chí Minh	6590	51M-233.55	Hồ Chí Minh			
4991	51N-015.16	Hồ Chí Minh	6591	51M-248.99	Hồ Chí Minh			
4992	51N-026.55	Hồ Chí Minh	6592	51M-250.00	Hồ Chí Minh			
4993	51N-030.79	Hồ Chí Minh	6593	51M-251.77	Hồ Chí Minh			
4994	51N-035.69	Hồ Chí Minh	6594	51M-261.61	Hồ Chí Minh			
4995	51N-039.30	Hồ Chí Minh	6595	51M-264.68	Hồ Chí Minh			
4996	51N-042.55	Hồ Chí Minh	6596	51M-270.88	Hồ Chí Minh			
4997	51N-045.11	Hồ Chí Minh	6597	51M-271.00	Hồ Chí Minh			
4998	51N-049.68	Hồ Chí Minh	6598	51M-274.86	Hồ Chí Minh			
4999	51N-053.77	Hồ Chí Minh	6599	51M-277.11	Hồ Chí Minh			
5000	51N-059.22	Hồ Chí Minh	6600	51M-278.86	Hồ Chí Minh			
5001	51N-063.22	Hồ Chí Minh	6601	51M-285.39	Hồ Chí Minh			
5002	51N-063.60	Hồ Chí Minh	6602	51M-287.88	Hồ Chí Minh			
5003	51N-074.39	Hồ Chí Minh	6603	51M-294.69	Hồ Chí Minh			
5004	51N-081.11	Hồ Chí Minh	6604	51M-296.92	Hồ Chí Minh			
5005	51N-091.88	Hồ Chí Minh	6605	51M-304.11	Hồ Chí Minh			

H.Đ. 4
CÔNG
ĐẤU
HỢP
VIỆT
NH XU

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5006	51N-097.09	Hồ Chí Minh	6606	51M-308.33	Hồ Chí Minh			
5007	51N-097.86	Hồ Chí Minh	6607	51M-308.86	Hồ Chí Minh			
5008	51N-097.88	Hồ Chí Minh	6608	51N-004.39	Hồ Chí Minh			
5009	51N-101.68	Hồ Chí Minh	6609	51N-017.00	Hồ Chí Minh			
5010	51N-104.11	Hồ Chí Minh	6610	51N-027.27	Hồ Chí Minh			
5011	51N-107.22	Hồ Chí Minh	6611	51N-032.22	Hồ Chí Minh			
5012	51N-111.27	Hồ Chí Minh	6612	51N-032.77	Hồ Chí Minh			
5013	51N-115.22	Hồ Chí Minh	6613	51N-047.55	Hồ Chí Minh			
5014	51N-118.11	Hồ Chí Minh	6614	51N-049.04	Hồ Chí Minh			
5015	51N-130.11	Hồ Chí Minh	6615	51N-051.11	Hồ Chí Minh			
5016	51N-132.32	Hồ Chí Minh	6616	51N-054.66	Hồ Chí Minh			
5017	51N-136.22	Hồ Chí Minh	6617	51N-055.88	Hồ Chí Minh			
5018	51N-137.22	Hồ Chí Minh	6618	51N-062.11	Hồ Chí Minh			
5019	51N-143.11	Hồ Chí Minh	6619	51N-076.77	Hồ Chí Minh			
5020	51N-156.57	Hồ Chí Minh	6620	51N-091.69	Hồ Chí Minh			
5021	11B-013.44	Cao Bằng	6621	51N-094.99	Hồ Chí Minh			
5022	11D-012.00	Cao Bằng	6622	51N-099.33	Hồ Chí Minh			
5023	11D-012.44	Cao Bằng	6623	51N-115.86	Hồ Chí Minh			
5024	12A-270.07	Lạng Sơn	6624	51N-123.12	Hồ Chí Minh			
5025	12C-140.44	Lạng Sơn	6625	51N-127.12	Hồ Chí Minh			
5026	14C-456.65	Quảng Ninh	6626	51N-129.33	Hồ Chí Minh			
5027	14C-462.79	Quảng Ninh	6627	51N-143.22	Hồ Chí Minh			
5028	14C-463.33	Quảng Ninh	6628	51N-143.55	Hồ Chí Minh			
5029	14C-468.89	Quảng Ninh	6629	51N-145.69	Hồ Chí Minh			
5030	14C-471.69	Quảng Ninh	6630	51N-147.48	Hồ Chí Minh			
5031	14D-031.03	Quảng Ninh	6631	51N-150.66	Hồ Chí Minh			
5032	14D-032.03	Quảng Ninh	6632	51N-153.51	Hồ Chí Minh			
5033	14K-002.20	Quảng Ninh	6633	51N-156.33	Hồ Chí Minh			
5034	14K-004.39	Quảng Ninh	6634	51N-156.44	Hồ Chí Minh			
5035	14K-014.86	Quảng Ninh	6635	11A-136.55	Cao Bằng			
5036	14K-019.91	Quảng Ninh	6636	11B-015.22	Cao Bằng			
5037	14K-022.68	Quảng Ninh	6637	11D-010.77	Cao Bằng			
5038	14K-035.69	Quảng Ninh	6638	12D-010.55	Lạng Sơn			
5039	14K-045.54	Quảng Ninh	6639	12D-011.22	Lạng Sơn			
5040	14K-047.00	Quảng Ninh	6640	14B-053.50	Quảng Ninh			
5041	14K-047.74	Quảng Ninh	6641	14C-457.79	Quảng Ninh			
5042	15C-496.94	Hải Phòng	6642	14C-459.95	Quảng Ninh			
5043	15D-052.86	Hải Phòng	6643	14C-471.89	Quảng Ninh			
5044	15D-053.54	Hải Phòng	6644	14D-031.79	Quảng Ninh			
5045	15D-054.55	Hải Phòng	6645	14K-018.11	Quảng Ninh			
5046	15K-441.99	Hải Phòng	6646	14K-020.22	Quảng Ninh			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5047	15K-445.54	Hải Phòng	6647	14K-028.69	Quảng Ninh			
5048	15K-448.89	Hải Phòng	6648	14K-032.77	Quảng Ninh			
5049	15K-450.33	Hải Phòng	6649	14K-038.89	Quảng Ninh			
5050	15K-452.39	Hải Phòng	6650	14K-043.79	Quảng Ninh			
5051	15K-453.88	Hải Phòng	6651	15B-056.77	Hải Phòng			
5052	15K-466.00	Hải Phòng	6652	15C-488.39	Hải Phòng			
5053	15K-466.39	Hải Phòng	6653	15C-491.68	Hải Phòng			
5054	15K-476.22	Hải Phòng	6654	15D-056.05	Hải Phòng			
5055	15K-476.33	Hải Phòng	6655	15K-426.62	Hải Phòng			
5056	15K-480.88	Hải Phòng	6656	15K-431.86	Hải Phòng			
5057	15K-484.48	Hải Phòng	6657	15K-436.37	Hải Phòng			
5058	15K-490.77	Hải Phòng	6658	15K-437.88	Hải Phòng			
5059	15K-490.94	Hải Phòng	6659	15K-440.11	Hải Phòng			
5060	15K-494.77	Hải Phòng	6660	15K-446.00	Hải Phòng			
5061	15K-497.55	Hải Phòng	6661	15K-449.33	Hải Phòng			
5062	15K-498.49	Hải Phòng	6662	15K-450.22	Hải Phòng			
5063	15K-512.15	Hải Phòng	6663	15K-462.39	Hải Phòng			
5064	15K-512.66	Hải Phòng	6664	15K-466.67	Hải Phòng			
5065	17A-494.86	Thái Bình	6665	15K-474.69	Hải Phòng			
5066	17A-503.39	Thái Bình	6666	15K-477.74	Hải Phòng			
5067	17A-504.00	Thái Bình	6667	15K-479.88	Hải Phòng			
5068	17A-506.22	Thái Bình	6668	15K-485.79	Hải Phòng			
5069	17A-513.14	Thái Bình	6669	15K-485.86	Hải Phòng			
5070	17B-030.39	Thái Bình	6670	15K-487.39	Hải Phòng			
5071	17B-032.00	Thái Bình	6671	15K-500.05	Hải Phòng			
5072	17C-220.44	Thái Bình	6672	17A-504.05	Thái Bình			
5073	17D-016.11	Thái Bình	6673	17C-216.68	Thái Bình			
5074	18A-490.49	Nam Định	6674	17C-217.33	Thái Bình			
5075	18A-493.11	Nam Định	6675	17C-222.35	Thái Bình			
5076	18A-495.86	Nam Định	6676	18A-491.44	Nam Định			
5077	18A-511.39	Nam Định	6677	18A-494.69	Nam Định			
5078	18A-511.69	Nam Định	6678	18A-495.66	Nam Định			
5079	18A-512.44	Nam Định	6679	18A-497.88	Nam Định			
5080	18D-015.16	Nam Định	6680	18A-509.96	Nam Định			
5081	18D-015.39	Nam Định	6681	18D-016.11	Nam Định			
5082	18D-015.69	Nam Định	6682	19A-729.77	Phú Thọ			
5083	18D-016.10	Nam Định	6683	19A-737.38	Phú Thọ			
5084	18D-017.01	Nam Định	6684	19A-739.69	Phú Thọ			
5085	18D-019.01	Nam Định	6685	19A-740.68	Phú Thọ			
5086	19A-715.71	Phú Thọ	6686	19A-753.68	Phú Thọ			
5087	19A-718.00	Phú Thọ	6687	19B-028.33	Phú Thọ			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5088	19A-720.99	Phú Thọ	6688	19B-028.39	Phú Thọ			
5089	19A-721.69	Phú Thọ	6689	19B-030.99	Phú Thọ			
5090	19A-722.66	Phú Thọ	6690	19C-264.64	Phú Thọ			
5091	19A-724.86	Phú Thọ	6691	19C-272.68	Phú Thọ			
5092	19A-733.68	Phú Thọ	6692	19C-280.22	Phú Thọ			
5093	19A-733.69	Phú Thọ	6693	20A-862.89	Thái Nguyên			
5094	19A-737.69	Phú Thọ	6694	20A-866.22	Thái Nguyên			
5095	19A-737.79	Phú Thọ	6695	20A-871.77	Thái Nguyên			
5096	19A-741.66	Phú Thọ	6696	20A-873.77	Thái Nguyên			
5097	19A-744.79	Phú Thọ	6697	20A-876.89	Thái Nguyên			
5098	19A-746.88	Phú Thọ	6698	20A-878.99	Thái Nguyên			
5099	19A-747.47	Phú Thọ	6699	20A-879.66	Thái Nguyên			
5100	19A-750.44	Phú Thọ	6700	20A-880.68	Thái Nguyên			
5101	19A-753.35	Phú Thọ	6701	20A-883.55	Thái Nguyên			
5102	19A-756.77	Phú Thọ	6702	20A-893.11	Thái Nguyên			
5103	19B-028.44	Phú Thọ	6703	20A-900.79	Thái Nguyên			
5104	19C-264.39	Phú Thọ	6704	20A-900.90	Thái Nguyên			
5105	19C-264.44	Phú Thọ	6705	20A-901.77	Thái Nguyên			
5106	19C-266.33	Phú Thọ	6706	20A-902.03	Thái Nguyên			
5107	19C-269.39	Phú Thọ	6707	20A-903.00	Thái Nguyên			
5108	19C-278.68	Phú Thọ	6708	20C-311.22	Thái Nguyên			
5109	20A-869.89	Thái Nguyên	6709	20C-316.22	Thái Nguyên			
5110	20A-875.87	Thái Nguyên	6710	20C-316.31	Thái Nguyên			
5111	20A-897.89	Thái Nguyên	6711	20C-321.33	Thái Nguyên			
5112	20A-902.55	Thái Nguyên	6712	21A-222.16	Yên Bái			
5113	20A-906.69	Thái Nguyên	6713	21A-224.33	Yên Bái			
5114	20B-035.66	Thái Nguyên	6714	21A-227.69	Yên Bái			
5115	20C-317.55	Thái Nguyên	6715	21A-228.33	Yên Bái			
5116	20C-319.98	Thái Nguyên	6716	21A-229.55	Yên Bái			
5117	20D-032.99	Thái Nguyên	6717	21C-113.55	Yên Bái			
5118	21A-222.14	Yên Bái	6718	22A-278.39	Tuyên Quang			
5119	21A-226.00	Yên Bái	6719	22A-278.87	Tuyên Quang			
5120	21A-228.77	Yên Bái	6720	22A-280.81	Tuyên Quang			
5121	21A-229.69	Yên Bái	6721	22A-281.00	Tuyên Quang			
5122	21B-013.66	Yên Bái	6722	22B-016.61	Tuyên Quang			
5123	21C-114.41	Yên Bái	6723	22B-018.33	Tuyên Quang			
5124	21C-115.69	Yên Bái	6724	22C-116.61	Tuyên Quang			
5125	21D-006.99	Yên Bái	6725	22D-013.39	Tuyên Quang			
5126	21D-007.88	Yên Bái	6726	23A-168.33	Hà Giang			
5127	21D-010.33	Yên Bái	6727	23A-169.39	Hà Giang			
5128	22A-273.44	Tuyên Quang	6728	23A-171.55	Hà Giang			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5129	22A-273.89	Tuyên Quang	6729	23B-012.86	Hà Giang			
5130	22A-280.33	Tuyên Quang	6730	23B-013.66	Hà Giang			
5131	22A-284.28	Tuyên Quang	6731	23C-091.99	Hà Giang			
5132	22B-017.86	Tuyên Quang	6732	24A-320.89	Lào Cai			
5133	22B-019.00	Tuyên Quang	6733	24A-323.77	Lào Cai			
5134	22C-115.16	Tuyên Quang	6734	24B-019.95	Lào Cai			
5135	22C-116.16	Tuyên Quang	6735	24B-021.20	Lào Cai			
5136	22C-117.66	Tuyên Quang	6736	24C-165.65	Lào Cai			
5137	23A-171.77	Hà Giang	6737	24C-169.77	Lào Cai			
5138	23C-093.93	Hà Giang	6738	25B-010.88	Lai Châu			
5139	24A-319.96	Lào Cai	6739	26A-244.68	Sơn La			
5140	24A-326.44	Lào Cai	6740	26C-163.86	Sơn La			
5141	24B-022.00	Lào Cai	6741	27B-014.86	Điện Biên			
5142	24D-012.33	Lào Cai	6742	27C-074.47	Điện Biên			
5143	25C-061.86	Lai Châu	6743	27C-075.86	Điện Biên			
5144	25D-007.00	Lai Châu	6744	28A-259.11	Hòa Bình			
5145	25D-007.55	Lai Châu	6745	28A-261.39	Hòa Bình			
5146	26A-240.88	Sơn La	6746	28A-265.44	Hòa Bình			
5147	26C-168.89	Sơn La	6747	28A-266.11	Hòa Bình			
5148	27A-134.13	Điện Biên	6748	28A-270.72	Hòa Bình			
5149	27A-134.34	Điện Biên	6749	28A-271.77	Hòa Bình			
5150	27B-014.55	Điện Biên	6750	28B-018.00	Hòa Bình			
5151	27C-076.69	Điện Biên	6751	28C-122.77	Hòa Bình			
5152	27C-077.86	Điện Biên	6752	29B-659.00	Hà Nội			
5153	27D-009.79	Điện Biên	6753	29B-660.89	Hà Nội			
5154	28A-262.62	Hòa Bình	6754	29D-631.36	Hà Nội			
5155	28A-263.44	Hòa Bình	6755	29K-326.33	Hà Nội			
5156	28A-263.69	Hòa Bình	6756	29K-337.00	Hà Nội			
5157	28A-269.39	Hòa Bình	6757	29K-339.11	Hà Nội			
5158	28C-122.69	Hòa Bình	6758	29K-342.22	Hà Nội			
5159	28C-123.99	Hòa Bình	6759	29K-348.00	Hà Nội			
5160	28C-124.33	Hòa Bình	6760	29K-348.34	Hà Nội			
5161	28D-011.79	Hòa Bình	6761	29K-355.77	Hà Nội			
5162	29D-627.11	Hà Nội	6762	29K-368.69	Hà Nội			
5163	29D-629.55	Hà Nội	6763	29K-371.11	Hà Nội			
5164	29D-636.11	Hà Nội	6764	29K-374.68	Hà Nội			
5165	29K-325.77	Hà Nội	6765	29K-379.22	Hà Nội			
5166	29K-326.26	Hà Nội	6766	29K-380.86	Hà Nội			
5167	29K-333.15	Hà Nội	6767	29K-395.93	Hà Nội			
5168	29K-335.39	Hà Nội	6768	29K-403.86	Hà Nội			
5169	29K-347.47	Hà Nội	6769	29K-405.00	Hà Nội			

CÔNG
 ĐẤU
 HỢP
 VIỆT
 VH XU.

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5170	29K-351.51	Hà Nội	6770	29K-406.07	Hà Nội			
5171	29K-353.88	Hà Nội	6771	29K-408.55	Hà Nội			
5172	29K-358.35	Hà Nội	6772	29K-420.11	Hà Nội			
5173	29K-364.77	Hà Nội	6773	29K-421.21	Hà Nội			
5174	29K-366.89	Hà Nội	6774	29K-425.52	Hà Nội			
5175	29K-374.66	Hà Nội	6775	29K-432.23	Hà Nội			
5176	29K-382.11	Hà Nội	6776	29K-447.89	Hà Nội			
5177	29K-395.95	Hà Nội	6777	29K-458.68	Hà Nội			
5178	29K-404.22	Hà Nội	6778	29K-465.44	Hà Nội			
5179	29K-420.39	Hà Nội	6779	34A-921.79	Hải Dương			
5180	29K-430.30	Hà Nội	6780	34A-922.33	Hải Dương			
5181	29K-436.66	Hà Nội	6781	34A-925.79	Hải Dương			
5182	29K-437.44	Hà Nội	6782	34A-957.55	Hải Dương			
5183	29K-439.00	Hà Nội	6783	34A-959.89	Hải Dương			
5184	29K-447.74	Hà Nội	6784	34A-961.33	Hải Dương			
5185	29K-453.55	Hà Nội	6785	34A-969.44	Hải Dương			
5186	29K-457.88	Hà Nội	6786	34A-970.71	Hải Dương			
5187	29K-465.99	Hà Nội	6787	34B-044.99	Hải Dương			
5188	29K-470.33	Hà Nội	6788	34C-433.69	Hải Dương			
5189	34A-920.99	Hải Dương	6789	34C-434.11	Hải Dương			
5190	34A-928.33	Hải Dương	6790	34C-438.33	Hải Dương			
5191	34A-934.55	Hải Dương	6791	34C-442.86	Hải Dương			
5192	34A-938.39	Hải Dương	6792	34C-446.11	Hải Dương			
5193	34A-951.39	Hải Dương	6793	34C-446.33	Hải Dương			
5194	34A-956.86	Hải Dương	6794	34C-449.39	Hải Dương			
5195	34A-967.39	Hải Dương	6795	34D-039.22	Hải Dương			
5196	34B-046.47	Hải Dương	6796	35A-466.39	Ninh Bình			
5197	34B-047.04	Hải Dương	6797	35A-483.33	Ninh Bình			
5198	34C-434.22	Hải Dương	6798	35B-025.68	Ninh Bình			
5199	34C-438.11	Hải Dương	6799	35C-180.81	Ninh Bình			
5200	34C-445.68	Hải Dương	6800	35D-015.89	Ninh Bình			
5201	34C-447.00	Hải Dương	6801	35D-016.17	Ninh Bình			
5202	34C-452.33	Hải Dương	6802	36B-050.68	Thanh Hóa			
5203	35A-483.22	Ninh Bình	6803	36C-548.00	Thanh Hóa			
5204	35A-483.79	Ninh Bình	6804	36C-556.22	Thanh Hóa			
5205	35B-023.66	Ninh Bình	6805	36C-570.00	Thanh Hóa			
5206	35D-017.55	Ninh Bình	6806	36C-571.55	Thanh Hóa			
5207	36C-546.69	Thanh Hóa	6807	36C-573.11	Thanh Hóa			
5208	36C-550.86	Thanh Hóa	6808	36C-574.11	Thanh Hóa			
5209	36C-556.44	Thanh Hóa	6809	36C-574.55	Thanh Hóa			
5210	36C-559.79	Thanh Hóa	6810	36C-580.66	Thanh Hóa			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5211	36C-561.66	Thanh Hóa	6811	36K-235.33	Thanh Hóa			
5212	36C-571.44	Thanh Hóa	6812	36K-236.86	Thanh Hóa			
5213	36D-030.31	Thanh Hóa	6813	36K-237.77	Thanh Hóa			
5214	36D-031.79	Thanh Hóa	6814	36K-249.55	Thanh Hóa			
5215	36K-231.23	Thanh Hóa	6815	36K-251.11	Thanh Hóa			
5216	36K-231.66	Thanh Hóa	6816	36K-252.39	Thanh Hóa			
5217	36K-234.34	Thanh Hóa	6817	36K-257.86	Thanh Hóa			
5218	36K-252.33	Thanh Hóa	6818	36K-258.79	Thanh Hóa			
5219	36K-256.65	Thanh Hóa	6819	36K-268.77	Thanh Hóa			
5220	36K-260.44	Thanh Hóa	6820	36K-273.66	Thanh Hóa			
5221	36K-260.77	Thanh Hóa	6821	36K-275.69	Thanh Hóa			
5222	36K-264.79	Thanh Hóa	6822	36K-280.82	Thanh Hóa			
5223	36K-281.99	Thanh Hóa	6823	36K-281.81	Thanh Hóa			
5224	36K-284.28	Thanh Hóa	6824	36K-290.91	Thanh Hóa			
5225	36K-284.33	Thanh Hóa	6825	36K-296.79	Thanh Hóa			
5226	36K-284.68	Thanh Hóa	6826	37B-047.69	Nghệ An			
5227	36K-285.33	Thanh Hóa	6827	37C-567.67	Nghệ An			
5228	36K-290.22	Thanh Hóa	6828	37C-585.22	Nghệ An			
5229	36K-294.00	Thanh Hóa	6829	37C-591.77	Nghệ An			
5230	36K-295.66	Thanh Hóa	6830	37K-483.00	Nghệ An			
5231	36K-298.86	Thanh Hóa	6831	37K-484.69	Nghệ An			
5232	36K-299.55	Thanh Hóa	6832	37K-485.11	Nghệ An			
5233	36K-301.01	Thanh Hóa	6833	37K-485.55	Nghệ An			
5234	36K-305.88	Thanh Hóa	6834	37K-491.55	Nghệ An			
5235	37C-574.11	Nghệ An	6835	37K-496.79	Nghệ An			
5236	37C-577.44	Nghệ An	6836	37K-497.11	Nghệ An			
5237	37C-582.85	Nghệ An	6837	37K-507.08	Nghệ An			
5238	37C-592.59	Nghệ An	6838	37K-510.88	Nghệ An			
5239	37C-593.11	Nghệ An	6839	37K-512.89	Nghệ An			
5240	37D-048.89	Nghệ An	6840	37K-514.00	Nghệ An			
5241	37K-483.11	Nghệ An	6841	37K-515.51	Nghệ An			
5242	37K-487.87	Nghệ An	6842	37K-516.44	Nghệ An			
5243	37K-490.90	Nghệ An	6843	37K-522.39	Nghệ An			
5244	37K-496.55	Nghệ An	6844	37K-544.66	Nghệ An			
5245	37K-501.77	Nghệ An	6845	37K-555.16	Nghệ An			
5246	37K-504.88	Nghệ An	6846	37K-555.28	Nghệ An			
5247	37K-509.55	Nghệ An	6847	37K-560.89	Nghệ An			
5248	37K-519.66	Nghệ An	6848	37K-565.22	Nghệ An			
5249	37K-519.91	Nghệ An	6849	37K-565.39	Nghệ An			
5250	37K-525.00	Nghệ An	6850	37K-567.11	Nghệ An			
5251	37K-529.88	Nghệ An	6851	37K-570.39	Nghệ An			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5252	37K-530.53	Nghệ An	6852	37K-571.71	Nghệ An			
5253	37K-530.77	Nghệ An	6853	38A-682.33	Hà Tĩnh			
5254	37K-531.22	Nghệ An	6854	38A-684.11	Hà Tĩnh			
5255	37K-531.32	Nghệ An	6855	38A-689.86	Hà Tĩnh			
5256	37K-548.44	Nghệ An	6856	38A-693.66	Hà Tĩnh			
5257	37K-549.00	Nghệ An	6857	38A-694.77	Hà Tĩnh			
5258	37K-549.89	Nghệ An	6858	38A-701.89	Hà Tĩnh			
5259	37K-551.51	Nghệ An	6859	38A-704.79	Hà Tĩnh			
5260	37K-551.52	Nghệ An	6860	38A-706.68	Hà Tĩnh			
5261	37K-559.22	Nghệ An	6861	38A-707.89	Hà Tĩnh			
5262	37K-560.77	Nghệ An	6862	38A-708.66	Hà Tĩnh			
5263	37K-565.00	Nghệ An	6863	38B-024.99	Hà Tĩnh			
5264	37K-569.68	Nghệ An	6864	43A-942.49	Đà Nẵng			
5265	37K-570.07	Nghệ An	6865	43A-942.94	Đà Nẵng			
5266	37K-573.69	Nghệ An	6866	43A-943.55	Đà Nẵng			
5267	38A-682.55	Hà Tĩnh	6867	43A-952.89	Đà Nẵng			
5268	38A-708.44	Hà Tĩnh	6868	43A-956.65	Đà Nẵng			
5269	38B-024.25	Hà Tĩnh	6869	43A-963.79	Đà Nẵng			
5270	38C-243.11	Hà Tĩnh	6870	43A-972.22	Đà Nẵng			
5271	38C-244.33	Hà Tĩnh	6871	43A-975.57	Đà Nẵng			
5272	38C-248.55	Hà Tĩnh	6872	43A-976.33	Đà Nẵng			
5273	38C-252.39	Hà Tĩnh	6873	43A-977.69	Đà Nẵng			
5274	38D-020.77	Hà Tĩnh	6874	43A-978.44	Đà Nẵng			
5275	38D-022.86	Hà Tĩnh	6875	43A-978.97	Đà Nẵng			
5276	43A-942.44	Đà Nẵng	6876	43C-314.79	Đà Nẵng			
5277	43A-953.33	Đà Nẵng	6877	43C-315.68	Đà Nẵng			
5278	43A-973.33	Đà Nẵng	6878	43C-320.55	Đà Nẵng			
5279	43A-975.44	Đà Nẵng	6879	43D-014.89	Đà Nẵng			
5280	43A-980.69	Đà Nẵng	6880	47A-818.11	Đắk Lắk			
5281	43C-318.11	Đà Nẵng	6881	47A-822.28	Đắk Lắk			
5282	43C-320.21	Đà Nẵng	6882	47A-824.89	Đắk Lắk			
5283	43D-013.14	Đà Nẵng	6883	47A-826.69	Đắk Lắk			
5284	43D-014.10	Đà Nẵng	6884	47A-832.77	Đắk Lắk			
5285	47A-814.55	Đắk Lắk	6885	47A-841.48	Đắk Lắk			
5286	47A-828.11	Đắk Lắk	6886	47A-842.33	Đắk Lắk			
5287	47A-832.32	Đắk Lắk	6887	47A-843.84	Đắk Lắk			
5288	47A-833.34	Đắk Lắk	6888	47A-850.69	Đắk Lắk			
5289	47A-839.88	Đắk Lắk	6889	47A-856.00	Đắk Lắk			
5290	47A-840.48	Đắk Lắk	6890	47A-856.33	Đắk Lắk			
5291	47A-843.68	Đắk Lắk	6891	47A-858.11	Đắk Lắk			
5292	47A-848.48	Đắk Lắk	6892	47A-862.11	Đắk Lắk			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5293	47A-853.55	Đắk Lắk	6893	47A-862.68	Đắk Lắk			
5294	47A-854.68	Đắk Lắk	6894	47C-406.06	Đắk Lắk			
5295	47A-855.85	Đắk Lắk	6895	47C-408.04	Đắk Lắk			
5296	47A-862.44	Đắk Lắk	6896	47C-409.00	Đắk Lắk			
5297	47B-043.34	Đắk Lắk	6897	47C-411.88	Đắk Lắk			
5298	47C-400.79	Đắk Lắk	6898	47D-020.66	Đắk Lắk			
5299	47C-406.07	Đắk Lắk	6899	48A-248.89	Đắk Nông			
5300	47C-409.22	Đắk Lắk	6900	48A-259.89	Đắk Nông			
5301	47C-410.01	Đắk Lắk	6901	48B-013.44	Đắk Nông			
5302	47C-410.66	Đắk Lắk	6902	48B-015.39	Đắk Nông			
5303	47C-413.77	Đắk Lắk	6903	48C-116.22	Đắk Nông			
5304	47C-420.55	Đắk Lắk	6904	48C-117.66	Đắk Nông			
5305	48A-251.22	Đắk Nông	6905	48D-006.22	Đắk Nông			
5306	48A-251.33	Đắk Nông	6906	48D-008.89	Đắk Nông			
5307	48A-257.99	Đắk Nông	6907	49A-748.79	Lâm Đồng			
5308	48A-259.88	Đắk Nông	6908	49A-752.25	Lâm Đồng			
5309	48B-014.41	Đắk Nông	6909	49A-753.11	Lâm Đồng			
5310	48B-016.16	Đắk Nông	6910	49A-761.00	Lâm Đồng			
5311	48C-117.33	Đắk Nông	6911	49A-769.67	Lâm Đồng			
5312	48C-127.69	Đắk Nông	6912	49A-769.86	Lâm Đồng			
5313	49A-747.44	Lâm Đồng	6913	49A-774.00	Lâm Đồng			
5314	49A-752.11	Lâm Đồng	6914	49A-777.36	Lâm Đồng			
5315	49A-756.99	Lâm Đồng	6915	49B-032.30	Lâm Đồng			
5316	49A-763.33	Lâm Đồng	6916	49D-019.01	Lâm Đồng			
5317	49A-777.44	Lâm Đồng	6917	60C-765.11	Đồng Nai			
5318	49A-780.87	Lâm Đồng	6918	60C-776.67	Đồng Nai			
5319	49B-035.03	Lâm Đồng	6919	60C-780.44	Đồng Nai			
5320	49C-397.11	Lâm Đồng	6920	60D-024.88	Đồng Nai			
5321	49C-399.69	Lâm Đồng	6921	60D-025.02	Đồng Nai			
5322	51E-344.69	Hồ Chí Minh	6922	60K-623.44	Đồng Nai			
5323	51E-346.44	Hồ Chí Minh	6923	60K-630.31	Đồng Nai			
5324	51E-348.44	Hồ Chí Minh	6924	60K-646.33	Đồng Nai			
5325	51E-349.88	Hồ Chí Minh	6925	60K-646.77	Đồng Nai			
5326	60C-763.77	Đồng Nai	6926	60K-648.39	Đồng Nai			
5327	60C-768.77	Đồng Nai	6927	60K-649.64	Đồng Nai			
5328	60C-771.68	Đồng Nai	6928	60K-652.44	Đồng Nai			
5329	60C-776.88	Đồng Nai	6929	60K-662.77	Đồng Nai			
5330	60C-779.39	Đồng Nai	6930	60K-666.44	Đồng Nai			
5331	60C-789.33	Đồng Nai	6931	60K-668.39	Đồng Nai			
5332	60D-023.32	Đồng Nai	6932	60K-673.86	Đồng Nai			
5333	60K-620.33	Đồng Nai	6933	60K-674.75	Đồng Nai			

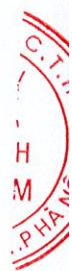
H.Đ.Đ.
 CÔNG
 ĐẤY
 HỢP
 VIỆC
 NH. XU.

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5334	60K-628.44	Đồng Nai	6934	60K-676.33	Đồng Nai			
5335	60K-629.55	Đồng Nai	6935	60K-681.39	Đồng Nai			
5336	60K-631.39	Đồng Nai	6936	60K-682.86	Đồng Nai			
5337	60K-637.44	Đồng Nai	6937	60K-691.66	Đồng Nai			
5338	60K-645.11	Đồng Nai	6938	61B-046.64	Bình Dương			
5339	60K-647.79	Đồng Nai	6939	61B-047.79	Bình Dương			
5340	60K-651.44	Đồng Nai	6940	61C-610.99	Bình Dương			
5341	60K-651.77	Đồng Nai	6941	61C-612.88	Bình Dương			
5342	60K-651.99	Đồng Nai	6942	61C-614.39	Bình Dương			
5343	60K-657.55	Đồng Nai	6943	61C-617.39	Bình Dương			
5344	60K-658.55	Đồng Nai	6944	61C-627.33	Bình Dương			
5345	60K-662.99	Đồng Nai	6945	61C-629.44	Bình Dương			
5346	60K-670.33	Đồng Nai	6946	61C-630.86	Bình Dương			
5347	60K-684.39	Đồng Nai	6947	61C-632.33	Bình Dương			
5348	60K-684.88	Đồng Nai	6948	61C-636.88	Bình Dương			
5349	60K-686.22	Đồng Nai	6949	61D-024.88	Bình Dương			
5350	60K-696.39	Đồng Nai	6950	61K-521.52	Bình Dương			
5351	60K-699.55	Đồng Nai	6951	61K-530.03	Bình Dương			
5352	60K-700.22	Đồng Nai	6952	61K-535.89	Bình Dương			
5353	61C-613.13	Bình Dương	6953	61K-542.24	Bình Dương			
5354	61C-619.69	Bình Dương	6954	61K-542.44	Bình Dương			
5355	61C-625.11	Bình Dương	6955	61K-543.55	Bình Dương			
5356	61C-629.33	Bình Dương	6956	61K-544.68	Bình Dương			
5357	61C-634.68	Bình Dương	6957	61K-556.56	Bình Dương			
5358	61C-640.46	Bình Dương	6958	61K-564.33	Bình Dương			
5359	61C-643.55	Bình Dương	6959	61K-565.00	Bình Dương			
5360	61D-023.99	Bình Dương	6960	61K-575.39	Bình Dương			
5361	61K-532.35	Bình Dương	6961	61K-588.39	Bình Dương			
5362	61K-532.39	Bình Dương	6962	61K-588.79	Bình Dương			
5363	61K-539.22	Bình Dương	6963	61K-591.33	Bình Dương			
5364	61K-550.51	Bình Dương	6964	61K-596.95	Bình Dương			
5365	61K-551.68	Bình Dương	6965	62A-474.66	Long An			
5366	61K-558.44	Bình Dương	6966	62A-480.39	Long An			
5367	61K-558.77	Bình Dương	6967	62A-493.00	Long An			
5368	61K-559.69	Bình Dương	6968	63A-333.01	Tiền Giang			
5369	61K-561.62	Bình Dương	6969	63A-333.66	Tiền Giang			
5370	61K-586.44	Bình Dương	6970	63A-342.11	Tiền Giang			
5371	61K-595.86	Bình Dương	6971	63B-034.44	Tiền Giang			
5372	61K-599.22	Bình Dương	6972	63C-234.86	Tiền Giang			
5373	62A-473.79	Long An	6973	63C-239.86	Tiền Giang			
5374	62A-475.57	Long An	6974	63D-014.44	Tiền Giang			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5375	62A-476.22	Long An	6975	63D-014.55	Tiền Giang			
5376	62A-490.68	Long An	6976	64A-203.79	Vĩnh Long			
5377	62C-222.04	Long An	6977	64A-205.22	Vĩnh Long			
5378	62C-223.39	Long An	6978	64A-205.99	Vĩnh Long			
5379	62D-016.79	Long An	6979	64B-018.22	Vĩnh Long			
5380	62D-018.39	Long An	6980	64B-018.86	Vĩnh Long			
5381	63A-326.23	Tiền Giang	6981	64C-137.55	Vĩnh Long			
5382	63B-036.03	Tiền Giang	6982	64C-139.31	Vĩnh Long			
5383	63C-231.88	Tiền Giang	6983	64C-139.88	Vĩnh Long			
5384	63C-235.66	Tiền Giang	6984	64C-140.04	Vĩnh Long			
5385	63C-240.89	Tiền Giang	6985	64D-008.44	Vĩnh Long			
5386	63D-012.10	Tiền Giang	6986	65A-517.89	Cần Thơ			
5387	64A-208.00	Vĩnh Long	6987	65A-530.69	Cần Thơ			
5388	64A-208.79	Vĩnh Long	6988	65A-531.00	Cần Thơ			
5389	64B-019.01	Vĩnh Long	6989	65C-253.11	Cần Thơ			
5390	64B-019.55	Vĩnh Long	6990	65C-258.58	Cần Thơ			
5391	64B-020.02	Vĩnh Long	6991	65C-259.55	Cần Thơ			
5392	64D-008.99	Vĩnh Long	6992	65C-261.88	Cần Thơ			
5393	64D-009.11	Vĩnh Long	6993	65C-265.00	Cần Thơ			
5394	65A-523.68	Cần Thơ	6994	65C-274.74	Cần Thơ			
5395	65A-528.52	Cần Thơ	6995	65D-011.55	Cần Thơ			
5396	65A-533.77	Cần Thơ	6996	65D-012.10	Cần Thơ			
5397	65C-254.86	Cần Thơ	6997	65D-012.39	Cần Thơ			
5398	65C-256.00	Cần Thơ	6998	66A-305.30	Đồng Tháp			
5399	65C-256.33	Cần Thơ	6999	66A-305.44	Đồng Tháp			
5400	65C-261.44	Cần Thơ	7000	66A-315.16	Đồng Tháp			
5401	65C-270.22	Cần Thơ	7001	66B-025.77	Đồng Tháp			
5402	65C-272.27	Cần Thơ	7002	66C-183.84	Đồng Tháp			
5403	65D-012.12	Cần Thơ	7003	66C-187.89	Đồng Tháp			
5404	66A-303.30	Đồng Tháp	7004	66D-013.13	Đồng Tháp			
5405	66A-306.89	Đồng Tháp	7005	67A-332.66	An Giang			
5406	66A-312.33	Đồng Tháp	7006	67A-334.00	An Giang			
5407	66A-315.69	Đồng Tháp	7007	67A-340.22	An Giang			
5408	66B-024.24	Đồng Tháp	7008	67A-341.33	An Giang			
5409	66C-187.55	Đồng Tháp	7009	67A-343.86	An Giang			
5410	67A-330.00	An Giang	7010	67B-030.79	An Giang			
5411	67A-330.55	An Giang	7011	67B-031.88	An Giang			
5412	67A-330.66	An Giang	7012	67B-033.34	An Giang			
5413	67A-338.44	An Giang	7013	67B-033.66	An Giang			
5414	67A-342.11	An Giang	7014	67C-195.95	An Giang			
5415	67A-344.22	An Giang	7015	68A-367.44	Kiên Giang			



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5416	67B-033.00	An Giang	7016	68A-374.77	Kiên Giang			
5417	67C-192.86	An Giang	7017	68C-180.99	Kiên Giang			
5418	67C-193.55	An Giang	7018	68C-184.39	Kiên Giang			
5419	67D-010.44	An Giang	7019	69A-170.66	Cà Mau			
5420	68A-369.00	Kiên Giang	7020	69B-013.44	Cà Mau			
5421	68A-370.66	Kiên Giang	7021	69B-013.89	Cà Mau			
5422	68A-373.77	Kiên Giang	7022	69C-107.77	Cà Mau			
5423	68B-037.73	Kiên Giang	7023	69D-008.00	Cà Mau			
5424	68C-181.33	Kiên Giang	7024	70A-602.99	Tây Ninh			
5425	68C-182.28	Kiên Giang	7025	70A-603.69	Tây Ninh			
5426	68C-185.00	Kiên Giang	7026	70A-610.39	Tây Ninh			
5427	69B-015.79	Cà Mau	7027	70A-612.44	Tây Ninh			
5428	69D-008.79	Cà Mau	7028	70B-034.33	Tây Ninh			
5429	70A-585.22	Tây Ninh	7029	70D-011.99	Tây Ninh			
5430	70A-599.96	Tây Ninh	7030	70D-012.77	Tây Ninh			
5431	70A-610.33	Tây Ninh	7031	71A-212.89	Bến Tre			
5432	70C-218.18	Tây Ninh	7032	71A-215.68	Bến Tre			
5433	71A-218.44	Bến Tre	7033	71A-216.55	Bến Tre			
5434	71B-023.79	Bến Tre	7034	71A-219.91	Bến Tre			
5435	71B-023.88	Bến Tre	7035	71A-220.02	Bến Tre			
5436	71C-135.77	Bến Tre	7036	71A-222.09	Bến Tre			
5437	71C-136.00	Bến Tre	7037	71A-223.39	Bến Tre			
5438	71C-138.89	Bến Tre	7038	71A-223.44	Bến Tre			
5439	72A-850.05	Bà Rịa - Vũng Tàu	7039	71A-223.68	Bến Tre			
5440	72A-854.45	Bà Rịa - Vũng Tàu	7040	71B-023.33	Bến Tre			
5441	72A-856.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	7041	71B-025.00	Bến Tre			
5442	72A-857.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	7042	71C-134.56	Bến Tre			
5443	72A-865.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	7043	71C-136.86	Bến Tre			
5444	72A-869.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	7044	72A-847.11	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5445	72A-870.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	7045	72A-857.57	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5446	72A-871.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	7046	72A-863.22	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5447	72A-871.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	7047	72A-864.68	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5448	72A-879.78	Bà Rịa - Vũng Tàu	7048	72A-866.77	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5449	72A-882.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	7049	72A-870.07	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5450	72B-047.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	7050	72A-873.77	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5451	72C-270.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	7051	72A-875.68	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5452	72C-278.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	7052	72B-047.74	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5453	72C-280.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	7053	72C-264.77	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5454	72C-281.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	7054	72C-272.27	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5455	72D-013.10	Bà Rịa - Vũng Tàu	7055	72C-273.79	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5456	73A-370.07	Quảng Bình	7056	72C-274.11	Bà Rịa - Vũng Tàu			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5457	73A-371.86	Quảng Bình	7057	73A-373.79	Quảng Bình			
5458	73A-374.73	Quảng Bình	7058	73A-380.08	Quảng Bình			
5459	73A-375.33	Quảng Bình	7059	73C-195.95	Quảng Bình			
5460	73A-379.37	Quảng Bình	7060	73C-197.89	Quảng Bình			
5461	73A-381.39	Quảng Bình	7061	74A-277.68	Quảng Trị			
5462	73A-383.55	Quảng Bình	7062	74B-017.10	Quảng Trị			
5463	73B-019.96	Quảng Bình	7063	74C-144.68	Quảng Trị			
5464	73C-194.66	Quảng Bình	7064	74C-148.22	Quảng Trị			
5465	73C-195.79	Quảng Bình	7065	75A-390.93	Thừa Thiên Huế			
5466	73D-009.96	Quảng Bình	7066	75A-391.66	Thừa Thiên Huế			
5467	74A-280.77	Quảng Trị	7067	75A-394.00	Thừa Thiên Huế			
5468	74A-282.69	Quảng Trị	7068	75A-401.39	Thừa Thiên Huế			
5469	75A-392.89	Thừa Thiên Huế	7069	75C-159.68	Thừa Thiên Huế			
5470	75B-029.68	Thừa Thiên Huế	7070	75C-161.69	Thừa Thiên Huế			
5471	75B-031.00	Thừa Thiên Huế	7071	75D-012.10	Thừa Thiên Huế			
5472	75C-158.58	Thừa Thiên Huế	7072	75D-012.69	Thừa Thiên Huế			
5473	75C-163.16	Thừa Thiên Huế	7073	75D-013.00	Thừa Thiên Huế			
5474	76A-333.28	Quảng Ngãi	7074	75D-013.14	Thừa Thiên Huế			
5475	76A-335.00	Quảng Ngãi	7075	76A-325.44	Quảng Ngãi			
5476	76B-027.72	Quảng Ngãi	7076	76A-329.77	Quảng Ngãi			
5477	76D-012.77	Quảng Ngãi	7077	76A-329.88	Quảng Ngãi			
5478	77A-358.85	Bình Định	7078	76A-334.11	Quảng Ngãi			
5479	77B-038.77	Bình Định	7079	76A-335.88	Quảng Ngãi			
5480	77C-264.65	Bình Định	7080	76B-027.79	Quảng Ngãi			
5481	77C-267.39	Bình Định	7081	76B-029.77	Quảng Ngãi			
5482	77D-007.07	Bình Định	7082	76B-030.44	Quảng Ngãi			
5483	77D-008.08	Bình Định	7083	76D-013.79	Quảng Ngãi			
5484	78A-220.21	Phú Yên	7084	77A-359.55	Bình Định			
5485	78A-221.11	Phú Yên	7085	77B-041.33	Bình Định			
5486	78A-221.88	Phú Yên	7086	77C-262.62	Bình Định			
5487	78A-224.42	Phú Yên	7087	77D-008.09	Bình Định			
5488	78B-019.00	Phú Yên	7088	78A-216.79	Phú Yên			
5489	78B-019.88	Phú Yên	7089	78A-217.00	Phú Yên			
5490	78C-128.22	Phú Yên	7090	78A-222.02	Phú Yên			
5491	79A-570.55	Khánh Hòa	7091	78A-222.67	Phú Yên			
5492	79A-571.17	Khánh Hòa	7092	78A-223.33	Phú Yên			
5493	79A-576.86	Khánh Hòa	7093	78A-224.22	Phú Yên			
5494	79A-584.48	Khánh Hòa	7094	78A-225.52	Phú Yên			
5495	79A-590.88	Khánh Hòa	7095	78C-130.13	Phú Yên			
5496	79B-046.69	Khánh Hòa	7096	78D-008.68	Phú Yên			
5497	81A-453.45	Gia Lai	7097	79A-572.68	Khánh Hòa			



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5498	81A-456.39	Gia Lai	7098	79A-577.66	Khánh Hòa			
5499	81A-456.88	Gia Lai	7099	79A-577.75	Khánh Hòa			
5500	81A-458.59	Gia Lai	7100	79A-583.85	Khánh Hòa			
5501	81A-460.39	Gia Lai	7101	79A-587.79	Khánh Hòa			
5502	81A-467.86	Gia Lai	7102	79B-046.68	Khánh Hòa			
5503	81A-471.68	Gia Lai	7103	81A-453.79	Gia Lai			
5504	81B-028.20	Gia Lai	7104	81A-455.39	Gia Lai			
5505	81C-283.22	Gia Lai	7105	81A-460.33	Gia Lai			
5506	81C-285.66	Gia Lai	7106	81A-467.68	Gia Lai			
5507	81C-287.99	Gia Lai	7107	81A-469.64	Gia Lai			
5508	81C-290.88	Gia Lai	7108	81C-287.68	Gia Lai			
5509	81C-292.86	Gia Lai	7109	81C-289.77	Gia Lai			
5510	81C-295.29	Gia Lai	7110	81C-294.22	Gia Lai			
5511	81C-295.39	Gia Lai	7111	81D-013.89	Gia Lai			
5512	81C-296.88	Gia Lai	7112	82A-160.06	Kon Tum			
5513	81D-017.01	Gia Lai	7113	82B-021.89	Kon Tum			
5514	82A-162.86	Kon Tum	7114	82B-023.55	Kon Tum			
5515	82B-020.33	Kon Tum	7115	82C-097.33	Kon Tum			
5516	82D-014.11	Kon Tum	7116	83C-137.89	Sóc Trăng			
5517	82D-014.66	Kon Tum	7117	83D-008.89	Sóc Trăng			
5518	83A-195.69	Sóc Trăng	7118	84A-151.69	Trà Vinh			
5519	83A-198.33	Sóc Trăng	7119	84B-020.44	Trà Vinh			
5520	83A-198.44	Sóc Trăng	7120	84C-125.11	Trà Vinh			
5521	83C-135.33	Sóc Trăng	7121	84C-126.21	Trà Vinh			
5522	84A-147.74	Trà Vinh	7122	85A-146.99	Ninh Thuận			
5523	84A-150.68	Trà Vinh	7123	85A-150.11	Ninh Thuận			
5524	84B-022.02	Trà Vinh	7124	85C-085.08	Ninh Thuận			
5525	85A-147.86	Ninh Thuận	7125	86A-328.22	Bình Thuận			
5526	85A-149.94	Ninh Thuận	7126	86A-333.23	Bình Thuận			
5527	85A-151.52	Ninh Thuận	7127	86A-334.00	Bình Thuận			
5528	85B-014.55	Ninh Thuận	7128	88A-788.39	Vĩnh Phúc			
5529	85D-007.68	Ninh Thuận	7129	88A-791.97	Vĩnh Phúc			
5530	86A-321.21	Bình Thuận	7130	88A-792.33	Vĩnh Phúc			
5531	86A-323.44	Bình Thuận	7131	88A-792.88	Vĩnh Phúc			
5532	86A-324.39	Bình Thuận	7132	88A-795.44	Vĩnh Phúc			
5533	86A-327.72	Bình Thuận	7133	88A-800.11	Vĩnh Phúc			
5534	86C-212.86	Bình Thuận	7134	88A-803.80	Vĩnh Phúc			
5535	86C-213.86	Bình Thuận	7135	88A-808.08	Vĩnh Phúc			
5536	86D-008.68	Bình Thuận	7136	88A-808.86	Vĩnh Phúc			
5537	88A-811.44	Vĩnh Phúc	7137	88A-809.79	Vĩnh Phúc			
5538	88A-818.11	Vĩnh Phúc	7138	88A-814.44	Vĩnh Phúc			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5539	88A-819.22	Vĩnh Phúc	7139	88A-815.89	Vĩnh Phúc			
5540	88A-827.99	Vĩnh Phúc	7140	88A-816.44	Vĩnh Phúc			
5541	88C-312.13	Vĩnh Phúc	7141	88A-817.44	Vĩnh Phúc			
5542	88C-314.22	Vĩnh Phúc	7142	88A-822.33	Vĩnh Phúc			
5543	88C-315.51	Vĩnh Phúc	7143	88A-830.00	Vĩnh Phúc			
5544	88D-023.24	Vĩnh Phúc	7144	88B-022.00	Vĩnh Phúc			
5545	89A-542.33	Hưng Yên	7145	88B-022.55	Vĩnh Phúc			
5546	89A-547.44	Hưng Yên	7146	88B-025.39	Vĩnh Phúc			
5547	89A-563.64	Hưng Yên	7147	88C-316.33	Vĩnh Phúc			
5548	89B-026.86	Hưng Yên	7148	88C-325.88	Vĩnh Phúc			
5549	89C-357.86	Hưng Yên	7149	89A-534.66	Hưng Yên			
5550	89C-358.69	Hưng Yên	7150	89A-537.39	Hưng Yên			
5551	90B-013.77	Hà Nam	7151	89A-538.33	Hưng Yên			
5552	90C-155.22	Hà Nam	7152	89A-548.44	Hưng Yên			
5553	90C-155.56	Hà Nam	7153	89A-553.89	Hưng Yên			
5554	90D-012.33	Hà Nam	7154	89A-560.11	Hưng Yên			
5555	92A-434.39	Quảng Nam	7155	89A-563.36	Hưng Yên			
5556	92A-443.22	Quảng Nam	7156	89B-027.00	Hưng Yên			
5557	92A-443.39	Quảng Nam	7157	89B-028.02	Hưng Yên			
5558	92A-445.86	Quảng Nam	7158	89C-349.94	Hưng Yên			
5559	92A-446.55	Quảng Nam	7159	89C-353.79	Hưng Yên			
5560	92C-258.55	Quảng Nam	7160	89C-358.11	Hưng Yên			
5561	92C-264.88	Quảng Nam	7161	89C-360.44	Hưng Yên			
5562	92D-014.44	Quảng Nam	7162	89C-360.63	Hưng Yên			
5563	93A-505.39	Bình Phước	7163	89D-024.42	Hưng Yên			
5564	93A-514.22	Bình Phước	7164	90A-294.95	Hà Nam			
5565	93A-516.17	Bình Phước	7165	90A-296.00	Hà Nam			
5566	93A-522.23	Bình Phước	7166	90B-013.00	Hà Nam			
5567	93B-021.89	Bình Phước	7167	90C-158.89	Hà Nam			
5568	93C-203.11	Bình Phước	7168	90D-011.00	Hà Nam			
5569	93C-206.55	Bình Phước	7169	92B-039.96	Quảng Nam			
5570	93D-008.68	Bình Phước	7170	92C-259.52	Quảng Nam			
5571	94A-114.11	Bạc Liêu	7171	92D-012.68	Quảng Nam			
5572	94B-016.01	Bạc Liêu	7172	93A-505.88	Bình Phước			
5573	94B-016.79	Bạc Liêu	7173	93A-518.18	Bình Phước			
5574	94C-087.08	Bạc Liêu	7174	93A-520.21	Bình Phước			
5575	94D-007.79	Bạc Liêu	7175	93A-525.25	Bình Phước			
5576	95A-138.39	Hậu Giang	7176	93B-023.88	Bình Phước			
5577	95A-139.69	Hậu Giang	7177	93B-024.20	Bình Phước			
5578	95C-090.33	Hậu Giang	7178	93C-199.69	Bình Phước			
5579	95C-090.86	Hậu Giang	7179	93C-204.77	Bình Phước			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5580	95C-092.44	Hậu Giang	7180	93D-010.22	Bình Phước			
5581	97C-052.44	Bắc Kạn	7181	94A-110.33	Bạc Liêu			
5582	98A-861.44	Bắc Giang	7182	94B-017.01	Bạc Liêu			
5583	98A-863.64	Bắc Giang	7183	94C-085.22	Bạc Liêu			
5584	98A-883.89	Bắc Giang	7184	94C-087.55	Bạc Liêu			
5585	98A-884.77	Bắc Giang	7185	95A-136.63	Hậu Giang			
5586	98A-888.36	Bắc Giang	7186	95A-137.86	Hậu Giang			
5587	98A-891.68	Bắc Giang	7187	95C-092.33	Hậu Giang			
5588	98A-893.94	Bắc Giang	7188	95C-092.77	Hậu Giang			
5589	98A-894.98	Bắc Giang	7189	97C-052.99	Bắc Kạn			
5590	98A-896.11	Bắc Giang	7190	98A-859.66	Bắc Giang			
5591	98A-897.11	Bắc Giang	7191	98A-866.67	Bắc Giang			
5592	98A-908.09	Bắc Giang	7192	98A-870.39	Bắc Giang			
5593	98B-045.89	Bắc Giang	7193	98A-876.22	Bắc Giang			
5594	98C-377.99	Bắc Giang	7194	98A-876.44	Bắc Giang			
5595	98C-379.66	Bắc Giang	7195	98A-907.22	Bắc Giang			
5596	98C-384.89	Bắc Giang	7196	98A-911.00	Bắc Giang			
5597	98C-385.11	Bắc Giang	7197	98A-912.13	Bắc Giang			
5598	98C-387.89	Bắc Giang	7198	98A-912.33	Bắc Giang			
5599	98C-390.69	Bắc Giang	7199	98B-044.33	Bắc Giang			
5600	98C-395.11	Bắc Giang	7200	98C-375.99	Bắc Giang			
5601	98D-020.66	Bắc Giang	7201	98C-378.66	Bắc Giang			
5602	98D-022.44	Bắc Giang	7202	98C-378.68	Bắc Giang			
5603	99A-852.53	Bắc Ninh	7203	98C-379.39	Bắc Giang			
5604	99A-856.65	Bắc Ninh	7204	98C-383.00	Bắc Giang			
5605	99A-860.22	Bắc Ninh	7205	98C-383.44	Bắc Giang			
5606	99A-862.99	Bắc Ninh	7206	98C-384.86	Bắc Giang			
5607	99A-869.77	Bắc Ninh	7207	98C-385.79	Bắc Giang			
5608	99A-871.66	Bắc Ninh	7208	98D-021.69	Bắc Giang			
5609	99A-875.88	Bắc Ninh	7209	98D-022.99	Bắc Giang			
5610	99A-887.79	Bắc Ninh	7210	99A-856.88	Bắc Ninh			
5611	99A-891.88	Bắc Ninh	7211	99A-862.22	Bắc Ninh			
5612	99A-893.93	Bắc Ninh	7212	99A-871.86	Bắc Ninh			
5613	99A-895.11	Bắc Ninh	7213	99A-872.72	Bắc Ninh			
5614	99A-895.39	Bắc Ninh	7214	99A-879.22	Bắc Ninh			
5615	99A-896.44	Bắc Ninh	7215	99B-030.89	Bắc Ninh			
5616	99B-033.30	Bắc Ninh	7216	99B-034.00	Bắc Ninh			
5617	99C-330.31	Bắc Ninh	7217	99C-334.11	Bắc Ninh			
5618	99C-333.88	Bắc Ninh	7218	99C-335.69	Bắc Ninh			
5619	99C-334.69	Bắc Ninh	7219	99C-337.77	Bắc Ninh			
5620	99C-335.88	Bắc Ninh	7220	99D-025.22	Bắc Ninh			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5621	99C-341.33	Bắc Ninh	7221	99D-026.26	Bắc Ninh			
5622	99D-027.88	Bắc Ninh	7222	99D-026.79	Bắc Ninh			
5623	11A-136.95	Cao Bằng	7223	99D-028.11	Bắc Ninh			
5624	11A-137.95	Cao Bằng	7224	11A-136.35	Cao Bằng			
5625	11A-141.36	Cao Bằng	7225	11C-088.16	Cao Bằng			
5626	11C-088.35	Cao Bằng	7226	11C-089.35	Cao Bằng			
5627	11D-011.26	Cao Bằng	7227	11C-089.65	Cao Bằng			
5628	12A-268.16	Lạng Sơn	7228	11C-090.28	Cao Bằng			
5629	12B-017.96	Lạng Sơn	7229	11D-010.59	Cao Bằng			
5630	14A-991.96	Quảng Ninh	7230	12A-264.09	Lạng Sơn			
5631	14A-993.98	Quảng Ninh	7231	12A-266.15	Lạng Sơn			
5632	14B-053.28	Quảng Ninh	7232	12C-144.06	Lạng Sơn			
5633	14B-055.83	Quảng Ninh	7233	12D-008.15	Lạng Sơn			
5634	14C-449.38	Quảng Ninh	7234	12D-011.09	Lạng Sơn			
5635	14C-450.28	Quảng Ninh	7235	14A-993.36	Quảng Ninh			
5636	14C-453.19	Quảng Ninh	7236	14C-453.58	Quảng Ninh			
5637	14C-462.19	Quảng Ninh	7237	14C-454.29	Quảng Ninh			
5638	14C-469.15	Quảng Ninh	7238	14C-467.56	Quảng Ninh			
5639	14C-470.06	Quảng Ninh	7239	14C-470.56	Quảng Ninh			
5640	14D-030.85	Quảng Ninh	7240	14C-471.15	Quảng Ninh			
5641	14K-017.95	Quảng Ninh	7241	14C-471.29	Quảng Ninh			
5642	14K-018.58	Quảng Ninh	7242	14D-032.28	Quảng Ninh			
5643	14K-021.98	Quảng Ninh	7243	14D-032.95	Quảng Ninh			
5644	14K-036.19	Quảng Ninh	7244	14K-010.65	Quảng Ninh			
5645	14K-039.35	Quảng Ninh	7245	14K-018.15	Quảng Ninh			
5646	14K-043.65	Quảng Ninh	7246	14K-019.35	Quảng Ninh			
5647	15B-058.16	Hải Phòng	7247	14K-036.58	Quảng Ninh			
5648	15C-481.85	Hải Phòng	7248	14K-043.15	Quảng Ninh			
5649	15C-489.83	Hải Phòng	7249	14K-044.63	Quảng Ninh			
5650	15D-056.26	Hải Phòng	7250	14K-045.35	Quảng Ninh			
5651	15K-429.08	Hải Phòng	7251	15B-055.59	Hải Phòng			
5652	15K-431.35	Hải Phòng	7252	15C-489.06	Hải Phòng			
5653	15K-431.36	Hải Phòng	7253	15C-490.36	Hải Phòng			
5654	15K-443.58	Hải Phòng	7254	15D-052.95	Hải Phòng			
5655	15K-448.36	Hải Phòng	7255	15D-055.09	Hải Phòng			
5656	15K-453.63	Hải Phòng	7256	15K-429.58	Hải Phòng			
5657	15K-454.85	Hải Phòng	7257	15K-445.63	Hải Phòng			
5658	15K-460.15	Hải Phòng	7258	15K-447.29	Hải Phòng			
5659	15K-461.83	Hải Phòng	7259	15K-460.36	Hải Phòng			
5660	15K-464.08	Hải Phòng	7260	15K-464.15	Hải Phòng			
5661	15K-466.29	Hải Phòng	7261	15K-468.58	Hải Phòng			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5662	15K-473.85	Hải Phòng	7262	15K-470.29	Hải Phòng			
5663	15K-479.35	Hải Phòng	7263	15K-472.29	Hải Phòng			
5664	15K-485.65	Hải Phòng	7264	15K-477.35	Hải Phòng			
5665	15K-485.95	Hải Phòng	7265	15K-486.95	Hải Phòng			
5666	15K-486.96	Hải Phòng	7266	15K-498.09	Hải Phòng			
5667	15K-488.18	Hải Phòng	7267	15K-504.38	Hải Phòng			
5668	15K-496.09	Hải Phòng	7268	15K-506.38	Hải Phòng			
5669	15K-497.36	Hải Phòng	7269	17A-501.26	Thái Bình			
5670	15K-499.59	Hải Phòng	7270	17A-507.38	Thái Bình			
5671	15K-508.58	Hải Phòng	7271	17A-511.65	Thái Bình			
5672	15K-512.96	Hải Phòng	7272	17B-029.08	Thái Bình			
5673	15K-513.38	Hải Phòng	7273	17B-032.95	Thái Bình			
5674	17A-497.06	Thái Bình	7274	17D-014.63	Thái Bình			
5675	17A-504.26	Thái Bình	7275	18A-491.96	Nam Định			
5676	17A-505.15	Thái Bình	7276	18A-500.18	Nam Định			
5677	17A-510.16	Thái Bình	7277	18A-502.85	Nam Định			
5678	17B-029.36	Thái Bình	7278	18A-510.16	Nam Định			
5679	17B-029.38	Thái Bình	7279	18A-510.83	Nam Định			
5680	17C-215.56	Thái Bình	7280	18A-511.96	Nam Định			
5681	17C-218.26	Thái Bình	7281	18B-031.08	Nam Định			
5682	17D-014.09	Thái Bình	7282	18C-176.29	Nam Định			
5683	18A-490.56	Nam Định	7283	18C-178.25	Nam Định			
5684	18A-493.16	Nam Định	7284	18C-180.19	Nam Định			
5685	18A-496.59	Nam Định	7285	18C-181.19	Nam Định			
5686	18A-498.63	Nam Định	7286	19A-717.95	Phú Thọ			
5687	18A-499.16	Nam Định	7287	19A-726.63	Phú Thọ			
5688	18A-503.28	Nam Định	7288	19A-739.15	Phú Thọ			
5689	18A-509.59	Nam Định	7289	19A-739.28	Phú Thọ			
5690	18C-174.63	Nam Định	7290	19A-740.28	Phú Thọ			
5691	18C-182.08	Nam Định	7291	19A-747.06	Phú Thọ			
5692	19A-719.83	Phú Thọ	7292	19A-748.06	Phú Thọ			
5693	19A-726.59	Phú Thọ	7293	19A-750.15	Phú Thọ			
5694	19A-729.85	Phú Thọ	7294	19B-031.58	Phú Thọ			
5695	19A-732.56	Phú Thọ	7295	19C-265.96	Phú Thọ			
5696	19A-734.83	Phú Thọ	7296	19C-274.85	Phú Thọ			
5697	19A-738.56	Phú Thọ	7297	19C-276.29	Phú Thọ			
5698	19A-752.98	Phú Thọ	7298	19D-021.28	Phú Thọ			
5699	19A-756.38	Phú Thọ	7299	19D-021.63	Phú Thọ			
5700	19B-030.38	Phú Thọ	7300	20A-866.56	Thái Nguyên			
5701	19C-267.29	Phú Thọ	7301	20A-870.85	Thái Nguyên			
5702	19C-277.58	Phú Thọ	7302	20A-873.59	Thái Nguyên			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5703	20A-863.06	Thái Nguyên	7303	20A-874.59	Thái Nguyên			
5704	20A-866.26	Thái Nguyên	7304	20A-875.09	Thái Nguyên			
5705	20A-875.25	Thái Nguyên	7305	20A-877.28	Thái Nguyên			
5706	20A-875.35	Thái Nguyên	7306	20A-878.25	Thái Nguyên			
5707	20A-877.19	Thái Nguyên	7307	20A-884.06	Thái Nguyên			
5708	20A-885.36	Thái Nguyên	7308	20A-890.35	Thái Nguyên			
5709	20A-886.83	Thái Nguyên	7309	20A-890.83	Thái Nguyên			
5710	20A-891.35	Thái Nguyên	7310	20A-894.38	Thái Nguyên			
5711	20A-895.06	Thái Nguyên	7311	20A-895.08	Thái Nguyên			
5712	20A-895.09	Thái Nguyên	7312	20A-895.65	Thái Nguyên			
5713	20A-900.35	Thái Nguyên	7313	20C-314.18	Thái Nguyên			
5714	20A-904.59	Thái Nguyên	7314	20D-034.63	Thái Nguyên			
5715	20B-038.29	Thái Nguyên	7315	20D-035.08	Thái Nguyên			
5716	20C-319.65	Thái Nguyên	7316	21A-221.96	Yên Bái			
5717	21A-226.59	Yên Bái	7317	21A-228.63	Yên Bái			
5718	21C-113.83	Yên Bái	7318	21C-113.08	Yên Bái			
5719	21C-114.29	Yên Bái	7319	22A-275.26	Tuyên Quang			
5720	22A-276.15	Tuyên Quang	7320	22A-276.18	Tuyên Quang			
5721	22C-113.58	Tuyên Quang	7321	22A-278.09	Tuyên Quang			
5722	22C-117.28	Tuyên Quang	7322	22A-278.83	Tuyên Quang			
5723	23B-014.19	Hà Giang	7323	22B-016.15	Tuyên Quang			
5724	23D-010.63	Hà Giang	7324	22C-114.18	Tuyên Quang			
5725	24A-317.59	Lào Cai	7325	22C-116.58	Tuyên Quang			
5726	24A-322.16	Lào Cai	7326	22D-012.15	Tuyên Quang			
5727	24A-325.08	Lào Cai	7327	22D-012.19	Tuyên Quang			
5728	25A-086.28	Lai Châu	7328	23A-168.96	Hà Giang			
5729	25A-088.19	Lai Châu	7329	23A-171.15	Hà Giang			
5730	25B-010.38	Lai Châu	7330	23B-013.85	Hà Giang			
5731	25C-061.35	Lai Châu	7331	23C-090.19	Hà Giang			
5732	25C-062.98	Lai Châu	7332	23C-090.35	Hà Giang			
5733	25D-007.19	Lai Châu	7333	23C-091.16	Hà Giang			
5734	25D-008.98	Lai Châu	7334	23D-007.58	Hà Giang			
5735	26A-244.98	Sơn La	7335	23D-009.29	Hà Giang			
5736	26C-164.35	Sơn La	7336	23D-011.28	Hà Giang			
5737	26D-014.16	Sơn La	7337	24A-317.85	Lào Cai			
5738	27A-130.59	Điện Biên	7338	24A-319.85	Lào Cai			
5739	27B-014.19	Điện Biên	7339	24B-021.25	Lào Cai			
5740	27C-075.26	Điện Biên	7340	24C-171.58	Lào Cai			
5741	28A-263.09	Hòa Bình	7341	25B-007.83	Lai Châu			
5742	28A-268.18	Hòa Bình	7342	25B-008.25	Lai Châu			
5743	28A-271.95	Hòa Bình	7343	26A-237.56	Sơn La			

T. PH
 NH
 IÁ
 T. PH

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5744	28B-020.38	Hòa Bình	7344	26A-239.56	Sơn La			
5745	28D-014.59	Hòa Bình	7345	26B-021.63	Sơn La			
5746	28D-014.63	Hòa Bình	7346	26B-022.83	Sơn La			
5747	29B-659.36	Hà Nội	7347	26C-163.96	Sơn La			
5748	29B-662.35	Hà Nội	7348	26C-166.08	Sơn La			
5749	29D-633.56	Hà Nội	7349	26C-167.56	Sơn La			
5750	29K-326.15	Hà Nội	7350	26D-014.06	Sơn La			
5751	29K-329.65	Hà Nội	7351	26D-016.38	Sơn La			
5752	29K-350.16	Hà Nội	7352	27A-129.26	Điện Biên			
5753	29K-354.25	Hà Nội	7353	27A-133.35	Điện Biên			
5754	29K-361.26	Hà Nội	7354	27A-135.83	Điện Biên			
5755	29K-364.58	Hà Nội	7355	28A-260.09	Hòa Bình			
5756	29K-372.09	Hà Nội	7356	28A-268.16	Hòa Bình			
5757	29K-375.28	Hà Nội	7357	28B-019.15	Hòa Bình			
5758	29K-384.56	Hà Nội	7358	28C-122.16	Hòa Bình			
5759	29K-392.19	Hà Nội	7359	28C-123.96	Hòa Bình			
5760	29K-395.08	Hà Nội	7360	28D-013.95	Hòa Bình			
5761	29K-396.09	Hà Nội	7361	29B-661.18	Hà Nội			
5762	29K-402.98	Hà Nội	7362	29D-629.28	Hà Nội			
5763	29K-404.08	Hà Nội	7363	29D-635.29	Hà Nội			
5764	29K-417.56	Hà Nội	7364	29D-635.98	Hà Nội			
5765	29K-430.96	Hà Nội	7365	29D-636.35	Hà Nội			
5766	29K-431.96	Hà Nội	7366	29K-332.36	Hà Nội			
5767	29K-443.58	Hà Nội	7367	29K-334.16	Hà Nội			
5768	29K-447.15	Hà Nội	7368	29K-335.38	Hà Nội			
5769	29K-447.98	Hà Nội	7369	29K-338.36	Hà Nội			
5770	29K-450.08	Hà Nội	7370	29K-341.59	Hà Nội			
5771	29K-453.83	Hà Nội	7371	29K-345.26	Hà Nội			
5772	29K-454.19	Hà Nội	7372	29K-349.85	Hà Nội			
5773	29K-457.26	Hà Nội	7373	29K-370.59	Hà Nội			
5774	30M-035.06	Hà Nội	7374	29K-376.63	Hà Nội			
5775	30M-051.35	Hà Nội	7375	29K-389.63	Hà Nội			
5776	30M-054.18	Hà Nội	7376	29K-394.19	Hà Nội			
5777	30M-059.98	Hà Nội	7377	29K-398.56	Hà Nội			
5778	30M-060.65	Hà Nội	7378	29K-417.83	Hà Nội			
5779	30M-068.15	Hà Nội	7379	29K-419.08	Hà Nội			
5780	30M-088.59	Hà Nội	7380	29K-421.96	Hà Nội			
5781	30M-088.63	Hà Nội	7381	29K-422.65	Hà Nội			
5782	30M-094.16	Hà Nội	7382	29K-426.58	Hà Nội			
5783	30M-096.06	Hà Nội	7383	29K-436.06	Hà Nội			
5784	30M-100.63	Hà Nội	7384	29K-436.85	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5785	30M-106.98	Hà Nội	7385	29K-437.59	Hà Nội			
5786	30M-109.16	Hà Nội	7386	29K-447.83	Hà Nội			
5787	30M-119.15	Hà Nội	7387	29K-459.09	Hà Nội			
5788	30M-123.63	Hà Nội	7388	29K-467.56	Hà Nội			
5789	30M-130.63	Hà Nội	7389	30M-037.09	Hà Nội			
5790	30M-132.25	Hà Nội	7390	30M-038.18	Hà Nội			
5791	30M-148.63	Hà Nội	7391	30M-049.19	Hà Nội			
5792	30M-157.65	Hà Nội	7392	30M-052.19	Hà Nội			
5793	30M-165.18	Hà Nội	7393	30M-052.26	Hà Nội			
5794	30M-165.58	Hà Nội	7394	30M-059.28	Hà Nội			
5795	30M-170.58	Hà Nội	7395	30M-061.95	Hà Nội			
5796	30M-171.85	Hà Nội	7396	30M-067.65	Hà Nội			
5797	30M-175.58	Hà Nội	7397	30M-080.58	Hà Nội			
5798	30M-182.98	Hà Nội	7398	30M-080.63	Hà Nội			
5799	30M-185.96	Hà Nội	7399	30M-090.38	Hà Nội			
5800	30M-188.16	Hà Nội	7400	30M-093.56	Hà Nội			
5801	30M-191.25	Hà Nội	7401	30M-101.06	Hà Nội			
5802	30M-198.26	Hà Nội	7402	30M-105.25	Hà Nội			
5803	30M-203.29	Hà Nội	7403	30M-106.58	Hà Nội			
5804	30M-206.96	Hà Nội	7404	30M-107.29	Hà Nội			
5805	30M-212.29	Hà Nội	7405	30M-110.16	Hà Nội			
5806	30M-213.29	Hà Nội	7406	30M-112.29	Hà Nội			
5807	30M-214.26	Hà Nội	7407	30M-118.15	Hà Nội			
5808	30M-217.29	Hà Nội	7408	30M-120.59	Hà Nội			
5809	30M-220.25	Hà Nội	7409	30M-124.58	Hà Nội			
5810	30M-221.36	Hà Nội	7410	30M-133.36	Hà Nội			
5811	30M-225.58	Hà Nội	7411	30M-136.56	Hà Nội			
5812	30M-225.96	Hà Nội	7412	30M-137.65	Hà Nội			
5813	30M-252.26	Hà Nội	7413	30M-144.16	Hà Nội			
5814	30M-265.18	Hà Nội	7414	30M-144.83	Hà Nội			
5815	30M-278.25	Hà Nội	7415	30M-148.38	Hà Nội			
5816	30M-278.28	Hà Nội	7416	30M-151.28	Hà Nội			
5817	30M-280.26	Hà Nội	7417	30M-154.63	Hà Nội			
5818	30M-281.56	Hà Nội	7418	30M-155.58	Hà Nội			
5819	30M-282.25	Hà Nội	7419	30M-156.63	Hà Nội			
5820	30M-284.83	Hà Nội	7420	30M-169.25	Hà Nội			
5821	30M-290.36	Hà Nội	7421	30M-170.19	Hà Nội			
5822	30M-290.85	Hà Nội	7422	30M-181.95	Hà Nội			
5823	30M-293.96	Hà Nội	7423	30M-184.83	Hà Nội			
5824	30M-296.65	Hà Nội	7424	30M-192.58	Hà Nội			
5825	30M-304.09	Hà Nội	7425	30M-193.18	Hà Nội			

...Đ
 CÔ
 ĐÃ
 HỢI
 VIỆ
 NH X

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5826	30M-314.35	Hà Nội	7426	30M-201.18	Hà Nội			
5827	30M-316.83	Hà Nội	7427	30M-203.65	Hà Nội			
5828	30M-317.59	Hà Nội	7428	30M-205.19	Hà Nội			
5829	30M-322.83	Hà Nội	7429	30M-206.65	Hà Nội			
5830	30M-324.09	Hà Nội	7430	30M-208.06	Hà Nội			
5831	30M-327.19	Hà Nội	7431	30M-211.85	Hà Nội			
5832	30M-335.56	Hà Nội	7432	30M-212.25	Hà Nội			
5833	30M-340.15	Hà Nội	7433	30M-214.58	Hà Nội			
5834	30M-340.65	Hà Nội	7434	30M-214.65	Hà Nội			
5835	30M-347.38	Hà Nội	7435	30M-217.08	Hà Nội			
5836	30M-356.06	Hà Nội	7436	30M-231.38	Hà Nội			
5837	30M-356.63	Hà Nội	7437	30M-232.63	Hà Nội			
5838	30M-358.98	Hà Nội	7438	30M-234.36	Hà Nội			
5839	30M-370.63	Hà Nội	7439	30M-244.29	Hà Nội			
5840	30M-379.16	Hà Nội	7440	30M-245.25	Hà Nội			
5841	30M-381.06	Hà Nội	7441	30M-248.63	Hà Nội			
5842	30M-390.06	Hà Nội	7442	30M-254.08	Hà Nội			
5843	30M-393.85	Hà Nội	7443	30M-254.83	Hà Nội			
5844	30M-394.16	Hà Nội	7444	30M-258.16	Hà Nội			
5845	30M-398.06	Hà Nội	7445	30M-261.08	Hà Nội			
5846	30M-401.35	Hà Nội	7446	30M-265.98	Hà Nội			
5847	30M-403.98	Hà Nội	7447	30M-267.35	Hà Nội			
5848	30M-407.16	Hà Nội	7448	30M-269.19	Hà Nội			
5849	30M-410.18	Hà Nội	7449	30M-269.56	Hà Nội			
5850	30M-414.36	Hà Nội	7450	30M-271.15	Hà Nội			
5851	30M-415.26	Hà Nội	7451	30M-273.26	Hà Nội			
5852	30M-418.36	Hà Nội	7452	30M-273.98	Hà Nội			
5853	30M-419.59	Hà Nội	7453	30M-278.85	Hà Nội			
5854	30M-419.85	Hà Nội	7454	30M-283.96	Hà Nội			
5855	30M-420.56	Hà Nội	7455	30M-286.09	Hà Nội			
5856	34A-927.98	Hải Dương	7456	30M-286.59	Hà Nội			
5857	34A-936.29	Hải Dương	7457	30M-289.29	Hà Nội			
5858	34A-940.29	Hải Dương	7458	30M-294.96	Hà Nội			
5859	34A-940.63	Hải Dương	7459	30M-301.26	Hà Nội			
5860	34A-944.63	Hải Dương	7460	30M-302.85	Hà Nội			
5861	34A-947.16	Hải Dương	7461	30M-318.16	Hà Nội			
5862	34A-957.38	Hải Dương	7462	30M-326.38	Hà Nội			
5863	34A-960.38	Hải Dương	7463	30M-332.83	Hà Nội			
5864	34A-964.19	Hải Dương	7464	30M-333.85	Hà Nội			
5865	34A-972.08	Hải Dương	7465	30M-339.98	Hà Nội			
5866	34A-976.63	Hải Dương	7466	30M-342.16	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5867	34C-435.25	Hải Dương	7467	30M-357.26	Hà Nội			
5868	34C-437.09	Hải Dương	7468	30M-367.85	Hà Nội			
5869	34C-441.83	Hải Dương	7469	30M-372.85	Hà Nội			
5870	34C-443.36	Hải Dương	7470	30M-378.58	Hà Nội			
5871	34C-452.83	Hải Dương	7471	30M-386.15	Hà Nội			
5872	34D-041.95	Hải Dương	7472	30M-387.18	Hà Nội			
5873	35A-465.83	Ninh Bình	7473	30M-405.96	Hà Nội			
5874	35A-472.16	Ninh Bình	7474	30M-406.15	Hà Nội			
5875	35A-474.83	Ninh Bình	7475	30M-407.29	Hà Nội			
5876	35A-476.36	Ninh Bình	7476	30M-407.65	Hà Nội			
5877	35A-481.08	Ninh Bình	7477	30M-411.28	Hà Nội			
5878	35D-019.25	Ninh Bình	7478	34A-923.09	Hải Dương			
5879	36B-050.09	Thanh Hóa	7479	34A-929.28	Hải Dương			
5880	36B-050.85	Thanh Hóa	7480	34A-935.15	Hải Dương			
5881	36C-550.09	Thanh Hóa	7481	34A-936.56	Hải Dương			
5882	36C-556.38	Thanh Hóa	7482	34A-938.26	Hải Dương			
5883	36C-562.38	Thanh Hóa	7483	34A-955.19	Hải Dương			
5884	36C-574.63	Thanh Hóa	7484	34A-959.06	Hải Dương			
5885	36C-576.06	Thanh Hóa	7485	34A-963.83	Hải Dương			
5886	36C-578.36	Thanh Hóa	7486	34B-043.25	Hải Dương			
5887	36C-579.06	Thanh Hóa	7487	34B-045.29	Hải Dương			
5888	36C-579.16	Thanh Hóa	7488	34C-433.15	Hải Dương			
5889	36C-581.38	Thanh Hóa	7489	34C-440.19	Hải Dương			
5890	36K-230.08	Thanh Hóa	7490	34C-444.85	Hải Dương			
5891	36K-234.63	Thanh Hóa	7491	34C-445.25	Hải Dương			
5892	36K-238.26	Thanh Hóa	7492	34C-448.09	Hải Dương			
5893	36K-240.63	Thanh Hóa	7493	34C-449.25	Hải Dương			
5894	36K-241.85	Thanh Hóa	7494	34C-451.19	Hải Dương			
5895	36K-245.15	Thanh Hóa	7495	34D-039.15	Hải Dương			
5896	36K-254.09	Thanh Hóa	7496	35A-464.19	Ninh Bình			
5897	36K-255.98	Thanh Hóa	7497	35A-478.65	Ninh Bình			
5898	36K-267.36	Thanh Hóa	7498	35A-484.29	Ninh Bình			
5899	36K-271.85	Thanh Hóa	7499	35B-025.38	Ninh Bình			
5900	36K-277.15	Thanh Hóa	7500	35C-181.06	Ninh Bình			
5901	36K-282.26	Thanh Hóa	7501	35C-183.95	Ninh Bình			
5902	36K-298.35	Thanh Hóa	7502	36B-047.09	Thanh Hóa			
5903	36K-301.35	Thanh Hóa	7503	36C-548.56	Thanh Hóa			
5904	37C-568.95	Nghệ An	7504	36C-552.28	Thanh Hóa			
5905	37C-569.25	Nghệ An	7505	36C-557.28	Thanh Hóa			
5906	37C-570.98	Nghệ An	7506	36C-561.59	Thanh Hóa			
5907	37C-574.09	Nghệ An	7507	36C-566.08	Thanh Hóa			

Y
Á
VH
1M
T.P

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5908	37D-048.63	Nghệ An	7508	36C-568.38	Thanh Hóa			
5909	37K-484.63	Nghệ An	7509	36C-569.95	Thanh Hóa			
5910	37K-485.38	Nghệ An	7510	36C-573.65	Thanh Hóa			
5911	37K-492.95	Nghệ An	7511	36K-231.96	Thanh Hóa			
5912	37K-502.06	Nghệ An	7512	36K-234.36	Thanh Hóa			
5913	37K-503.83	Nghệ An	7513	36K-243.56	Thanh Hóa			
5914	37K-504.36	Nghệ An	7514	36K-243.63	Thanh Hóa			
5915	37K-511.08	Nghệ An	7515	36K-245.85	Thanh Hóa			
5916	37K-515.95	Nghệ An	7516	36K-250.06	Thanh Hóa			
5917	37K-525.06	Nghệ An	7517	36K-260.19	Thanh Hóa			
5918	37K-528.36	Nghệ An	7518	36K-273.08	Thanh Hóa			
5919	37K-530.25	Nghệ An	7519	36K-279.09	Thanh Hóa			
5920	37K-532.15	Nghệ An	7520	36K-280.26	Thanh Hóa			
5921	37K-533.58	Nghệ An	7521	36K-289.35	Thanh Hóa			
5922	37K-534.65	Nghệ An	7522	36K-291.95	Thanh Hóa			
5923	37K-538.16	Nghệ An	7523	36K-302.26	Thanh Hóa			
5924	37K-540.25	Nghệ An	7524	36K-302.35	Thanh Hóa			
5925	37K-541.06	Nghệ An	7525	36K-305.26	Thanh Hóa			
5926	37K-547.85	Nghệ An	7526	37B-048.06	Nghệ An			
5927	37K-553.58	Nghệ An	7527	37C-570.59	Nghệ An			
5928	37K-559.85	Nghệ An	7528	37C-584.96	Nghệ An			
5929	37K-564.95	Nghệ An	7529	37C-588.38	Nghệ An			
5930	37K-570.59	Nghệ An	7530	37C-595.28	Nghệ An			
5931	38A-681.28	Hà Tĩnh	7531	37D-047.06	Nghệ An			
5932	38A-681.63	Hà Tĩnh	7532	37D-047.59	Nghệ An			
5933	38A-686.16	Hà Tĩnh	7533	37D-050.65	Nghệ An			
5934	38A-689.59	Hà Tĩnh	7534	37K-485.26	Nghệ An			
5935	38A-699.35	Hà Tĩnh	7535	37K-491.18	Nghệ An			
5936	38A-700.96	Hà Tĩnh	7536	37K-493.28	Nghệ An			
5937	38A-702.58	Hà Tĩnh	7537	37K-494.85	Nghệ An			
5938	38A-706.96	Hà Tĩnh	7538	37K-494.96	Nghệ An			
5939	43A-942.09	Đà Nẵng	7539	37K-497.83	Nghệ An			
5940	43A-948.18	Đà Nẵng	7540	37K-511.56	Nghệ An			
5941	43A-948.29	Đà Nẵng	7541	37K-513.83	Nghệ An			
5942	43A-948.35	Đà Nẵng	7542	37K-517.98	Nghệ An			
5943	43A-950.15	Đà Nẵng	7543	37K-520.28	Nghệ An			
5944	43A-950.19	Đà Nẵng	7544	37K-532.56	Nghệ An			
5945	43A-957.28	Đà Nẵng	7545	37K-534.38	Nghệ An			
5946	43A-961.65	Đà Nẵng	7546	37K-535.83	Nghệ An			
5947	43A-969.19	Đà Nẵng	7547	37K-538.06	Nghệ An			
5948	43A-975.18	Đà Nẵng	7548	37K-541.28	Nghệ An			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5949	43A-979.08	Đà Nẵng	7549	37K-542.65	Nghệ An			
5950	43A-980.65	Đà Nẵng	7550	37K-544.19	Nghệ An			
5951	43B-065.38	Đà Nẵng	7551	37K-545.83	Nghệ An			
5952	43C-318.58	Đà Nẵng	7552	37K-547.25	Nghệ An			
5953	43D-013.18	Đà Nẵng	7553	37K-552.56	Nghệ An			
5954	47A-814.59	Đắk Lắk	7554	37K-554.96	Nghệ An			
5955	47A-814.95	Đắk Lắk	7555	37K-559.98	Nghệ An			
5956	47A-823.85	Đắk Lắk	7556	37K-560.16	Nghệ An			
5957	47A-824.58	Đắk Lắk	7557	37K-560.26	Nghệ An			
5958	47A-825.56	Đắk Lắk	7558	37K-564.09	Nghệ An			
5959	47A-826.96	Đắk Lắk	7559	37K-570.36	Nghệ An			
5960	47A-827.15	Đắk Lắk	7560	37K-573.35	Nghệ An			
5961	47A-827.25	Đắk Lắk	7561	37K-574.38	Nghệ An			
5962	47A-836.98	Đắk Lắk	7562	38A-684.38	Hà Tĩnh			
5963	47A-854.25	Đắk Lắk	7563	38A-691.08	Hà Tĩnh			
5964	47B-045.09	Đắk Lắk	7564	38A-691.28	Hà Tĩnh			
5965	47C-398.15	Đắk Lắk	7565	38A-697.83	Hà Tĩnh			
5966	47C-404.38	Đắk Lắk	7566	38A-703.19	Hà Tĩnh			
5967	47C-415.56	Đắk Lắk	7567	38A-705.95	Hà Tĩnh			
5968	47C-415.59	Đắk Lắk	7568	38C-243.28	Hà Tĩnh			
5969	47C-415.63	Đắk Lắk	7569	38C-250.09	Hà Tĩnh			
5970	47C-416.59	Đắk Lắk	7570	38C-254.36	Hà Tĩnh			
5971	47C-419.59	Đắk Lắk	7571	38C-254.38	Hà Tĩnh			
5972	47D-025.09	Đắk Lắk	7572	38D-020.15	Hà Tĩnh			
5973	48A-253.16	Đắk Nông	7573	38D-023.98	Hà Tĩnh			
5974	48A-257.85	Đắk Nông	7574	43A-943.63	Đà Nẵng			
5975	48B-014.58	Đắk Nông	7575	43A-945.65	Đà Nẵng			
5976	48B-015.25	Đắk Nông	7576	43A-947.38	Đà Nẵng			
5977	48C-119.15	Đắk Nông	7577	43A-965.63	Đà Nẵng			
5978	48D-008.28	Đắk Nông	7578	43A-970.38	Đà Nẵng			
5979	49A-748.59	Lâm Đồng	7579	43A-974.18	Đà Nẵng			
5980	49A-756.35	Lâm Đồng	7580	43A-977.18	Đà Nẵng			
5981	49A-757.29	Lâm Đồng	7581	43A-980.58	Đà Nẵng			
5982	49A-766.85	Lâm Đồng	7582	43C-316.63	Đà Nẵng			
5983	49A-768.85	Lâm Đồng	7583	43C-317.65	Đà Nẵng			
5984	49A-769.95	Lâm Đồng	7584	43D-013.83	Đà Nẵng			
5985	49A-770.96	Lâm Đồng	7585	43D-015.59	Đà Nẵng			
5986	49A-776.16	Lâm Đồng	7586	47A-822.95	Đắk Lắk			
5987	49A-780.95	Lâm Đồng	7587	47A-825.85	Đắk Lắk			
5988	49B-032.08	Lâm Đồng	7588	47A-828.83	Đắk Lắk			
5989	49C-384.59	Lâm Đồng	7589	47A-832.59	Đắk Lắk			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5990	49C-387.98	Lâm Đồng	7590	47A-833.16	Đắk Lắk			
5991	49C-389.28	Lâm Đồng	7591	47A-848.08	Đắk Lắk			
5992	49C-390.28	Lâm Đồng	7592	47A-856.63	Đắk Lắk			
5993	49C-392.96	Lâm Đồng	7593	47A-858.28	Đắk Lắk			
5994	51E-342.09	Hồ Chí Minh	7594	47A-862.36	Đắk Lắk			
5995	51E-350.18	Hồ Chí Minh	7595	47A-862.58	Đắk Lắk			
5996	51E-351.58	Hồ Chí Minh	7596	47C-404.26	Đắk Lắk			
5997	51E-354.29	Hồ Chí Minh	7597	47C-407.28	Đắk Lắk			
5998	51L-898.28	Hồ Chí Minh	7598	47C-419.36	Đắk Lắk			
5999	51L-900.85	Hồ Chí Minh	7599	47C-420.85	Đắk Lắk			
6000	51L-903.15	Hồ Chí Minh	7600	47C-421.09	Đắk Lắk			
6001	51L-914.95	Hồ Chí Minh	7601	47D-020.28	Đắk Lắk			
6002	51L-918.09	Hồ Chí Minh	7602	47D-022.36	Đắk Lắk			
6003	51L-921.95	Hồ Chí Minh	7603	48A-250.28	Đắk Nông			
6004	51L-924.08	Hồ Chí Minh	7604	48A-253.29	Đắk Nông			
6005	51L-929.08	Hồ Chí Minh	7605	48A-254.15	Đắk Nông			
6006	51L-929.16	Hồ Chí Minh	7606	48B-016.56	Đắk Nông			
6007	51L-930.18	Hồ Chí Minh	7607	48D-006.96	Đắk Nông			
6008	51L-941.08	Hồ Chí Minh	7608	49A-746.95	Lâm Đồng			
6009	51L-942.15	Hồ Chí Minh	7609	49A-754.26	Lâm Đồng			
6010	51L-945.83	Hồ Chí Minh	7610	49A-756.28	Lâm Đồng			
6011	51L-953.96	Hồ Chí Minh	7611	49A-760.96	Lâm Đồng			
6012	51L-961.59	Hồ Chí Minh	7612	49A-769.15	Lâm Đồng			
6013	51L-967.38	Hồ Chí Minh	7613	49A-771.58	Lâm Đồng			
6014	51L-969.09	Hồ Chí Minh	7614	49A-776.29	Lâm Đồng			
6015	51L-969.65	Hồ Chí Minh	7615	49A-781.28	Lâm Đồng			
6016	51L-970.29	Hồ Chí Minh	7616	49B-033.06	Lâm Đồng			
6017	51L-983.59	Hồ Chí Minh	7617	49B-033.16	Lâm Đồng			
6018	51L-988.26	Hồ Chí Minh	7618	49C-383.58	Lâm Đồng			
6019	51L-989.19	Hồ Chí Minh	7619	49C-391.98	Lâm Đồng			
6020	51M-054.35	Hồ Chí Minh	7620	49C-397.29	Lâm Đồng			
6021	51M-058.29	Hồ Chí Minh	7621	49C-400.26	Lâm Đồng			
6022	51M-065.58	Hồ Chí Minh	7622	49D-017.19	Lâm Đồng			
6023	51M-073.95	Hồ Chí Minh	7623	51E-346.59	Hồ Chí Minh			
6024	51M-087.19	Hồ Chí Minh	7624	51E-350.36	Hồ Chí Minh			
6025	51M-094.56	Hồ Chí Minh	7625	51E-353.85	Hồ Chí Minh			
6026	51M-100.59	Hồ Chí Minh	7626	51E-354.28	Hồ Chí Minh			
6027	51M-104.38	Hồ Chí Minh	7627	51L-913.28	Hồ Chí Minh			
6028	51M-121.56	Hồ Chí Minh	7628	51L-920.56	Hồ Chí Minh			
6029	51M-124.26	Hồ Chí Minh	7629	51L-921.85	Hồ Chí Minh			
6030	51M-126.29	Hồ Chí Minh	7630	51L-924.19	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6031	51M-134.08	Hồ Chí Minh	7631	51L-927.85	Hồ Chí Minh			
6032	51M-140.26	Hồ Chí Minh	7632	51L-931.96	Hồ Chí Minh			
6033	51M-158.28	Hồ Chí Minh	7633	51L-934.36	Hồ Chí Minh			
6034	51M-167.85	Hồ Chí Minh	7634	51L-937.98	Hồ Chí Minh			
6035	51M-170.08	Hồ Chí Minh	7635	51L-941.19	Hồ Chí Minh			
6036	51M-170.16	Hồ Chí Minh	7636	51L-961.15	Hồ Chí Minh			
6037	51M-171.83	Hồ Chí Minh	7637	51L-965.35	Hồ Chí Minh			
6038	51M-172.29	Hồ Chí Minh	7638	51L-968.26	Hồ Chí Minh			
6039	51M-172.56	Hồ Chí Minh	7639	51L-970.38	Hồ Chí Minh			
6040	51M-176.15	Hồ Chí Minh	7640	51L-970.59	Hồ Chí Minh			
6041	51M-177.36	Hồ Chí Minh	7641	51L-971.63	Hồ Chí Minh			
6042	51M-193.28	Hồ Chí Minh	7642	51L-979.08	Hồ Chí Minh			
6043	51M-194.65	Hồ Chí Minh	7643	51L-986.35	Hồ Chí Minh			
6044	51M-204.65	Hồ Chí Minh	7644	51L-988.25	Hồ Chí Minh			
6045	51M-206.59	Hồ Chí Minh	7645	51L-989.16	Hồ Chí Minh			
6046	51M-208.59	Hồ Chí Minh	7646	51M-056.19	Hồ Chí Minh			
6047	51M-213.36	Hồ Chí Minh	7647	51M-064.36	Hồ Chí Minh			
6048	51M-216.35	Hồ Chí Minh	7648	51M-071.96	Hồ Chí Minh			
6049	51M-222.63	Hồ Chí Minh	7649	51M-073.26	Hồ Chí Minh			
6050	51M-226.38	Hồ Chí Minh	7650	51M-081.15	Hồ Chí Minh			
6051	51M-228.15	Hồ Chí Minh	7651	51M-086.35	Hồ Chí Minh			
6052	51M-228.96	Hồ Chí Minh	7652	51M-097.65	Hồ Chí Minh			
6053	51M-233.96	Hồ Chí Minh	7653	51M-107.09	Hồ Chí Minh			
6054	51M-236.06	Hồ Chí Minh	7654	51M-113.15	Hồ Chí Minh			
6055	51M-241.08	Hồ Chí Minh	7655	51M-116.35	Hồ Chí Minh			
6056	51M-243.09	Hồ Chí Minh	7656	51M-147.15	Hồ Chí Minh			
6057	51M-247.09	Hồ Chí Minh	7657	51M-151.95	Hồ Chí Minh			
6058	51M-250.28	Hồ Chí Minh	7658	51M-158.38	Hồ Chí Minh			
6059	51M-262.95	Hồ Chí Minh	7659	51M-159.16	Hồ Chí Minh			
6060	51M-263.38	Hồ Chí Minh	7660	51M-159.35	Hồ Chí Minh			
6061	51M-287.38	Hồ Chí Minh	7661	51M-181.85	Hồ Chí Minh			
6062	51M-298.06	Hồ Chí Minh	7662	51M-184.19	Hồ Chí Minh			
6063	51M-304.09	Hồ Chí Minh	7663	51M-187.85	Hồ Chí Minh			
6064	51N-001.36	Hồ Chí Minh	7664	51M-191.28	Hồ Chí Minh			
6065	51N-013.18	Hồ Chí Minh	7665	51M-193.29	Hồ Chí Minh			
6066	51N-017.65	Hồ Chí Minh	7666	51M-200.08	Hồ Chí Minh			
6067	51N-018.35	Hồ Chí Minh	7667	51M-203.65	Hồ Chí Minh			
6068	51N-023.09	Hồ Chí Minh	7668	51M-223.59	Hồ Chí Minh			
6069	51N-025.96	Hồ Chí Minh	7669	51M-224.56	Hồ Chí Minh			
6070	51N-035.08	Hồ Chí Minh	7670	51M-225.56	Hồ Chí Minh			
6071	51N-039.16	Hồ Chí Minh	7671	51M-229.08	Hồ Chí Minh			

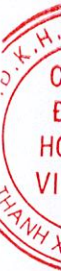
1-2
 TY
 GIÁ
 ANH
 IAM
 -T.P.

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6072	51N-049.59	Hồ Chí Minh	7672	51M-246.08	Hồ Chí Minh			
6073	51N-056.18	Hồ Chí Minh	7673	51M-251.08	Hồ Chí Minh			
6074	51N-056.35	Hồ Chí Minh	7674	51M-253.63	Hồ Chí Minh			
6075	51N-061.09	Hồ Chí Minh	7675	51M-254.85	Hồ Chí Minh			
6076	51N-062.96	Hồ Chí Minh	7676	51M-263.15	Hồ Chí Minh			
6077	51N-068.95	Hồ Chí Minh	7677	51M-263.95	Hồ Chí Minh			
6078	51N-069.25	Hồ Chí Minh	7678	51M-264.28	Hồ Chí Minh			
6079	51N-077.38	Hồ Chí Minh	7679	51M-266.29	Hồ Chí Minh			
6080	51N-078.96	Hồ Chí Minh	7680	51M-273.28	Hồ Chí Minh			
6081	51N-083.29	Hồ Chí Minh	7681	51M-284.15	Hồ Chí Minh			
6082	51N-085.29	Hồ Chí Minh	7682	51M-284.36	Hồ Chí Minh			
6083	51N-085.98	Hồ Chí Minh	7683	51M-294.08	Hồ Chí Minh			
6084	51N-098.08	Hồ Chí Minh	7684	51M-296.25	Hồ Chí Minh			
6085	51N-119.63	Hồ Chí Minh	7685	51M-302.08	Hồ Chí Minh			
6086	51N-128.59	Hồ Chí Minh	7686	51M-306.25	Hồ Chí Minh			
6087	51N-131.06	Hồ Chí Minh	7687	51M-308.98	Hồ Chí Minh			
6088	51N-132.08	Hồ Chí Minh	7688	51M-310.26	Hồ Chí Minh			
6089	51N-134.18	Hồ Chí Minh	7689	51M-311.35	Hồ Chí Minh			
6090	51N-137.15	Hồ Chí Minh	7690	51N-004.19	Hồ Chí Minh			
6091	51N-138.06	Hồ Chí Minh	7691	51N-007.56	Hồ Chí Minh			
6092	51N-138.18	Hồ Chí Minh	7692	51N-016.28	Hồ Chí Minh			
6093	51N-141.06	Hồ Chí Minh	7693	51N-022.08	Hồ Chí Minh			
6094	51N-143.18	Hồ Chí Minh	7694	51N-025.16	Hồ Chí Minh			
6095	51N-143.63	Hồ Chí Minh	7695	51N-027.65	Hồ Chí Minh			
6096	51N-143.96	Hồ Chí Minh	7696	51N-034.63	Hồ Chí Minh			
6097	51N-146.26	Hồ Chí Minh	7697	51N-035.56	Hồ Chí Minh			
6098	51N-148.25	Hồ Chí Minh	7698	51N-041.06	Hồ Chí Minh			
6099	51N-154.19	Hồ Chí Minh	7699	51N-041.59	Hồ Chí Minh			
6100	60B-078.59	Đồng Nai	7700	51N-043.36	Hồ Chí Minh			
6101	60B-080.35	Đồng Nai	7701	51N-065.95	Hồ Chí Minh			
6102	60C-757.06	Đồng Nai	7702	51N-079.36	Hồ Chí Minh			
6103	60C-757.56	Đồng Nai	7703	51N-079.38	Hồ Chí Minh			
6104	60C-765.09	Đồng Nai	7704	51N-080.65	Hồ Chí Minh			
6105	60C-768.28	Đồng Nai	7705	51N-086.19	Hồ Chí Minh			
6106	60C-770.36	Đồng Nai	7706	51N-109.56	Hồ Chí Minh			
6107	60C-771.26	Đồng Nai	7707	51N-120.29	Hồ Chí Minh			
6108	60C-783.63	Đồng Nai	7708	51N-126.85	Hồ Chí Minh			
6109	60C-784.65	Đồng Nai	7709	51N-128.38	Hồ Chí Minh			
6110	60D-023.56	Đồng Nai	7710	51N-138.98	Hồ Chí Minh			
6111	60D-025.65	Đồng Nai	7711	51N-141.96	Hồ Chí Minh			
6112	60K-620.63	Đồng Nai	7712	51N-144.56	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6113	60K-629.59	Đồng Nai	7713	51N-147.08	Hồ Chí Minh			
6114	60K-630.15	Đồng Nai	7714	51N-152.56	Hồ Chí Minh			
6115	60K-631.09	Đồng Nai	7715	60B-078.29	Đồng Nai			
6116	60K-631.56	Đồng Nai	7716	60C-766.95	Đồng Nai			
6117	60K-635.25	Đồng Nai	7717	60D-022.96	Đồng Nai			
6118	60K-638.19	Đồng Nai	7718	60D-025.08	Đồng Nai			
6119	60K-648.36	Đồng Nai	7719	60D-025.38	Đồng Nai			
6120	60K-649.29	Đồng Nai	7720	60K-620.09	Đồng Nai			
6121	60K-652.18	Đồng Nai	7721	60K-627.16	Đồng Nai			
6122	60K-655.19	Đồng Nai	7722	60K-635.29	Đồng Nai			
6123	60K-658.98	Đồng Nai	7723	60K-635.38	Đồng Nai			
6124	60K-660.38	Đồng Nai	7724	60K-645.83	Đồng Nai			
6125	60K-662.59	Đồng Nai	7725	60K-649.28	Đồng Nai			
6126	60K-667.95	Đồng Nai	7726	60K-672.18	Đồng Nai			
6127	60K-671.35	Đồng Nai	7727	60K-675.19	Đồng Nai			
6128	60K-671.58	Đồng Nai	7728	60K-675.38	Đồng Nai			
6129	60K-673.83	Đồng Nai	7729	60K-682.16	Đồng Nai			
6130	60K-674.58	Đồng Nai	7730	61B-044.58	Bình Dương			
6131	60K-674.65	Đồng Nai	7731	61D-022.65	Bình Dương			
6132	60K-677.65	Đồng Nai	7732	61K-524.36	Bình Dương			
6133	60K-682.06	Đồng Nai	7733	61K-525.16	Bình Dương			
6134	60K-683.98	Đồng Nai	7734	61K-541.36	Bình Dương			
6135	60K-687.08	Đồng Nai	7735	61K-571.38	Bình Dương			
6136	60K-696.28	Đồng Nai	7736	61K-588.96	Bình Dương			
6137	60K-697.08	Đồng Nai	7737	61K-598.65	Bình Dương			
6138	60K-700.96	Đồng Nai	7738	61K-599.28	Bình Dương			
6139	61B-046.19	Bình Dương	7739	61K-599.58	Bình Dương			
6140	61C-618.15	Bình Dương	7740	62A-472.35	Long An			
6141	61C-626.58	Bình Dương	7741	62A-475.38	Long An			
6142	61C-629.19	Bình Dương	7742	62A-482.95	Long An			
6143	61C-630.96	Bình Dương	7743	62A-484.09	Long An			
6144	61C-632.18	Bình Dương	7744	62A-492.18	Long An			
6145	61C-635.28	Bình Dương	7745	62A-492.25	Long An			
6146	61C-635.95	Bình Dương	7746	62B-031.35	Long An			
6147	61C-636.65	Bình Dương	7747	62B-031.65	Long An			
6148	61C-637.15	Bình Dương	7748	62C-224.29	Long An			
6149	61C-637.19	Bình Dương	7749	62D-018.35	Long An			
6150	61C-637.28	Bình Dương	7750	63A-327.38	Tiền Giang			
6151	61D-024.36	Bình Dương	7751	63A-332.98	Tiền Giang			
6152	61K-520.29	Bình Dương	7752	63A-338.16	Tiền Giang			
6153	61K-520.38	Bình Dương	7753	63C-232.26	Tiền Giang			



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6154	61K-522.16	Bình Dương	7754	63C-233.29	Tiền Giang			
6155	61K-529.26	Bình Dương	7755	63C-236.18	Tiền Giang			
6156	61K-531.28	Bình Dương	7756	63C-238.19	Tiền Giang			
6157	61K-545.38	Bình Dương	7757	63D-012.18	Tiền Giang			
6158	61K-548.36	Bình Dương	7758	64A-206.65	Vĩnh Long			
6159	61K-553.18	Bình Dương	7759	64A-208.98	Vĩnh Long			
6160	61K-561.98	Bình Dương	7760	64C-136.85	Vĩnh Long			
6161	61K-569.85	Bình Dương	7761	64C-138.16	Vĩnh Long			
6162	61K-576.29	Bình Dương	7762	64C-139.98	Vĩnh Long			
6163	61K-576.38	Bình Dương	7763	64D-008.28	Vĩnh Long			
6164	61K-579.65	Bình Dương	7764	64D-008.35	Vĩnh Long			
6165	61K-588.36	Bình Dương	7765	65A-519.38	Cần Thơ			
6166	61K-591.58	Bình Dương	7766	65A-523.26	Cần Thơ			
6167	61K-592.19	Bình Dương	7767	65A-527.36	Cần Thơ			
6168	61K-597.96	Bình Dương	7768	65A-529.26	Cần Thơ			
6169	62A-471.95	Long An	7769	65B-028.83	Cần Thơ			
6170	62A-477.16	Long An	7770	65C-260.19	Cần Thơ			
6171	62A-479.35	Long An	7771	65C-278.16	Cần Thơ			
6172	62A-484.65	Long An	7772	65C-279.09	Cần Thơ			
6173	62A-490.56	Long An	7773	66A-303.08	Đồng Tháp			
6174	62A-492.65	Long An	7774	66A-305.09	Đồng Tháp			
6175	62A-493.18	Long An	7775	66A-308.95	Đồng Tháp			
6176	62B-032.56	Long An	7776	66C-185.63	Đồng Tháp			
6177	62C-225.09	Long An	7777	66D-013.09	Đồng Tháp			
6178	62C-226.28	Long An	7778	67A-331.19	An Giang			
6179	63A-326.85	Tiền Giang	7779	67A-331.35	An Giang			
6180	63A-329.35	Tiền Giang	7780	67B-030.65	An Giang			
6181	63A-332.38	Tiền Giang	7781	67C-190.25	An Giang			
6182	63A-335.95	Tiền Giang	7782	67C-192.36	An Giang			
6183	63A-336.09	Tiền Giang	7783	67D-008.83	An Giang			
6184	63B-036.16	Tiền Giang	7784	68A-367.85	Kiên Giang			
6185	63C-228.83	Tiền Giang	7785	68A-380.58	Kiên Giang			
6186	63C-235.28	Tiền Giang	7786	68B-035.25	Kiên Giang			
6187	63C-239.06	Tiền Giang	7787	68C-181.25	Kiên Giang			
6188	63C-239.26	Tiền Giang	7788	68C-182.08	Kiên Giang			
6189	63C-239.35	Tiền Giang	7789	68C-184.83	Kiên Giang			
6190	64A-208.25	Vĩnh Long	7790	69A-175.56	Cà Mau			
6191	64A-210.95	Vĩnh Long	7791	69B-013.59	Cà Mau			
6192	64A-213.06	Vĩnh Long	7792	69B-015.56	Cà Mau			
6193	64A-213.58	Vĩnh Long	7793	69C-104.95	Cà Mau			
6194	64B-020.29	Vĩnh Long	7794	69D-006.25	Cà Mau			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6195	64C-139.65	Vĩnh Long	7795	69D-008.16	Cà Mau			
6196	64C-140.28	Vĩnh Long	7796	69D-008.35	Cà Mau			
6197	65A-524.56	Cần Thơ	7797	70A-594.63	Tây Ninh			
6198	65B-025.28	Cần Thơ	7798	70A-599.06	Tây Ninh			
6199	65C-254.38	Cần Thơ	7799	70A-601.59	Tây Ninh			
6200	65C-277.56	Cần Thơ	7800	70A-603.15	Tây Ninh			
6201	66A-302.06	Đồng Tháp	7801	70A-612.59	Tây Ninh			
6202	66A-305.83	Đồng Tháp	7802	70A-614.38	Tây Ninh			
6203	66A-306.98	Đồng Tháp	7803	70B-034.28	Tây Ninh			
6204	66A-307.96	Đồng Tháp	7804	70B-035.28	Tây Ninh			
6205	66B-026.38	Đồng Tháp	7805	70C-216.06	Tây Ninh			
6206	66D-012.19	Đồng Tháp	7806	70C-216.29	Tây Ninh			
6207	67A-330.16	An Giang	7807	70C-217.58	Tây Ninh			
6208	67A-331.06	An Giang	7808	70D-011.26	Tây Ninh			
6209	67A-334.29	An Giang	7809	70D-012.38	Tây Ninh			
6210	67A-343.38	An Giang	7810	70D-014.28	Tây Ninh			
6211	67C-189.65	An Giang	7811	70D-014.65	Tây Ninh			
6212	67C-194.65	An Giang	7812	71A-220.15	Bến Tre			
6213	68A-365.59	Kiên Giang	7813	71B-024.36	Bến Tre			
6214	68A-367.58	Kiên Giang	7814	71B-026.36	Bến Tre			
6215	68A-372.09	Kiên Giang	7815	71C-136.28	Bến Tre			
6216	68A-379.28	Kiên Giang	7816	71D-008.36	Bến Tre			
6217	68C-179.29	Kiên Giang	7817	72A-845.38	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6218	68C-182.26	Kiên Giang	7818	72A-848.08	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6219	68C-184.63	Kiên Giang	7819	72A-848.19	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6220	68D-009.18	Kiên Giang	7820	72A-848.59	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6221	68D-009.29	Kiên Giang	7821	72A-854.25	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6222	69A-170.58	Cà Mau	7822	72A-859.25	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6223	69B-016.19	Cà Mau	7823	72A-861.58	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6224	69C-107.15	Cà Mau	7824	72A-862.09	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6225	69D-007.38	Cà Mau	7825	72A-862.25	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6226	69D-009.06	Cà Mau	7826	72A-867.06	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6227	70A-591.56	Tây Ninh	7827	72A-879.36	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6228	70A-596.26	Tây Ninh	7828	72A-881.08	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6229	70A-604.08	Tây Ninh	7829	72A-883.19	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6230	70A-607.25	Tây Ninh	7830	72A-884.09	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6231	70A-607.28	Tây Ninh	7831	72A-884.83	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6232	70A-613.35	Tây Ninh	7832	72C-268.25	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6233	70C-214.16	Tây Ninh	7833	72C-271.95	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6234	70C-215.19	Tây Ninh	7834	72C-272.15	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6235	70C-216.59	Tây Ninh	7835	72C-274.15	Bà Rịa - Vũng Tàu			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6236	70C-218.36	Tây Ninh	7836	72D-013.65	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6237	70D-011.98	Tây Ninh	7837	73A-376.25	Quảng Bình			
6238	70D-012.28	Tây Ninh	7838	73A-383.15	Quảng Bình			
6239	70D-014.96	Tây Ninh	7839	74A-278.19	Quảng Trị			
6240	71D-008.35	Bến Tre	7840	74A-281.16	Quảng Trị			
6241	72A-847.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	7841	74D-015.28	Quảng Trị			
6242	72A-851.83	Bà Rịa - Vũng Tàu	7842	75A-391.16	Thừa Thiên Huế			
6243	72A-860.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	7843	75A-397.56	Thừa Thiên Huế			
6244	72A-881.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	7844	75A-398.95	Thừa Thiên Huế			
6245	72A-881.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	7845	75A-402.18	Thừa Thiên Huế			
6246	72A-882.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	7846	75B-029.26	Thừa Thiên Huế			
6247	72C-273.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	7847	75C-156.96	Thừa Thiên Huế			
6248	72C-273.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	7848	75C-158.98	Thừa Thiên Huế			
6249	72C-278.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	7849	75D-013.25	Thừa Thiên Huế			
6250	72C-280.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	7850	75D-013.35	Thừa Thiên Huế			
6251	72D-014.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	7851	76A-326.08	Quảng Ngãi			
6252	73A-375.29	Quảng Bình	7852	76A-327.18	Quảng Ngãi			
6253	73A-381.19	Quảng Bình	7853	76A-334.98	Quảng Ngãi			
6254	73B-019.25	Quảng Bình	7854	76A-335.63	Quảng Ngãi			
6255	73B-020.65	Quảng Bình	7855	76D-012.96	Quảng Ngãi			
6256	73D-010.98	Quảng Bình	7856	77A-356.38	Bình Định			
6257	73D-012.19	Quảng Bình	7857	77A-357.59	Bình Định			
6258	74A-284.56	Quảng Trị	7858	77A-358.08	Bình Định			
6259	74B-020.35	Quảng Trị	7859	77A-359.25	Bình Định			
6260	74B-020.58	Quảng Trị	7860	77A-368.16	Bình Định			
6261	74C-145.15	Quảng Trị	7861	77A-368.85	Bình Định			
6262	74C-149.25	Quảng Trị	7862	77A-369.95	Bình Định			
6263	74C-149.35	Quảng Trị	7863	77B-039.09	Bình Định			
6264	75A-390.26	Thừa Thiên Huế	7864	77B-039.98	Bình Định			
6265	75A-397.29	Thừa Thiên Huế	7865	77B-040.56	Bình Định			
6266	75A-397.95	Thừa Thiên Huế	7866	78A-218.65	Phú Yên			
6267	75B-032.56	Thừa Thiên Huế	7867	78A-223.38	Phú Yên			
6268	76A-328.63	Quảng Ngãi	7868	78B-019.16	Phú Yên			
6269	76A-336.65	Quảng Ngãi	7869	78B-020.29	Phú Yên			
6270	76D-013.83	Quảng Ngãi	7870	78D-007.63	Phú Yên			
6271	77A-356.36	Bình Định	7871	79A-570.38	Khánh Hòa			
6272	77A-360.83	Bình Định	7872	79A-574.59	Khánh Hòa			
6273	77A-362.83	Bình Định	7873	79B-046.36	Khánh Hòa			
6274	77B-038.56	Bình Định	7874	79C-230.25	Khánh Hòa			
6275	77B-040.28	Bình Định	7875	79D-011.85	Khánh Hòa			
6276	77C-262.98	Bình Định	7876	79D-013.15	Khánh Hòa			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6277	77D-010.26	Bình Định	7877	79D-014.35	Khánh Hòa			
6278	78A-223.65	Phú Yên	7878	81A-464.26	Gia Lai			
6279	78B-018.98	Phú Yên	7879	81A-464.96	Gia Lai			
6280	78B-020.56	Phú Yên	7880	81A-466.63	Gia Lai			
6281	78D-010.25	Phú Yên	7881	81A-469.29	Gia Lai			
6282	79A-568.83	Khánh Hòa	7882	81A-473.09	Gia Lai			
6283	79A-575.26	Khánh Hòa	7883	81A-476.08	Gia Lai			
6284	79A-577.28	Khánh Hòa	7884	81B-030.16	Gia Lai			
6285	79A-591.98	Khánh Hòa	7885	81C-292.26	Gia Lai			
6286	79C-232.56	Khánh Hòa	7886	81C-294.85	Gia Lai			
6287	79C-233.36	Khánh Hòa	7887	81C-299.63	Gia Lai			
6288	79D-010.65	Khánh Hòa	7888	82A-159.25	Kon Tum			
6289	79D-013.36	Khánh Hòa	7889	82B-023.25	Kon Tum			
6290	79D-014.36	Khánh Hòa	7890	82C-096.29	Kon Tum			
6291	81A-454.26	Gia Lai	7891	83B-023.29	Sóc Trăng			
6292	81A-458.95	Gia Lai	7892	83B-024.59	Sóc Trăng			
6293	81A-466.85	Gia Lai	7893	83B-025.18	Sóc Trăng			
6294	81A-469.63	Gia Lai	7894	83C-137.56	Sóc Trăng			
6295	81C-286.36	Gia Lai	7895	83D-008.19	Sóc Trăng			
6296	81C-287.08	Gia Lai	7896	83D-008.96	Sóc Trăng			
6297	81C-291.15	Gia Lai	7897	83D-009.59	Sóc Trăng			
6298	81C-291.56	Gia Lai	7898	83D-011.38	Sóc Trăng			
6299	81C-292.18	Gia Lai	7899	84A-146.85	Trà Vinh			
6300	81C-295.06	Gia Lai	7900	84A-147.58	Trà Vinh			
6301	81C-299.09	Gia Lai	7901	84A-147.96	Trà Vinh			
6302	81D-014.08	Gia Lai	7902	84B-020.28	Trà Vinh			
6303	81D-016.36	Gia Lai	7903	84B-023.19	Trà Vinh			
6304	81D-016.59	Gia Lai	7904	84C-124.58	Trà Vinh			
6305	81D-017.26	Gia Lai	7905	84C-124.96	Trà Vinh			
6306	82A-158.95	Kon Tum	7906	84C-128.95	Trà Vinh			
6307	82B-024.18	Kon Tum	7907	85A-146.95	Ninh Thuận			
6308	82D-011.38	Kon Tum	7908	85A-149.26	Ninh Thuận			
6309	83B-024.28	Sóc Trăng	7909	85D-009.26	Ninh Thuận			
6310	83D-010.16	Sóc Trăng	7910	86A-330.56	Bình Thuận			
6311	84A-147.06	Trà Vinh	7911	86B-026.08	Bình Thuận			
6312	84A-152.65	Trà Vinh	7912	86B-026.56	Bình Thuận			
6313	84C-125.95	Trà Vinh	7913	86D-006.29	Bình Thuận			
6314	85A-151.83	Ninh Thuận	7914	86D-009.95	Bình Thuận			
6315	85A-153.09	Ninh Thuận	7915	88A-795.15	Vĩnh Phúc			
6316	85B-014.09	Ninh Thuận	7916	88A-805.15	Vĩnh Phúc			
6317	85B-015.06	Ninh Thuận	7917	88A-806.15	Vĩnh Phúc			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6318	85B-016.18	Ninh Thuận	7918	88A-810.98	Vĩnh Phúc			
6319	85B-016.98	Ninh Thuận	7919	88A-822.56	Vĩnh Phúc			
6320	85D-009.16	Ninh Thuận	7920	88A-827.96	Vĩnh Phúc			
6321	86A-321.15	Bình Thuận	7921	88A-829.18	Vĩnh Phúc			
6322	86A-321.95	Bình Thuận	7922	88C-313.59	Vĩnh Phúc			
6323	86A-322.26	Bình Thuận	7923	88C-319.08	Vĩnh Phúc			
6324	86C-215.08	Bình Thuận	7924	88C-320.65	Vĩnh Phúc			
6325	86D-006.35	Bình Thuận	7925	88C-323.35	Vĩnh Phúc			
6326	88A-794.25	Vĩnh Phúc	7926	88C-324.06	Vĩnh Phúc			
6327	88A-794.29	Vĩnh Phúc	7927	88C-325.36	Vĩnh Phúc			
6328	88A-801.65	Vĩnh Phúc	7928	89A-534.95	Hưng Yên			
6329	88A-803.06	Vĩnh Phúc	7929	89A-536.59	Hưng Yên			
6330	88A-816.58	Vĩnh Phúc	7930	89A-539.56	Hưng Yên			
6331	88A-826.19	Vĩnh Phúc	7931	89A-551.56	Hưng Yên			
6332	88C-310.58	Vĩnh Phúc	7932	89B-026.08	Hưng Yên			
6333	89A-537.08	Hưng Yên	7933	89B-027.26	Hưng Yên			
6334	89A-542.38	Hưng Yên	7934	89B-028.19	Hưng Yên			
6335	89A-542.63	Hưng Yên	7935	89C-353.56	Hưng Yên			
6336	89A-545.38	Hưng Yên	7936	89C-354.08	Hưng Yên			
6337	89A-547.19	Hưng Yên	7937	89D-025.95	Hưng Yên			
6338	89A-547.25	Hưng Yên	7938	90A-298.09	Hà Nam			
6339	89A-549.29	Hưng Yên	7939	90B-014.59	Hà Nam			
6340	89A-557.95	Hưng Yên	7940	90C-156.26	Hà Nam			
6341	89A-558.29	Hưng Yên	7941	90C-159.19	Hà Nam			
6342	89A-564.29	Hưng Yên	7942	90D-011.15	Hà Nam			
6343	89B-026.15	Hưng Yên	7943	92A-440.83	Quảng Nam			
6344	89C-358.16	Hưng Yên	7944	92A-442.28	Quảng Nam			
6345	90A-287.96	Hà Nam	7945	92A-447.58	Quảng Nam			
6346	90A-292.06	Hà Nam	7946	92B-039.98	Quảng Nam			
6347	90B-014.19	Hà Nam	7947	93A-506.19	Bình Phước			
6348	90C-155.95	Hà Nam	7948	93A-517.65	Bình Phước			
6349	90C-156.09	Hà Nam	7949	93A-520.15	Bình Phước			
6350	90C-158.83	Hà Nam	7950	93A-521.96	Bình Phước			
6351	90C-159.56	Hà Nam	7951	93B-021.63	Bình Phước			
6352	92A-438.19	Quảng Nam	7952	93D-007.56	Bình Phước			
6353	92A-449.25	Quảng Nam	7953	93D-008.95	Bình Phước			
6354	92A-449.29	Quảng Nam	7954	94A-110.83	Bạc Liêu			
6355	92B-038.56	Quảng Nam	7955	94A-112.36	Bạc Liêu			
6356	92C-261.36	Quảng Nam	7956	95A-136.26	Hậu Giang			
6357	93A-507.58	Bình Phước	7957	95A-137.83	Hậu Giang			
6358	93A-511.38	Bình Phước	7958	95A-142.06	Hậu Giang			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6359	93A-513.83	Bình Phước	7959	95D-024.08	Hậu Giang			
6360	93A-523.19	Bình Phước	7960	95D-024.16	Hậu Giang			
6361	93A-523.95	Bình Phước	7961	95D-024.35	Hậu Giang			
6362	93A-524.98	Bình Phước	7962	97A-095.85	Bắc Kạn			
6363	93B-024.65	Bình Phước	7963	97A-098.95	Bắc Kạn			
6364	93C-203.83	Bình Phước	7964	97A-100.65	Bắc Kạn			
6365	93C-206.58	Bình Phước	7965	97C-049.85	Bắc Kạn			
6366	95A-136.58	Hậu Giang	7966	97D-010.29	Bắc Kạn			
6367	95A-141.19	Hậu Giang	7967	98A-864.08	Bắc Giang			
6368	95A-143.98	Hậu Giang	7968	98A-864.29	Bắc Giang			
6369	95C-089.56	Hậu Giang	7969	98A-867.08	Bắc Giang			
6370	95D-025.95	Hậu Giang	7970	98A-875.95	Bắc Giang			
6371	97C-050.83	Bắc Kạn	7971	98A-881.15	Bắc Giang			
6372	97C-052.83	Bắc Kạn	7972	98A-881.35	Bắc Giang			
6373	98A-863.06	Bắc Giang	7973	98A-881.63	Bắc Giang			
6374	98A-879.38	Bắc Giang	7974	98A-885.29	Bắc Giang			
6375	98A-884.65	Bắc Giang	7975	98A-903.18	Bắc Giang			
6376	98A-892.96	Bắc Giang	7976	98A-907.63	Bắc Giang			
6377	98A-901.28	Bắc Giang	7977	98A-909.35	Bắc Giang			
6378	98A-906.15	Bắc Giang	7978	98B-044.98	Bắc Giang			
6379	98A-912.98	Bắc Giang	7979	98C-376.59	Bắc Giang			
6380	98C-394.36	Bắc Giang	7980	98C-379.36	Bắc Giang			
6381	98D-021.58	Bắc Giang	7981	98C-387.29	Bắc Giang			
6382	98D-023.98	Bắc Giang	7982	98C-396.09	Bắc Giang			
6383	99A-853.16	Bắc Ninh	7983	99A-859.15	Bắc Ninh			
6384	99A-857.15	Bắc Ninh	7984	99A-866.06	Bắc Ninh			
6385	99A-857.28	Bắc Ninh	7985	99A-868.29	Bắc Ninh			
6386	99A-865.08	Bắc Ninh	7986	99A-870.15	Bắc Ninh			
6387	99A-867.28	Bắc Ninh	7987	99A-881.28	Bắc Ninh			
6388	99A-870.18	Bắc Ninh	7988	99A-884.06	Bắc Ninh			
6389	99A-874.63	Bắc Ninh	7989	99A-886.28	Bắc Ninh			
6390	99A-874.98	Bắc Ninh	7990	99A-886.83	Bắc Ninh			
6391	99A-876.58	Bắc Ninh	7991	99A-887.98	Bắc Ninh			
6392	99A-882.85	Bắc Ninh	7992	99A-892.36	Bắc Ninh			
6393	99A-887.65	Bắc Ninh	7993	99A-896.28	Bắc Ninh			
6394	99A-892.56	Bắc Ninh	7994	99C-330.98	Bắc Ninh			
6395	99A-894.85	Bắc Ninh	7995	99C-331.98	Bắc Ninh			
6396	99A-895.16	Bắc Ninh	7996	99C-336.18	Bắc Ninh			
6397	99C-334.15	Bắc Ninh	7997	99C-341.38	Bắc Ninh			
6398	99C-334.59	Bắc Ninh	7998	99C-343.98	Bắc Ninh			
6399	99C-346.09	Bắc Ninh	7999	99C-346.96	Bắc Ninh			

B. 41
 CÔNG T
 ĐẤU GIÁ
 P. DAN
 T. NAM
 UÂN - T. S.

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6400	99C-346.59	Bắc Ninh	8000	99D-026.19	Bắc Ninh			

